

TỈNH ỦY LÂM ĐỒNG

*

Số 1432 - CV/TU

*Về việc thực hiện kiến nghị sau giám sát
của Ban Thường trực Ủy ban Trung ương
Mặt trận Tổ quốc Việt Nam*

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Lâm Đồng, ngày 14 tháng 4 năm 2022

Kính gửi: - Các ban của Tỉnh ủy,
- Các thành ủy, huyện ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy.

Ngày 30 tháng 12 năm 2021, Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam có Công văn số 3440/MTTW-BTT về việc kiến nghị sau giám sát; sau khi xem xét nội dung, Ban Thường vụ Tỉnh ủy yêu cầu các ban của Tỉnh ủy, các thành ủy, huyện ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy quán triệt Thông báo số 3440/MTTW-BTT, ngày 30/12/2021 của Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và triển khai thực hiện tốt các nhiệm vụ sau:

1. Ban Dân vận Tỉnh ủy tham mưu thực hiện tốt Quy chế đối thoại giữa người đứng đầu cấp ủy, chính quyền các cấp với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân; tạo điều kiện, phối hợp chặt chẽ để Mặt trận Tổ quốc các cấp thực hiện tốt chức năng giám sát và phản biện xã hội nói chung, việc giám sát cán bộ, đảng viên và công tác cán bộ nói riêng.

2. Ban Tổ chức Tỉnh ủy tổ chức thực hiện đúng quy định, hướng dẫn của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước trong công tác tuyển dụng, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại cán bộ, công chức, viên chức, chuyển đổi vị trí công tác, kê khai, công khai việc kê khai tài sản phục vụ phòng, chống tham nhũng; rà soát, khắc phục những trường hợp vi phạm quy trình bổ nhiệm lại ở các địa phương do ban hành quyết định bổ nhiệm lại quá thời hạn để hạn chế thấp nhất những hệ lụy về pháp lý gây ra; đề xuất việc thực hiện công tác tổng kết mô hình bí thư chi bộ đồng thời là trưởng ban công tác Mặt trận.

3. Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy thực hiện tốt các nội dung quy chế phối hợp giữa Ủy ban Kiểm tra các cấp với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật của Đảng. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện quy định, hướng dẫn của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác tuyển dụng, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại cán bộ, công chức, viên chức, chuyển đổi vị trí công tác, kê khai, công khai việc kê khai tài sản, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực để kịp thời phát hiện những ưu điểm tiếp tục phát huy, đồng thời ngăn chặn, chấn chỉnh, khắc phục các hạn chế, khuyết điểm, thiếu sót và xử lý nghiêm minh đối với những tổ chức đảng, đảng viên vi phạm.

4. Thành ủy, huyện ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện nghiêm quy định, hướng dẫn của Đảng và chính sách, pháp luật Nhà nước trong công tác tuyển dụng, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại cán bộ, công chức, viên chức, chuyển đổi vị trí công tác, kê khai, công khai việc kê khai tài sản phục

vụ phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; đồng thời, thường xuyên kiểm tra, giám sát, sớm phát hiện các vi phạm để ngăn chặn, khắc phục kịp thời. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tạo điều kiện nhất là trong công tác phối hợp giữa các cơ quan, ban, ngành với Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong công tác giám sát cán bộ, đảng viên tại nơi công tác và nơi cư trú.

(Gửi kèm Công văn số 3440/MTTW-BTT, ngày 30/12/2021 của Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam về "kiến nghị sau giám sát").

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng (báo cáo),
- Ủy ban Trung ương MTTQVN,
- Như kính gửi (thực hiện),
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy, XD2.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ**

Trần Đình Văn

**ỦY BAN TRUNG ƯƠNG
MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM
BAN THƯỜNG TRỰC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 30 tháng 12 năm 2021

Số: 3440/MTTW-BTT

V/v kiến nghị sau giám sát

VĂN PHÒNG TỈNH ỦY LÂM ĐỒNG	
Số.....	57/L
ĐẾN Ngày.....	17-01-2022
Chuyển.....	
Lưu hồ sơ số.....	

**Kính gửi: - Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Thường trực Chính phủ;
- Thường trực tỉnh ủy, thành ủy các tỉnh, thành phố
trực thuộc Trung ương**

Thực hiện Chương trình phối hợp số 30/CTPH-MTTW-TCTV ngày 30/10/2018 giữa Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (MTTQ Việt Nam) và các tổ chức chính trị - xã hội về phối hợp giám sát, phản biện xã hội của MTTQ Việt Nam, các đoàn thể chính trị - xã hội và Nhân dân theo Nghị quyết Hội nghị lần thứ bảy, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII (Chương trình phối hợp số 30); Kế hoạch số 240/KH-MTTW-UB ngày 31/12/2020 về giám sát và phản biện xã hội của Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam năm 2021; Ngày 12/01/2021, Ban Thường trực Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam đã ban hành Kế hoạch số 246/KH-MTTW-BTT về giám sát cán bộ, đảng viên và công tác cán bộ năm 2021 (Kế hoạch số 246).

Ban Thường trực Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam đã tổ chức hội nghị tập huấn, triển khai trực tuyến cho Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam các cấp¹, đồng thời ban hành văn bản và đề cương đề nghị Thường trực tỉnh ủy 63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương báo cáo thực hiện các quy định về cán bộ, đảng viên và công tác cán bộ của Thường trực tỉnh ủy trong thời gian từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2020. Theo hướng dẫn của Ban Thường trực Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam, Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam cấp tỉnh, cấp huyện đã xây dựng kế hoạch tổ chức và triển khai giám sát việc thực hiện các quy định về cán bộ, đảng viên và công tác cán bộ của cấp ủy cấp huyện, cấp xã.

Căn cứ kết quả giám sát, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đánh giá, nhận xét việc thực hiện pháp luật, các quy định của Đảng về cán bộ, đảng viên và công tác cán bộ của cấp ủy các cấp trong năm 2020 và kiến nghị một số nội dung cụ thể như sau:

I. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ

Thời gian từ 01/01/2020 đến 31/6/2021, là thời gian năm cuối của nhiệm kỳ cũ và năm đầu của nhiệm kỳ mới của cấp ủy, HĐND, UBND thực hiện kế hoạch kinh tế - xã hội 5 năm của các cấp, là thời gian diễn ra Đại hội Đảng các cấp và Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, đặc biệt và cũng là thời gian chuẩn bị diễn ra cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội Khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021- 2026. Bên cạnh đó, thời điểm từ cuối năm 2020

¹ Hội nghị trực tuyến có 4.300 người dự gồm Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam các cấp, cán bộ chuyên môn cơ quan, MTTQ VN cấp tỉnh.

và năm 2021 là thời gian bùng phát dịch Covid-19 ở nhiều địa phương trên cả nước, trong đó có những địa phương tình hình dịch bệnh diễn biến hết sức phức tạp, nhiều hoạt động của các cơ quan, tổ chức phải tạm dừng hoặc thay đổi phương thức và phạm vi thực hiện để thích ứng với tình hình. Bối cảnh đó đã tác động không nhỏ đến tình hình triển khai thực hiện và kết quả giám sát cán bộ, đảng viên và công tác cán bộ của cấp ủy, chính quyền các cấp.

Tính đến ngày 15/12/2021, Ban Thường trực Ủy ban Trung ương đã nhận được 63/63 báo cáo của tỉnh ủy, thành ủy các tỉnh, thành phố về kết quả thực hiện các quy định của Đảng về công tác cán bộ trong năm 2020. Ủy ban MTTQ Việt Nam cấp tỉnh giám sát việc giám sát thực hiện các quy định của Đảng về công tác cán bộ cấp huyện, cấp xã và gửi Ban Thường trực Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam. Một số tỉnh do tình hình dịch bệnh diễn biến rất phức tạp nên đã có văn bản đề nghị không triển khai thực hiện giám sát công tác này ở địa phương để tập trung các hoạt động khác². Trên cơ sở báo cáo việc thực hiện pháp luật các quy định của Đảng về công tác cán bộ của các tỉnh, thành ủy và báo cáo của Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam 58/63 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương về kết quả giám sát đối với cấp ủy cấp huyện, cấp xã, Ban Thường trực Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam đã phân công Ban chuyên môn tổng hợp, phân tích, rà soát đối chiếu các quy định của pháp luật có liên quan. Trong quá trình tổng hợp có trao đổi, yêu cầu cơ quan được giám sát bổ sung thông tin còn thiếu, giải trình vấn đề chưa rõ để xây dựng báo cáo chung.

1. Về giám sát việc triển khai, hướng dẫn, tổ chức thực hiện các quy định của Đảng về công tác cán bộ

Thực hiện các chủ trương, quy định của Trung ương, cấp ủy các cấp đã kịp thời ban hành các văn bản chỉ đạo về công tác cán bộ để lãnh đạo, quán triệt tổ chức thực hiện nghiêm túc tại địa phương, cơ sở. Trong năm 2020, cấp ủy các cấp đã ban hành 5.463 văn bản liên quan để chỉ đạo, phối hợp thực hiện các quy định liên quan đến công tác cán bộ, đảng viên. Hệ thống văn bản hướng dẫn khá chặt chẽ, đồng bộ và những cách làm mới, phù hợp thực tiễn cùng với quy trình cán bộ được thực hiện dân chủ, công khai, minh bạch, cán bộ được đề bạt, bổ nhiệm cơ bản hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, nhận được sự đồng thuận, ủng hộ của cán bộ, đảng viên, Nhân dân. Đối với việc triển khai các quy định của trung ương về cán bộ, đảng viên và công tác cán bộ có liên quan đến vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt nam, cấp ủy các cấp cũng đã ban hành các chỉ thị, quy định và kế hoạch hằng năm để chỉ đạo các đơn vị triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời³.

² MTTQ các tỉnh không triển khai giám sát: An Giang, Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh, Long An, Tuyên Quang.

³ Quyết định số 99-QĐ/TW ngày 03/10/2017 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về ban hành “*Hướng dẫn khung để các cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc Trung ương tiếp tục phát huy vai trò của nhân dân trong đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ*”; Quy định số 101-QĐ/TW ngày 07/6/2012 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo chủ chốt các cấp; Quy định số 124-QĐ/TW ngày 02/02/2018 của Ban bí thư Trung ương Đảng về “*Giám sát của MTTQ Việt Nam, các tổ chức chính trị- xã hội và nhân dân đối với việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống của người đứng đầu, cán bộ chủ chốt và cán bộ, đảng viên*”; Quy định số 205-QĐ/TW ngày 23/9/2019 của Bộ Chính trị “*về việc kiểm soát quyền lực trong công tác cán bộ và chống chạy chức, chạy quyền*”; Quy định số 213-QĐ/TW ngày 02/01/2020 của Bộ Chính trị khóa XII “*về trách nhiệm của đảng viên đang công tác thường xuyên giữ mối liên hệ với tổ chức đảng và Nhân dân nơi cư trú*”.

2. Về giám sát việc tiếp nhận, xử lý, giải quyết các thông tin, phản ánh liên quan đến cán bộ, đảng viên và công tác cán bộ do MTTQ Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp chuyển đến các cấp ủy, chính quyền, tổ chức cơ sở đảng

Cấp ủy đảng, chính quyền các cấp đã thường xuyên chú trọng công tác tiếp nhận, lắng nghe ý kiến phản ánh của MTTQ, các tổ chức chính trị - xã hội, cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên và nhân dân để kịp thời phát hiện, xem xét, xử lý các trường hợp cán bộ, đảng viên có dấu hiệu suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, vi phạm các chuẩn mực đạo đức trong thực thi công vụ và đạo đức nghề nghiệp. Việc xem xét, xử lý, giải quyết trên tinh thần xây dựng, bảo đảm dân chủ, công khai, khách quan, minh bạch.

Qua tổng hợp nhận thấy các thông tin, phản ánh liên quan đến cán bộ, đảng viên do Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội chuyển đến đều được cấp ủy các cấp xử lý kịp thời đồng thời có thông báo cho Mặt trận theo đúng quy định. Năm 2020, cấp ủy, tổ chức cơ sở đảng cấp huyện đã tiếp nhận 884 ý kiến phản ánh của MTTQ Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội và Nhân dân, qua xem xét, nghiên cứu cấp ủy, chính quyền các cấp đã có 834 văn bản thông báo kết quả cho MTTQ Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội (đạt tỷ lệ 94.3%).

3. Về giám sát việc thực hiện các quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP

Qua giám sát nhận thấy, việc tuyển dụng cơ bản đúng quy trình theo quy định Luật Cán bộ, công chức ngày 13/11/2008, Luật viên chức năm 2010; các Nghị định của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức, viên chức; về chính sách thu hút, tạo nguồn cán bộ từ sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ... Hằng năm, các cơ quan, đơn vị tiến hành rà soát, yêu cầu các cơ quan, đơn vị đăng ký nhu cầu tuyển dụng công chức, viên chức, cấp ủy, chính quyền các địa phương có quyết định phê duyệt chỉ tiêu và ban hành kế hoạch tuyển dụng công chức, viên chức đồng thời thông báo tuyển dụng trên các phương tiện thông tin đại chúng, thành lập hội đồng, thành lập các ban của Hội đồng để tổ chức tuyển dụng theo đúng quy định, giao các cơ quan chuyên môn triển khai thực hiện quy trình tuyển dụng trong đó chú trọng giám sát việc tuyển dụng công chức, viên chức.

Việc thông báo tuyển dụng công chức, viên chức được đăng tải rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng; Kế hoạch tuyển dụng được niêm yết công khai, thông tin tuyển dụng được công khai, minh bạch, việc thực hiện quá trình tuyển dụng thể hiện sự nghiêm túc, khách quan, đúng quy trình, quy định tại các văn bản hướng dẫn hiện hành. Theo báo cáo của các địa phương trong năm 2020: Công chức được tuyển dụng là 5.585 người trong đó các đơn vị cấp tỉnh tuyển dụng 3.559 người, thông qua thi tuyển là 2.450 người, thông qua xét tuyển là 641 người, hình thức khác là 468 người; thuộc các đơn vị cấp huyện tuyển dụng 2.026 người thông qua thi tuyển là 1.213 người, thông qua xét tuyển là 813 người. Tổng số công chức xã được tuyển dụng là 694 người, thông qua thi tuyển là 298 người, thông qua xét tuyển là 396 người. Viên chức được tuyển dụng là 56.425 trong đó các đơn vị cấp tỉnh tuyển 29.616 người, thông qua thi tuyển 8.001 người, thông

qua xét tuyển **21.503** người, hình thức khác **112** người; thuộc các đơn vị cấp huyện tuyển **26.809** người, thông qua thi tuyển **8.903** người, thông qua xét tuyển **17.906** người. Tuyển dụng hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP là **4.623** người cấp tỉnh là **1.140** người, cấp huyện là **3.483** người⁴.

Việc thực hiện quy trình tuyển dụng công chức, viên chức cơ bản qua hình thi tuyển và xét tuyển, đúng tiêu chuẩn, quy trình. Hình thức thi tuyển đảm bảo qua 2 vòng thi, chú trọng thi môn nghiệp vụ chuyên ngành, thể hiện được kiến thức, năng lực, kỹ năng chuyên môn, nghiệp vụ của người dự tuyển công chức, viên chức theo yêu cầu của vị trí việc làm và chức danh nghề nghiệp cần tuyển dụng. Việc thực hiện xét tuyển viên chức được thực hiện nghiêm túc, đảm bảo quy trình, tiêu chuẩn, có sự quan tâm đến các đối tượng ưu tiên như gia đình chính sách, hộ nghèo cán bộ nữ, cán bộ trẻ có thành tích học tập xuất sắc...

Việc tuyển dụng theo đúng vị trí việc làm và phù hợp với bằng cấp chuyên môn được đào tạo và yêu cầu công tác, mục tiêu nhằm xây dựng đội ngũ công chức, viên chức trẻ, ngày càng có trình độ, năng lực, đáp ứng với tình hình mới. Một số địa phương căn cứ yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển để xem xét, tiếp nhận vào làm công chức đối với các trường hợp đáp ứng đủ điều kiện, tiêu chuẩn. Việc ký kết hợp đồng lao động cũng cơ bản đảm bảo đúng chỉ tiêu, trình độ, phù hợp với nhiệm vụ. Trong quá trình tuyển dụng công chức, viên chức và hợp đồng lao động không phát sinh đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của người dự tuyển. Một số địa phương do tình hình thực tế trong năm 2020 không thực hiện công tác tuyển dụng cán bộ, công chức.

4. Về giám sát việc thực hiện các quy định về bổ nhiệm cán bộ

Theo báo cáo của các địa phương năm 2020, ở các cơ quan cấp tỉnh bổ nhiệm các chức danh quản lý **4.688** người trong đó bổ nhiệm là **3.186** người, bổ nhiệm lại là **1.502**; Các cơ quan cấp huyện bổ nhiệm các chức danh quản lý là **13.678** người, trong đó bổ nhiệm **7.330** người, bổ nhiệm lại là **6.348** người; Các cơ quan cấp xã bổ nhiệm **6.797** người⁵.

Công tác bổ nhiệm cán bộ của các địa phương cơ bản được thực hiện đúng quy trình, quy định, đảm bảo dân chủ, công khai, minh bạch, chặt chẽ, thận trọng, hạn chế tối đa tình trạng chạy chức, chạy quyền, tạo môi trường cho cán bộ rèn luyện, cống hiến, trưởng thành. Quy trình bổ nhiệm cán bộ thực hiện áp dụng theo Quy định của Bộ Chính trị về phân cấp quản lý cán bộ và bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ, bảo đảm đúng tiêu chuẩn, điều kiện của cán bộ về tiêu chuẩn chức danh, tiêu chí đánh giá cán bộ, đội ngũ cán bộ được đề bạt, bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử cơ bản đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Việc thực hiện bổ nhiệm cán bộ đúng quy trình, thủ tục bổ nhiệm cán bộ, đảm bảo nguyên tắc tập trung dân chủ theo đúng các văn bản hướng dẫn của Đảng, Nhà nước và đúng phân cấp. Quy trình bổ nhiệm được thực hiện nghiêm túc, rà soát kỹ từng trường hợp, cán bộ được bổ nhiệm cơ bản đảm bảo các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định, hầu hết không có đơn khiếu nại, tố cáo liên quan đến công tác bổ nhiệm cán bộ.

⁴ Phụ lục số 1, số 2A, Số 3A

⁵ Phụ lục số 1, số 2B, 3 B

Trong quá trình giám sát, phát hiện trường hợp cán bộ có dấu hiệu vi phạm về điều kiện, tiêu chuẩn, quy trình bổ nhiệm, Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam các cấp kịp thời ban hành công văn đề nghị cấp ủy địa phương rà soát để xử lý đúng quy định⁶.

5. Về giám sát việc thực hiện các quy định về chuyển đổi vị trí công tác (theo Nghị định số 59/2019/NĐ-CP, ngày 01/7/2019 của Chính Phủ)

Qua giám sát các địa phương báo cáo cấp tỉnh đã thực hiện chuyển đổi vị trí công tác đối với 4.942 trường hợp cán bộ, công chức, viên chức. Cấp huyện tổng số 3.362/3956 trường hợp trong diện chuyển đổi vị trí công tác (đạt 84,9%), còn 594 trường hợp chưa chuyển đổi (chiếm 15,1%)⁷.

Nhìn chung, công tác chuyển đổi vị trí việc làm được cấp ủy các cấp quan tâm, chỉ đạo kịp thời, thường xuyên, đảm bảo đúng theo quy trình, thủ tục, góp phần thực hiện tốt Luật Phòng, chống tham nhũng. Việc chuyển đổi vị trí việc làm giúp công chức, viên chức có điều kiện rèn luyện bản lĩnh, nâng cao năng lực, thích nghi, nắm bắt địa bàn, đối tượng quản lý, từ đó, tham mưu các giải pháp tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ chuyên môn đảm bảo hiệu quả tốt. Qua việc chuyển đổi, đã giúp đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức nâng cao tinh thần trách nhiệm, sẵn sàng nhận nhiệm vụ mới, phục tùng tuyệt đối sự phân công nhiệm vụ theo quyết định chuyển đổi vị trí công tác.

6. Về giám sát việc thực hiện các quy định về kê khai, công khai tài sản đối với cán bộ, công chức, viên chức của các cấp ủy, tổ chức cơ sở Đảng và chính quyền, cơ quan hành chính Nhà nước các cấp (theo Nghị định số 130/2020/NĐ-CP, ngày 30/10/2020 của Chính Phủ)

Theo Nghị định số 130/2020/NĐ-CP, ngày 30/10/2020 của Chính phủ về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị; Công văn số 252/TTCP, ngày 19/02/2021 của Thanh tra Chính phủ về việc kiểm soát tài sản, thu nhập, Ban Thường vụ cấp ủy các cấp đã kịp thời triển khai, quán triệt đến các chi bộ, đảng bộ trực thuộc, xây dựng kế hoạch về kê khai, công khai minh bạch tài sản, thu nhập lần đầu; kê khai hàng năm, kê khai bổ sung để lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện. Theo đó, yêu cầu các chi bộ, đảng bộ trực thuộc, các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm hướng dẫn cán bộ, công chức, viên chức có nghĩa vụ kê khai thực hiện kê khai đúng mẫu kê khai và thực hiện công tác kê khai, công khai đảm bảo thời gian quy định.

Theo thống kê chưa đầy đủ của các địa phương năm 2020, ở cấp tỉnh số người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập lần đầu là 458.373 người, trong đó số

⁶ Ban Thường trực Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam ban hành văn bản số 3237/MTTW - BTT V/v đề nghị báo cáo về thực hiện quy trình bổ nhiệm cán bộ, đề nghị tỉnh ủy Lào Cai báo cáo cụ thể về thực hiện quy trình, điều kiện bổ nhiệm cán bộ đối với đồng chí Đàm Quang Vinh và kết quả kiểm tra, xác minh, xử lý thông tin Báo Lao động nêu. Ngày 07/12/2021, Ban Thường trực Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam nhận được báo cáo số 195 - BC/TU ngày 02/12/2021 của tỉnh ủy Lào Cai V/v thực hiện quy trình, điều kiện bổ nhiệm đồng chí Đàm Quang Vinh giữ chức vụ Chánh Thanh tra tỉnh Lào Cai và xác minh thông tin, đề nghị Ban Bí Thư Trung ương Đảng thi hành kỷ luật đối với đồng chí Đàm Quang Vinh, hiện nay Ủy ban Kiểm tra Trung ương đang thực hiện quy trình theo quy định; Ngày 25/11/2021 Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai đã ban hành Quyết định số 4135/QĐ - UBND ký luật công chức với hình thức buộc thôi việc đối với đồng chí Đàm Quang Vinh, Chánh Thanh tra tỉnh Lào Cai.

⁷ Phụ lục số 1, số 2B, 3 B

người đã kê khai tài sản lần đầu là 458.038 người (đạt 99.9%). Cấp huyện số người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập lần đầu là 182.795 người, số người đã kê khai tài sản lần đầu là 181.478 người (đạt 99.3%)⁸.

Việc thực hiện công khai bản kê khai bằng hình thức niêm yết tại nơi làm việc của cơ quan, đơn vị nơi cán bộ công tác hoặc hình thức công khai bản kê khai tại cuộc họp theo đúng quy định. Hồ sơ lưu trữ được thiết lập theo quy định; danh sách người có nghĩa vụ phải kê khai tài sản thu nhập lần đầu, các bản kê khai tài sản của người kê khai được lập đầy đủ; việc giao nhận bản kê khai được thực hiện nghiêm túc; biên bản niêm yết bản kê khai tài sản thu nhập của từng cơ quan, đơn vị được thực hiện chặt chẽ, đúng quy định. Kết quả triển khai thực hiện công tác kiểm soát tài sản thu nhập được báo cáo cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

7. Đánh giá chung

7.1. Ưu điểm

- Ban Thường vụ tỉnh ủy, thành ủy và cấp ủy các cấp đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức quán triệt việc thực hiện các quy định, tổ chức nghiên cứu, quán triệt, học tập, được phổ biến đến các chi bộ và từng cán bộ, đảng viên về các quy định của Đảng và Nhà nước về công tác giám sát cán bộ đảng viên và công tác cán bộ. Thông qua đó, nhận thức của các cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên về công tác cán bộ được nâng lên, phát huy vai trò, trách nhiệm của các cấp ủy, tổ chức đảng và người đứng đầu các cấp đối với công tác tổ chức, cán bộ. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo được các cấp ủy thực hiện khá nghiêm túc, sự phối hợp của cấp ủy với chính quyền, Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội ngày càng được quan tâm, nhất là những nội dung có liên quan đến giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt nam và các đoàn thể đối với cán bộ, đảng viên và công tác cán bộ.

- Giám sát việc thực hiện các quy định về giám sát cán bộ, đảng viên và công tác cán bộ theo các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước của MTTQ Việt Nam đã tạo được sự chuyển biến và nâng cao nhận thức của cấp ủy, chính quyền các cấp, nâng cao trách nhiệm của cán bộ, đảng viên về vai trò giám sát của MTTQ các cấp và Nhân dân đối với việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống của người đứng đầu, cán bộ chủ chốt và cán bộ, đảng viên, góp phần xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh.

- Quá trình giám sát của Mặt trận đã nhận được sự quan tâm, phối hợp, tạo điều kiện của cấp ủy, chính quyền các cấp, các cơ quan, đơn vị, tổ chức quản lý đối tượng được giám sát; cấp ủy, chính quyền, đơn vị có liên quan đã chủ động xem xét, giải quyết khi có báo cáo, phản ánh của MTTQ, các tổ chức chính trị - xã hội cùng cấp và Nhân dân về những biểu hiện suy thoái đạo đức, lối sống của người đứng đầu, cán bộ chủ chốt và cán bộ, đảng viên thuộc thẩm quyền quản lý.

- Công tác tổ chức cán bộ bám sát các quan điểm, nguyên tắc, quy định của Đảng, đi vào nề nếp và đạt được những kết quả quan trọng. Quy trình công tác cán bộ được thực hiện chặt chẽ, dân chủ, công khai, minh bạch, đúng quy định. Các

⁸ Phụ lục số 1, số 2B, 3 B

quy định về công tác tuyển dụng công chức, viên chức của Trung ương được các tỉnh, thành ủy cụ thể hoá thành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn cụ thể, theo đó, phân cấp, rõ ràng về thẩm quyền tuyển dụng. Công tác tuyển dụng tiếp tục được thực hiện thường xuyên và nghiêm túc, đúng quy trình, thủ tục. Bố trí biên chế công chức và số người làm việc ở các cơ quan, đơn vị từ bằng đến thấp hơn số lượng được cơ quan có thẩm quyền giao, không có cơ quan, đơn vị nào tuyển vượt biên chế, số lượng người làm việc được giao, đảm bảo cơ bản bổ sung đủ nhu cầu về nhân lực cho các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp. Công chức, viên chức khi được tuyển dụng đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ.

Cấp uỷ các cấp phát huy tốt vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong triển khai, thực hiện công tác giám sát cán bộ, đảng viên theo Quyết định số 217-QĐ/TW của Bộ Chính trị khoá XI. Qua đó, góp phần tạo sự chuyển biến tích cực trong nhận thức, hành động của cán bộ, đảng viên, nâng cao kỷ luật, kỷ cương, kịp thời ngăn chặn, đẩy lùi các biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, "tự diễn biến", "tự chuyển hoá" trong nội bộ, xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên, công chức đảm bảo chất lượng, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ.

7.2. Hạn chế

- Một số cấp uỷ ở các địa phương nhận thức, quán triệt có lúc chưa đầy đủ, sâu sắc về các nguyên tắc, quan điểm, chủ trương của Đảng về công tác giám sát cán bộ, đảng viên và công tác cán bộ dẫn đến việc chỉ đạo, tổ chức thực hiện có lúc, có việc còn bị động, lúng túng, chưa sát với tình hình thực tiễn.

- Công tác cán bộ ở hầu hết các địa phương đã thực hiện theo các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Tuy nhiên vẫn còn một số tồn tại hạn chế cần phải được khắc phục: Tình trạng vi phạm về thời hạn ban hành quyết định bổ nhiệm lại còn xảy ra phổ biến ở cấp tỉnh của nhiều địa phương với tỷ lệ tương đối cao (437/1.502 trường hợp chiếm tỷ lệ 29,23%), có 21 tỉnh, thành tỷ lệ vi phạm này chiếm trên 50%⁹, trong đó có địa phương 100% các trường hợp bổ nhiệm lại đều ban hành quyết định quá thời hạn¹⁰; có nhiều trường hợp ban hành quyết định bổ nhiệm lại quá hạn nhiều tháng, thậm chí có một số trường hợp nhiều năm đã gây ra hệ quả pháp lý các văn bản hành chính, hành vi hành chính của người được bổ nhiệm lại trong thời gian từ khi hết hiệu lực quyết định bổ nhiệm đến khi ban hành quyết định bổ nhiệm lại sẽ không có giá trị pháp lý¹¹. Việc thực hiện chuyển đổi vị trí công tác, việc làm và kê khai, công khai tài sản theo quy định về phòng chống tham nhũng đã được triển khai nhưng chưa triệt để.

- Một số cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc cấp uỷ cấp huyện chưa thực hiện tốt vai trò của mình trong việc giúp cấp uỷ kiểm tra, giám sát về công tác cán bộ. Việc công khai tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn theo Nghị định số 130/2020-NĐ-CP thực hiện trong phạm vi hẹp chưa rõ tác dụng; chưa rõ kết quả xử lý khi có vi phạm. Công tác phối hợp giữa các cơ quan trong thực hiện giám sát cán bộ, đảng viên và công tác cán bộ có lúc thiếu thường xuyên,

⁹ Danh sách phụ lục số 4 kèm theo

¹⁰ Tỉnh Tây Ninh: 3/3 trường hợp; Vĩnh Long: 9/9 trường hợp;

¹¹ Danh sách phụ lục số 5 kèm theo

chưa chặt chẽ, hiệu quả chưa cao. Chức năng giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội một vài nơi chưa phát huy rõ nét. Vai trò định hướng, chỉ đạo của một số cấp uỷ thiếu cụ thể, chưa rõ ràng.

- Công tác giám sát người đứng đầu cấp uỷ, tổ chức đảng, cán bộ chủ chốt các cấp ở một số cấp uỷ tuy thực hiện có đảm bảo theo quy định nhưng có mặt vẫn chưa đáp ứng yêu cầu thực tế. Việc sơ kết, tổng kết các nghị quyết, chỉ thị, quy định về công tác cán bộ và công tác giám sát cán bộ có lúc, có việc chưa kịp thời.

- Công tác tham mưu và chủ trì của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong giám sát cán bộ, đảng viên và công tác cán bộ có mặt còn hạn chế, số lượng các cuộc giám sát chưa nhiều, hiệu quả và chất lượng giám sát chưa cao; công tác giám sát cán bộ, đảng viên ở nơi làm việc theo Quy định 124 - QĐ/TW chưa được triển khai; nhiều địa phương chưa phát huy tốt vai trò giám sát của nhân dân đối với đảng viên về tham gia sinh hoạt nơi cư trú theo Quy định 124 - QĐ/TW và Quy định 213-QĐ/TW.

7.3. Nguyên nhân của những hạn chế

- Nhận thức của một số cấp uỷ và tổ chức đảng về công tác giám sát cán bộ, đảng viên và công tác cán bộ có mặt chưa đầy đủ. Sau giám sát, xử lý vi phạm còn một vài nơi thiếu kiểm tra việc khắc phục, sửa chữa những sai phạm, thiếu sót của cán bộ, đảng viên. Tâm lý ngại va chạm, nể nang, né tránh, thiếu bản lĩnh khi thực hiện nhiệm vụ giám sát cán bộ, đảng viên và công tác cán bộ, nhất là giám sát vai trò người đứng đầu và cán bộ chủ chốt các cấp nên số lượng và chất lượng một số cuộc giám sát không cao, chưa đánh giá đúng thực chất của vụ việc, nên chưa đủ sức góp phần ngăn chặn sự suy thoái về đạo đức, lối sống, tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trong một bộ phận cán bộ, đảng viên. Một số quy định về giám sát cán bộ, đảng viên còn mang tính nguyên tắc chung, chưa thật cụ thể.

- Vai trò chủ động của Mặt trận Tổ quốc các cấp trong tham mưu, đề xuất với cấp uỷ, phối hợp các cơ quan chức năng thực hiện nhiệm vụ công tác giám sát cán bộ, đảng viên, người đứng đầu có nơi thiếu chủ động hoặc khi có dư luận mới tiến hành giám sát, thiếu tính thường xuyên.

- Một số cán bộ làm công tác kiểm tra, giám sát, nhất là công tác giám sát của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội chưa được đào tạo chuyên sâu về nghiệp vụ kiểm tra, giám sát, chủ yếu qua các đợt tập huấn ngắn hạn do Mặt trận Tổ quốc Việt Nam triển khai trong hệ thống, khi tiến hành quy trình công tác giám sát liên quan đến cán bộ, đảng viên, người đứng đầu và công tác cán bộ còn nhiều bỡ ngỡ, lúng túng, gặp một số khó khăn, hạn chế nhất định.

II. KIẾN NGHỊ

1. Đề nghị Quốc hội, Chính phủ

- Đề nghị Quốc hội, Chính phủ tiếp tục thể chế hóa các quy định của Đảng và phát huy tốt vai trò của MTTQ và các đoàn thể chính trị - xã hội trong tham gia xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân. Sửa đổi, bổ sung Luật MTTQ Việt Nam, trong đó quy định chi tiết, cụ thể hơn để đảm bảo MTTQ Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội thực hiện tốt

hơn nhiệm vụ giám sát, phản biện xã hội. Đề nghị Quốc hội, Chính phủ sớm có lộ trình xây dựng và ban hành Luật hoặc Pháp lệnh hoạt động giám sát của Nhân dân.

- Đề nghị Chính phủ:

+ Chỉ đạo rà soát, khắc phục những trường hợp vi phạm quy trình bổ nhiệm lại trong phạm vi toàn quốc do ban hành quyết định bổ nhiệm lại quá thời hạn đề hạn chế thấp nhất những hệ lụy pháp lý do tồn tại này gây ra.

+ Chỉ đạo, đôn đốc các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ sớm quy định cụ thể danh mục và thời hạn định kỳ chuyển đổi vị trí công tác theo quy định tại khoản 1 Điều 36 Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tham nhũng.

+ Sớm ban hành Quy định khung về tiêu chuẩn chức danh lãnh đạo, quản lý cấp sở, chi cục, cấp phòng thuộc sở, cấp phòng thuộc chi cục thuộc sở và cấp phòng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện.

+ Chỉ đạo Thanh tra Chính phủ sớm ban hành văn bản hướng dẫn cụ thể đối tượng kê khai¹² tại khoản 8 Điều 30 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018, Nghị định số 130/2020/NĐ-CP, ngày 30/10/2020 của Thủ tướng Chính phủ. Đề nghị sửa đổi, bổ sung quy định về công khai bản kê khai tài sản thu nhập tại nơi cư trú của người kê khai để Nhân dân giám sát, quy định cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập theo hướng có sự phân cấp quản lý theo cấp hành chính nhà nước; từ đó, xác định cấp có thẩm quyền tiến hành xác minh tài sản thu nhập hàng năm nhằm nâng cao năng lực quản lý ở từng cấp và đạt hiệu quả cao trong công tác phòng chống tham nhũng¹³.

2. Đề nghị các tỉnh, thành ủy trực thuộc Trung ương

- Đề nghị Thường trực các Tỉnh, thành ủy tiếp tục quan tâm chỉ đạo cấp ủy, chính quyền các cấp trong việc thực hiện Quy chế đối thoại giữa người đứng đầu cấp ủy, chính quyền các cấp với MTTQ Việt Nam, các đoàn thể chính trị - xã hội và Nhân dân; đồng thời, chỉ đạo cấp ủy các cấp tạo điều kiện, phối hợp chặt chẽ để MTTQ các cấp thực hiện tốt chức năng giám sát và phản biện xã hội nói chung, việc giám sát cán bộ, đảng viên và công tác cán bộ nói riêng.

- Cấp ủy các cấp trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện công tác tuyển dụng cán bộ công chức, thực hiện đúng quy trình bổ nhiệm, bổ nhiệm lại cán bộ, chuyển đổi vị trí công tác, kê khai, công khai việc kê khai tài sản phục vụ phòng chống tham nhũng, đồng thời thường xuyên kiểm tra, giám sát sớm phát hiện các vi phạm để ngăn chặn, khắc phục kịp thời.

¹² Tại Khoản 3, Điều 34; cơ quan có thẩm quyền kiểm soát tài sản, thu nhập tại Khoản 8, Điều 30 của Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 và hướng dẫn cách ghi các Khoản vay tại Phụ lục số 1, Nghị định số 130/2020/NĐ-CP, ngày 30/10/2020 của Thủ tướng Chính phủ.

¹³ Cấp Trung ương do Thanh tra Chính phủ quản lý; cấp tỉnh do Thanh tra tỉnh quản lý; cấp huyện do Thanh tra huyện quản lý.

- Cấp ủy đảng các cấp cần tăng cường hơn nữa trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tạo điều kiện nhất là trong công tác phối hợp giữa các cơ quan, ban, ngành với MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội trong công tác giám sát cán bộ, đảng viên tại nơi công tác và nơi cư trú.

- Chỉ đạo rà soát, khắc phục những trường hợp vi phạm quy trình bổ nhiệm lại ở địa phương do ban hành quyết định bổ nhiệm lại quá thời hạn để hạn chế thấp nhất những hệ lụy pháp lý do tồn tại này gây ra.

- Tổng kết việc thực hiện Bí thư chi bộ đồng thời là trưởng ban công tác Mặt trận, kiến nghị tách riêng hai chức danh Bí thư chi bộ và Trưởng ban công tác mặt trận khu dân cư nhằm phát huy vai trò của Ban công tác mặt trận trong giám sát cán bộ, đảng viên nơi cư trú.

3. Đề nghị UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

- Đề nghị UBND tỉnh quan tâm thực hiện nghiêm túc các Quy định của Đảng về thực hiện Quy chế đối thoại giữa người đứng đầu cấp ủy, chính quyền các cấp với MTTQ Việt Nam, các đoàn thể chính trị - xã hội và Nhân dân, trách nhiệm của các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền trong việc tiếp thu ý kiến góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội và nhân dân.

- Thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, công khai, minh bạch trong quá trình tuyển dụng công chức, viên chức, bổ nhiệm cán bộ, nghiêm túc việc trả lời ý kiến, kiến nghị của cử tri và Nhân dân, các kiến nghị sau giám sát, các ý kiến phản biện xã hội của MTTQ Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội.

- Tiếp tục quan tâm phối hợp, tạo điều kiện để Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội thực hiện có hiệu quả công tác giám sát và phản biện xã hội, phát huy vai trò của Mặt trận, các tổ chức chính trị - xã hội và Nhân dân trong xây dựng bộ máy chính quyền, đội ngũ cán bộ, đảng viên các cấp.

- Rà soát, khắc phục những trường hợp vi phạm quy trình bổ nhiệm lại ở địa phương do ban hành quyết định bổ nhiệm lại quá thời hạn để hạn chế thấp nhất những hệ lụy pháp lý do tồn tại này gây ra.

4. Đề nghị Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

- Tiếp tục chỉ đạo sâu sát việc tuyên truyền, triển khai thực hiện có hiệu quả Quy định số 124-QĐ/TW gắn với việc thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII), Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị, Quyết định số 217-QĐ/TW, Quyết định số 218-QĐ/TW của Bộ Chính trị về giám sát, phản biện xã hội, về góp ý xây dựng Đảng, chính quyền của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và Nhân dân; Quy định số 205-QĐ/TW; Quy định số 213-QĐ/TW của Bộ Chính trị; Quyết định số 99-QĐ/TW; Quy định số 101-QĐ/TW của Ban Bí thư.

- Trên cơ sở báo cáo của cấp ủy cấp huyện, rà soát tổng hợp những trường hợp vi phạm quy trình bổ nhiệm lại ở địa phương do ban hành quyết định bổ nhiệm lại quá thời hạn, những trường hợp vi phạm Điều lệ giáo dục do không chuyển đổi vị trí lãnh đạo, quản lý các trường phổ thông, mầm non công lập báo cáo cấp ủy cùng cấp, kiến nghị UBND cùng cấp khắc phục tồn tại để hạn chế thấp nhất những hệ lụy pháp lý do tồn tại này gây ra, đồng thời báo cáo Ban Thường trực Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam kết quả thực hiện để tổng hợp đánh giá thực trạng ở các huyện trên địa bàn toàn quốc.

- Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tập trung đổi mới nội dung, phương thức hoạt động để tập hợp quần chúng nhân dân đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới; hằng năm xây dựng kế hoạch giám sát cụ thể đối với người đứng đầu, cán bộ chủ chốt và cán bộ, đảng viên đảm theo quy định; chủ động nắm bắt tình hình, phản ánh, báo cáo khi có biểu hiện suy thoái đạo đức, lối sống của người đứng đầu, cán bộ chủ chốt và cán bộ, đảng viên để cấp ủy, chính quyền cùng cấp có hướng chỉ đạo, xem xét, giải quyết.

- Làm tốt công tác bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ, kỹ năng giám sát, phản biện xã hội cho cán bộ làm công tác Mặt trận các cấp nhằm nâng cao trình độ, kỹ năng giám sát, thu thập, xử lý, giải quyết các thông tin nhất là thông tin liên quan đến nội dung giám sát. Phát huy hiệu quả các hình thức giám sát; huy động sự vào cuộc của các tổ chức thành viên Mặt trận, của cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân trong thực hiện giám sát nói chung và giám sát cán bộ, đảng viên, công tác cán bộ nói chung.

Trên đây là nội dung đánh giá, nhận xét kết quả giám sát việc thực hiện các quy định về cán bộ, đảng viên và công tác cán bộ trong khoảng thời gian từ 01/01/2020 đến ngày 31/12/2020 của cấp ủy các cấp và một số nội dung kiến nghị. Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trân trọng báo cáo Ban Bí thư Trung ương Đảng, gửi đến Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ, Thường trực các tỉnh, thành ủy để nghiên cứu, chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan thực hiện theo quy định./.

(Văn bản gửi kèm theo 07 phụ lục, biểu mẫu số liệu kết quả đánh giá).

Trân trọng!

Nơi nhận: 

- BBT Trung ương Đảng (để chỉ đạo);
- Chủ tịch Đỗ Văn Chiến (để b/c);
- Văn phòng TƯ Đảng, VP Chủ tịch nước, VPQH, VPCP (để phối hợp);
- Ban Thường trực UBTWMTTQVN (để giám sát);
- TW các tổ chức chính trị - xã hội theo CT phối hợp số 30 (để phối hợp);
- Chủ tịch UBND, MTTQ VN các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (để thực hiện);
- Lưu: VT, Ban DCPL.

TM. BAN THƯỜNG TRỰC
PHÓ CHỦ TỊCH - TỔNG THƯ KÝ



Lê Tiên Châu

Số: 388/KH-MTTW-UB

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2021

KẾ HOẠCH

Giám sát và phản biện xã hội của Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam năm 2022

Căn cứ Luật Mặt trận Tổ quốc (MTTQ) Việt Nam; Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (sửa đổi, bổ sung năm 2020); Điều lệ MTTQ Việt Nam; Nghị quyết liên tịch số 403/2017/NQLT-UBTVQH14-CP-ĐCTUBTWMTTQVN ngày 15/6/2017 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ và Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam quy định chi tiết các hình thức giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; Thông tri số 23/TTr-MTTW-BTT ngày 21/7/2017 của Ban Thường trực Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam về việc hướng dẫn quy trình giám sát, phản biện xã hội của MTTQ Việt Nam.

Trên cơ sở hiệp thương giữa Ban Thường trực Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam với Trung ương các tổ chức chính trị - xã hội và thống nhất với Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam ban hành Kế hoạch giám sát, phản biện xã hội năm 2022 như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Phát huy vai trò của MTTQ Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội về đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân, góp phần xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, hiệu quả hoạt động của các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị.
- Nâng cao nhận thức và thống nhất hành động về ý nghĩa, tính chất và tầm quan trọng của công tác giám sát, phản biện xã hội trong toàn thể hệ thống Mặt trận.
- Kịp thời phát hiện và kiến nghị xử lý sai phạm, khuyết điểm; kiến nghị sửa đổi, bổ sung chính sách, pháp luật, phát huy quyền làm chủ của Nhân dân, tăng cường đồng thuận xã hội.

2. Yêu cầu

- Việc thực hiện giám sát phản biện xã hội phải quán triệt và đáp ứng được các yêu cầu trong Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng và các văn bản của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về phát huy vai trò của Nhân dân, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên trong công tác giám sát, phản biện xã hội.
- Việc tổ chức triển khai thực hiện các hoạt động giám sát, phản biện xã hội phải bảo đảm các nguyên tắc, quy định của pháp luật, thống nhất trong toàn hệ thống MTTQ Việt Nam từ Trung ương đến cơ sở; không làm ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của các cơ quan, tổ chức chịu sự giám sát, các cơ quan, tổ chức chủ trì xây dựng dự thảo các văn bản được phản biện xã hội.

- Công tác giám sát, phản biện xã hội cần có sự đổi mới theo hướng hiệu quả, thực chất và chủ động; nội dung giám sát, phản biện xã hội bảo đảm trọng tâm, trọng điểm, lựa chọn những vấn đề lớn, quan trọng, liên quan mật thiết đến đời sống Nhân dân; hình thức phù hợp, đáp ứng tình hình thực tế, tập trung nguồn lực thực hiện một cách đồng bộ, dứt điểm và có kết quả cụ thể.

- Chủ động xây dựng các kế hoạch triển khai cụ thể, phối hợp chặt chẽ, bảo đảm chất lượng và tiến độ theo yêu cầu; quá trình triển khai cần bảo đảm hiệu quả, tiết kiệm, tránh lãng phí; nâng cao chất lượng công tác phản biện xã hội đối với quy trình lập pháp và giám sát việc thực hiện pháp luật; chú trọng bản lĩnh, ý thức chính trị, không bị chi phối, tác động bởi các hành vi không lành mạnh của bất cứ tổ chức, cá nhân nào trong quá trình giám sát, phản biện xã hội.

- Tăng cường sự phối hợp của Mặt trận và các tổ chức thành viên, tạo cơ chế huy động sự tham gia của thành viên các Hội đồng tư vấn, các chuyên gia, nhà khoa học và Nhân dân đối với công tác giám sát, phản biện xã hội. Trong đó đẩy mạnh hợp tác của các chuyên gia, người làm việc thực tiễn, đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của vấn đề giám sát, phản biện xã hội.

- Kiến nghị sau giám sát, phản biện phải rõ ràng, cụ thể, có tính thuyết phục cao; bảo đảm cơ sở lý luận và thực tiễn, khách quan, công khai, hiệu quả, thực chất và mang tính xây dựng, phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách pháp luật của Nhà nước.

II. HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT

1. Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam

1.1. Chủ trì các hoạt động giám sát:

(1) Giám sát việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức của người đứng đầu, cán bộ chủ chốt, cán bộ đảng viên (theo Quy định số 124)

- Nội dung giám sát: Giám sát đối với việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức của người đứng đầu, cán bộ chủ chốt, cán bộ đảng viên khi có phản ánh từ Nhân dân hoặc thông qua thông tin báo chí và truyền thông, giám sát thường xuyên đối với cán bộ, đảng viên ở nơi làm việc và nơi cư trú.

- Đối tượng giám sát: Người đứng đầu, cán bộ chủ chốt, cán bộ, đảng viên (khi có thông tin phản ánh); Cán bộ, đảng viên ở nơi cư trú.

- Hình thức giám sát: Tổ chức đoàn giám sát; nghiên cứu, xem xét báo cáo của đối tượng giám sát; Giám sát thường xuyên đối với cán bộ, đảng viên ở nơi làm việc và nơi cư trú.

- Cơ quan phối hợp: Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Trung ương Hội Nông dân Việt Nam, Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Trung ương Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam, Trung ương Hội Cựu chiến binh Việt Nam.

Mời đại diện các ban xây dựng Đảng, Ủy ban kiểm tra Đảng, Cơ quan nội vụ, Ban Thường trực MTTQ Việt Nam các cấp tham gia.

- Thời gian thực hiện: Cả năm 2022 (Theo kế hoạch cụ thể).

(2) Giám sát việc thực hiện chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19

Nội dung giám sát: Giám sát việc sử dụng ngân sách Nhà nước hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19 của UBND các tỉnh, thành phố

- Đối tượng giám sát: Ủy ban nhân dân các cấp, cơ quan có liên quan.
- Hình thức giám sát: Tổ chức đoàn giám sát; nghiên cứu, xem xét báo cáo của đối tượng giám sát *(theo tình hình thực tế)*.
- Cơ quan phối hợp: Bộ Lao động - Thương binh và xã hội, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Trung ương Hội Nông dân Việt Nam, Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Trung ương Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam, Trung ương Hội Cựu chiến binh Việt Nam.
- Thời gian thực hiện: Cả năm 2022 *(Theo kế hoạch cụ thể)*.

(3) Giám sát việc giải quyết một số vụ việc khiếu nại, tố cáo phức tạp, kéo dài

- Nội dung giám sát¹: Giám sát từ 03 đến 05 vụ việc cụ thể phức tạp, kéo dài liên quan đến lĩnh vực Quản lý đất đai, bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư; một số vụ việc, vụ án có dấu hiệu oan, sai...; *(hướng dẫn cấp tỉnh giám sát ít nhất 02 vụ; cấp huyện giám sát ít nhất 01 vụ)*.

- Đối tượng giám sát: Cơ quan nhà nước các cấp, các cơ quan, tổ chức, cá nhân.
- Hình thức giám sát: Thành lập đoàn giám sát; nghiên cứu, xem xét báo cáo của đối tượng giám sát *(theo tình hình thực tế)*.
- Cơ quan phối hợp: Thanh tra Chính phủ, Bộ Tư pháp, Trung ương Hội Luật gia Việt Nam, Liên đoàn Luật sư Việt Nam; Ban Thường trực MTTQ Việt Nam các cấp; Mời đại diện Ban Dân nguyện thuộc Ủy ban Thường vụ Quốc hội và các cơ quan liên quan tham gia.
- Địa điểm: Theo tình hình và từng vụ việc cụ thể.
- Thời gian giám sát: Cả năm 2022 *(Theo kế hoạch cụ thể)*.

(4) Giám sát việc thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia phát triển kinh tế- xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn I (2021 – 2025)

- Nội dung giám sát: Giám sát việc phân bổ nguồn Ngân sách Nhà nước và việc xác định đối tượng thụ hưởng các Dự án thuộc Chương trình mục tiêu Quốc gia phát triển kinh tế- xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025; Giám sát đầu tư của cộng đồng đối với các công trình, dự án tại cơ sở *(nếu có)*.

- Đối tượng giám sát: Các cơ quan, tổ chức, đơn vị các địa phương có đối tượng thụ hưởng Dự án.

¹ Theo Chương trình phối hợp số 02/CTPH-MTTQ-TTTP-BTP-HLG-LĐLS ngày 11/10/2018 giữa Ban Thường trực Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam, Thanh tra Chính phủ, Bộ Tư pháp, Hội Luật gia Việt Nam và Liên đoàn luật sư Việt Nam

- Hình thức giám sát: Tổ chức đoàn giám sát; nghiên cứu, xem xét báo cáo của đối tượng giám sát; Giám sát đầu tư của cộng đồng đối với các công trình, dự án tại cơ sở (theo tình hình thực tế).

- Cơ quan phối hợp: Ủy ban Dân tộc của Chính Phủ, Hội đồng dân tộc của Quốc hội, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, các bộ, ngành, địa phương liên quan.

- Thời gian thực hiện: Cả năm 2022 (Theo kế hoạch cụ thể).

(5) *Giám sát việc thực hiện công tác thu hồi tài sản bị thất thoát, chiếm đoạt trong các vụ án hình sự về tham nhũng, kinh tế*²

- Nội dung giám sát: Giám sát việc thực hiện công tác thu hồi tài sản bị thất thoát, chiếm đoạt trong các vụ án hình sự về tham nhũng, kinh tế; Việc thực hiện các biện pháp ngăn chặn tẩu tán tài sản trong các vụ án án hình sự về tham nhũng, kinh tế.

- Đối tượng giám sát: Các cơ quan tổ tụng, thi hành án và các cơ quan liên quan ở Trung ương và một số địa phương.

- Hình thức giám sát: Tổ chức đoàn giám sát; nghiên cứu, xem xét báo cáo của đối tượng giám sát (theo tình hình thực tế).

- Cơ quan phối hợp: Bộ Tư pháp, Bộ Công an, Tòa án, Viện Kiểm sát nhân dân Tối cao, các cơ quan thi hành án dân sự và các cơ quan liên quan.

- Thời gian: Cả năm 2022 (Theo kế hoạch cụ thể).

1.2. Tham gia giám sát

(1) *Tham gia 04 chuyên đề của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội:*

- Chuyên đề "Việc thực hiện chính sách, pháp luật về công tác quy hoạch kể từ khi Luật Quy hoạch có hiệu lực thi hành";

- Chuyên đề "Việc thực hiện chính sách, pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí giai đoạn 2016-2021";

- Chuyên đề "Việc thực hiện pháp luật về tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo từ ngày 01/7/2016 đến ngày 01/7/2021";

- Chuyên đề: "Việc thực hiện các Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trong giai đoạn 2019 - 2021".

(2) *Phối hợp với Viện kiểm sát nhân dân tối cao giám sát các nội dung theo Quy chế phối hợp công tác số 01/QC/MTTQ-VKSNDTC ngày 27/8/2014 giữa Ban Thường trực Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam và Viện Kiểm sát nhân dân tối cao (theo Kế hoạch cụ thể năm 2022).*

(3) *Phối hợp với Bộ Nội vụ, Trung ương Hội Cựu chiến binh Việt Nam giám sát về đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước năm 2022.*

² Thực hiện Chỉ thị số 04 – CT/TW, ngày 02/6/2021 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thu hồi tài sản bị thất thoát, chiếm đoạt trong các vụ án hình sự về tham nhũng, kinh tế.

2. Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam

- Nội dung giám sát: Giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật và quản lý nhà nước về bảo hiểm xã hội, về quản lý, xử lý chất thải công nghiệp và việc thực hiện Quy chế dân chủ nơi làm việc trong doanh nghiệp.

- Đối tượng giám sát: Bộ Tài chính, Bộ Y tế, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bảo hiểm xã hội Việt Nam và một số bộ, ngành có liên quan; Sở Lao động - Thương binh Xã hội một số địa phương, các doanh nghiệp liên quan.

- Hình thức giám sát: Giám sát thường xuyên; Tổ chức đoàn giám sát; Giám sát thông qua nghiên cứu văn bản, báo cáo (*Theo tình hình thực tế*).

- Cơ quan phối hợp: Ban Thường trực Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam, Bộ Tài chính, Bộ Y tế, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bảo hiểm xã hội Việt Nam và một số bộ, ngành liên quan.

- Địa điểm giám sát: Theo kế hoạch cụ thể.

- Thời gian thực hiện: Từ Quý II đến Quý IV năm 2022.

3. Trung ương Hội Nông dân Việt Nam

3.1. Chủ trì giám sát việc quản lý sử dụng đất trồng lúa, chính sách tích tụ, tập trung đất đai cho sản xuất nông nghiệp.

- Nội dung giám sát: Giám sát việc quản lý sử dụng đất trồng lúa, chính sách tích tụ, tập trung đất đai cho sản xuất nông nghiệp.

- Đối tượng giám sát: Các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan.

- Hình thức giám sát: Tổ chức đoàn giám sát; nghiên cứu văn bản, báo cáo (*theo tình hình thực tế*).

- Cơ quan phối hợp: Ban Thường trực Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các cơ quan, tổ chức có liên quan.

- Địa điểm giám sát: Tại một số tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; giám sát bằng các hình thức khác (*theo tình hình thực tế*).

- Thời gian thực hiện: Cả năm 2022 (*theo kế hoạch cụ thể*).

3.2. Tham gia, phối hợp giám sát các chính sách hỗ trợ người lao động và sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid 19 (Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01/7/2021) theo sự phân công của Trung ương MTTQ Việt Nam.

4. Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh

- Nội dung giám sát: Giám sát việc thực hiện Nghị quyết số 25-NQ/TW ngày 25/7/2008 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về "Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thanh niên thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa".

- Đối tượng giám sát: Ban Thường vụ tỉnh ủy, thành ủy các địa phương: Sơn La, Thái Nguyên, Vĩnh Phúc, Nghệ An, Đà Nẵng, Bình Dương, Cần Thơ, Cà Mau.

- Hình thức giám sát: Thành lập đoàn giám sát; giám sát thông qua trực tuyến kết hợp nghiên cứu báo cáo của các đơn vị được giám sát (*Theo tình hình thực tế*).

- Cơ quan phối hợp: Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Ban Tổ chức Trung ương, Ban Dân vận Trung ương, Ủy ban Văn hóa - Giáo dục của Quốc hội, Bộ Nội vụ.

- Thời gian: Cả năm 2022 (*Theo Kế hoạch cụ thể*).

5. Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam

5.1. Chủ trì giám sát việc thực hiện các quy định của Luật hỗ trợ Doanh nghiệp nhỏ và vừa về hỗ trợ đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa do phụ nữ làm chủ

- Nội dung giám sát: Giám sát 05 năm thực hiện Luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; giám sát và đánh giá các nội dung, nguồn lực hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, trách nhiệm của cơ quan, tổ chức và cá nhân liên quan đến hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ và vừa do phụ nữ làm chủ.

- Đối tượng giám sát: Các cơ quan, tổ chức có liên quan đến việc thực hiện, triển khai Luật.

- Hình thức giám sát: Tùy tình hình thực tế có thể thực hiện giám sát thông qua nghiên cứu văn bản hoặc tổ chức đoàn giám sát khi cần thiết.

5.2. Tham gia, phối hợp giám sát việc thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia (Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số, chương trình xây dựng nông thôn mới, chương trình giảm nghèo bền vững), các chính sách hỗ trợ người lao động và sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid 19 (Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01/7/2021) theo sự phân công của Trung ương MTTQ Việt Nam.

6. Trung ương Hội Cựu chiến binh Việt Nam

- Nội dung giám sát: Giám sát việc thực hiện Nghị định số 150/NĐ-CP ngày 12/12/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Pháp lệnh Cựu chiến binh và Nghị định số 157/NĐ-CP ngày 24/11/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 150/2006/NĐ-CP ngày 12/12/2006 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh Cựu chiến binh.

- Đối tượng giám sát: Ủy ban nhân dân một số địa phương.

- Hình thức giám sát: Nghiên cứu, xem xét văn bản; tổ chức đoàn giám sát (*theo tình hình thực tế*).

- Địa điểm giám sát: Tỉnh Thừa Thiên - Huế và thành phố Đà Nẵng.

- Cơ quan phối hợp: Ban Thường trực Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam, Bộ Quốc phòng, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Thời gian thực hiện: Dự kiến Quý III năm 2022.

** Trường hợp cần thiết, Ban Thường trực Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam, Trung ương các tổ chức chính trị - xã hội có thể thực hiện giám sát khi phát sinh vụ việc, vấn đề nổi cộm, được dư luận quan tâm, liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân, đoàn viên, hội viên theo quy định của Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các văn bản có liên quan...*

III. HOẠT ĐỘNG PHẢN BIỆN XÃ HỘI

1. Ban Thường trực Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam chủ trì

1.1. Phản biện xã hội Dự thảo Luật Thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn

- Nội dung phản biện xã hội: Theo quy định tại khoản 2, Điều 33 Luật MTTQ Việt Nam).

- Hình thức phản biện xã hội: Tổ chức hội nghị phản biện xã hội hoặc gửi dự thảo văn bản lấy ý kiến phản biện.

- Thời gian thực hiện: Theo kế hoạch tổ chức lấy ý kiến của cơ quan chủ trì soạn thảo hoặc gửi dự thảo văn bản.

1.2. Phản biện xã hội Dự thảo Luật Đất đai (sửa đổi)

- Nội dung phản biện xã hội: Theo quy định tại khoản 2, Điều 33 Luật MTTQ Việt Nam.

- Hình thức phản biện xã hội: Tổ chức hội nghị phản biện xã hội hoặc gửi dự thảo văn bản lấy ý kiến phản biện.

- Thời gian thực hiện: Theo kế hoạch tổ chức lấy ý kiến của cơ quan chủ trì soạn thảo.

1.3. Phản biện xã hội Dự thảo Luật Thanh tra (sửa đổi)

- Nội dung phản biện xã hội: Theo quy định tại khoản 2, Điều 33 Luật MTTQ Việt Nam.

- Hình thức phản biện xã hội: Tổ chức hội nghị phản biện xã hội hoặc gửi dự thảo văn bản lấy ý kiến phản biện.

- Thời gian thực hiện: Theo kế hoạch tổ chức lấy ý kiến của cơ quan chủ trì soạn thảo.

1.4. Phản biện xã hội Dự thảo Nghị định của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 về việc quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật tín ngưỡng, tôn giáo

- Nội dung phản biện xã hội: Theo quy định tại khoản 2, Điều 33 Luật MTTQ Việt Nam.

- Hình thức phản biện xã hội: Tổ chức hội nghị phản biện xã hội hoặc gửi dự thảo văn bản lấy ý kiến phản biện.

- Thời gian thực hiện: Theo kế hoạch tổ chức lấy ý kiến của cơ quan chủ trì soạn thảo.

2. Trung ương Hội Nông dân Việt Nam chủ trì phản biện xã hội Dự thảo Luật Hợp tác xã (sửa đổi)

- Nội dung phản biện xã hội: Theo quy định tại khoản 2, Điều 33 Luật MTTQ Việt Nam.

- Hình thức phản biện xã hội: Tổ chức hội nghị phản biện xã hội hoặc gửi dự thảo văn bản lấy ý kiến phản biện.

- Thời gian thực hiện: Theo kế hoạch tổ chức lấy ý kiến của cơ quan chủ trì soạn thảo.

3. Trung ương Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam chủ trì phản biện xã hội Dự thảo Luật Phòng, chống bạo lực gia đình (sửa đổi)

- Nội dung phản biện: Theo quy định tại khoản 2, Điều 33 Luật MTTQ Việt Nam.

- Hình thức phản biện: Tổ chức hội nghị phản biện xã hội hoặc gửi dự thảo văn bản lấy ý kiến phản biện.

- Thời gian: Theo kế hoạch tổ chức lấy ý kiến của cơ quan chủ trì soạn thảo.

4. Trung ương Hội Cựu chiến binh Việt Nam chủ trì phản biện xã hội Dự thảo Luật Công nghiệp Quốc phòng

- Nội dung phản biện: Theo quy định tại khoản 2, Điều 33 Luật MTTQ Việt Nam.
- Hình thức phản biện: Tổ chức hội nghị phản biện xã hội hoặc gửi dự thảo văn bản lấy ý kiến phản biện.
- Thời gian: Theo kế hoạch tổ chức lấy ý kiến của cơ quan chủ trì soạn thảo.

5. Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam chủ trì phản biện xã hội Dự thảo Luật Bảo hiểm xã hội (sửa đổi)

- Nội dung phản biện: Theo quy định tại khoản 2, Điều 33 Luật MTTQ Việt Nam.
- Hình thức phản biện: Tổ chức hội nghị phản biện xã hội hoặc gửi dự thảo văn bản lấy ý kiến phản biện.
- Thời gian: Theo kế hoạch tổ chức lấy ý kiến của cơ quan chủ trì soạn thảo.

6. Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh

Tham gia phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam và Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam phản biện xã hội đối với: Dự thảo Luật Thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn. Dự thảo Luật Phòng, chống bạo lực gia đình (sửa đổi).

** Trường hợp cần thiết, từ nhu cầu thực tiễn và yêu cầu của các cơ quan soạn thảo, Ban Thường trực Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam, Trung ương các tổ chức chính trị - xã hội có thể tiến hành phản biện xã hội đối với các dự thảo văn bản, chương trình, dự án khác liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân, đoàn viên, hội viên theo quy định của Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các văn bản có liên quan...*

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Thường trực Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam

- Chủ trì, phối hợp với các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức thành viên khác của Mặt trận và các bộ, ngành, tổ chức Hội nghị toàn quốc triển khai thực hiện kế hoạch; huy động các chuyên gia, nhà khoa học tham gia các hoạt động giám sát, phản biện xã hội; tiến hành sơ kết, tổng kết, đánh giá, rút kinh nghiệm và đề ra phương hướng triển khai các hoạt động giám sát, phản biện xã hội; tiếp tục tổ chức tập huấn về giám sát, phản biện xã hội cho cán bộ Mặt trận các cấp; đôn đốc, kiểm tra, đánh giá các hoạt động giám sát, phản biện xã hội của MTTQ Việt Nam các địa phương.

- Định kỳ xây dựng báo cáo kết quả giám sát và phản biện xã hội gửi Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Quốc hội, Chính phủ và các cơ quan hữu quan.

- Phó Chủ tịch Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam phụ trách công tác dân chủ - pháp luật giúp Ban Thường trực chỉ đạo, theo dõi việc thực hiện các nội dung của kế hoạch này; các Phó Chủ tịch chuyên trách Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam chỉ đạo, đôn đốc các ban, đơn vị được phân công phụ trách triển khai giám sát và phản biện xã hội theo phân công của Ban Thường trực Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam và báo cáo kết quả tổ chức thực hiện cho Ban Thường trực (qua Ban Dân chủ - Pháp luật tổng hợp).

2. Các tổ chức thành viên của MTTQ Việt Nam

- Các tổ chức chính trị - xã hội chủ trì các chương trình phối hợp giám sát và phản biện xã hội chủ động xây dựng kế hoạch thực hiện các nội dung giám sát trước ngày 15/01/2022.

- Các tổ chức thành viên khác tham gia các hoạt động giám sát khi có đề nghị của Ban Thường trực Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam.

3. Ủy ban MTTQ Việt Nam các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

- Chủ trì hiệp thương với các tổ chức chính trị - xã hội xây dựng và ban hành Kế hoạch giám sát và phản biện xã hội năm 2022 theo các nội dung giám sát tại Phần II của Kế hoạch này (trừ nội dung giám sát (5), căn cứ tình hình địa phương chủ động lựa chọn thêm những nội dung giám sát và phản biện xã hội phù hợp, bảo đảm hiệu quả, thiết thực.

- 51 tỉnh, thành phố thuộc diện theo Quyết định số 861/QĐ-TTg, ngày 04/6/2021 của Thủ Tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025 xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện giám sát chuyên đề đối với các nội dung giám sát (4) mục 1.1 (Phần II) của Kế hoạch này.

- Chủ động quan tâm phối hợp với các Đoàn đại biểu Quốc hội tại địa phương tổ chức giám sát về các nội dung liên quan đến 04 chuyên đề giám sát của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội năm 2022.

4. Các Ban, đơn vị thuộc cơ quan Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam

4.1. Ban Dân chủ - Pháp luật chủ trì tham mưu xây dựng Kế hoạch giám sát, phản biện năm 2022, phối hợp các ban thuộc cơ quan tổ chức thực hiện kế hoạch, chủ trì tham mưu xây dựng báo cáo công tác giám sát, phản biện năm 2022; chủ trì tham mưu nội dung giám sát (1), (3) và (5) tại mục 1.1 (Phần II), chủ trì tham mưu nội dung phản biện tại mục 1.1, 1.2, 1.3 (Phần III) tại Kế hoạch này.

4.2. Ban Dân tộc chủ trì tham mưu nội dung giám sát (4) mục 1.1 (Phần II); Ban Phong trào chủ trì tham mưu nội dung giám sát (2) mục 1.1 (Phần II) tại Kế hoạch này.

Các ban, đơn vị theo chức năng, nhiệm vụ được phân công chủ trì các hoạt động giám sát và phản biện như trên chủ động tham mưu cho Ban Thường trực xây dựng kế hoạch thực hiện các nội dung giám sát và phản biện xã hội trước ngày 15/01/2022, thực hiện giám sát, phản biện xã hội theo yêu cầu của Ban Thường trực và tình hình thực tế, báo cáo kết quả giám sát và phản biện xã hội qua Ban Dân chủ - Pháp luật để tổng hợp chung.

4.3. Văn phòng cơ quan tham mưu bảo đảm kinh phí và các điều kiện cơ sở vật chất để thực hiện các nội dung giám sát, phản biện xã hội do cơ quan Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam chủ trì thực hiện theo kế hoạch này.

5. Các Hội đồng tư vấn của Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam

Đề nghị các Hội đồng tư vấn của Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam tham gia thực hiện các nội dung giám sát và phản biện xã hội theo Kế hoạch này (theo đề nghị cụ thể từng nội dung giám sát và phản biện xã hội).

6. Chế độ thông tin, báo cáo

Trung ương các tổ chức chính trị - xã hội, Ủy ban MTTQ Việt Nam các tỉnh, thành phố thực hiện chế độ thông tin, báo cáo, định kỳ 06 tháng (trước ngày 15/6), báo cáo năm (trước ngày 05/12) về việc thực hiện các hoạt động giám sát và phản biện xã hội gửi về Ban Thường trực Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam (qua Ban Dân chủ - Pháp luật).

Trên đây là nội dung Kế hoạch giám sát, phản biện xã hội năm 2022, Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đề nghị Trung ương các tổ chức chính trị - xã hội, Ủy ban MTTQ Việt Nam các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các ban, đơn vị của Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam triển khai thực hiện kế hoạch bảo đảm tiến độ và hiệu quả./.

Nơi nhận:

- Bộ Chính trị; Ban Bí thư TW Đảng (để b/c);
- Chủ tịch Đỗ Văn Chiến (để b/c);
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội (để p/h);
- Chính phủ (để p/h);
- HĐDT, các Ủy ban của Quốc hội (để p/h);
- Các Ban Đảng; VPTW Đảng (để p/h);
- TANDTC; VKSNDTC;
- VPCTN, VPQH, VPCP;
- Các bộ, cơ quan thuộc Chính phủ (để p/h);
- Các tỉnh, thành ủy (để p/h);
- TW các tổ chức chính trị - xã hội (để thực hiện);
- Ban Thường trực UBTWMTTQ Việt Nam;
- Ban Chủ nhiệm các HĐTV (để thực hiện);
- Các ban, đơn vị cơ quan UBTWMTTQVN (để thực hiện);
- Ủy ban MTTQVN các tỉnh, thành phố (để thực hiện);
- Lưu: VT, DCPL.

TM. ỦY BAN TRUNG ƯƠNG
MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM
PHÓ CHỦ TỊCH TỔNG THƯ KÝ



Lê Tiến Châu

Số: 446/BC-MTTW-BTT

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2021

BÁO CÁO

**Kết quả thực hiện công tác giám sát và phản biện xã hội năm 2021,
phương hướng, nhiệm vụ giám sát và phản biện xã hội năm 2022
của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam**

I. BỐI CẢNH THỰC HIỆN

Năm 2021, tình hình dịch bệnh COVID-19 tiếp tục diễn biến hết sức phức tạp, đã ảnh hưởng đến mọi mặt đời sống kinh tế - xã hội. Ở một số địa phương dịch bệnh lây lan trên diện rộng, nhiều hoạt động thực thi nhiệm vụ của các cơ quan, tổ chức không thực hiện được, phải tạm dừng hoặc thay đổi phương thức và phạm vi thực hiện. Khắc phục những khó khăn của đại dịch COVID-19, hệ thống MTTQ Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp đã chủ động, linh hoạt, kịp thời, thích ứng với tình hình mới, đã tổ chức triển khai hoàn thành những nhiệm vụ quan trọng, vừa bảo đảm chất lượng vừa bảo đảm an toàn cho cán bộ, công chức trong quá trình thực hiện.

Thực hiện Kế hoạch số 240/KH-MTTW-UB ngày 31/12/2020 về giám sát và phản biện xã hội của Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam năm 2021, MTTQ Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp đã triển khai tổ chức các hoạt động giám sát, phản biện xã hội theo kế hoạch đề ra. Đến nay, đã hoàn thành 11/13 nội dung giám sát, trong đó MTTQ Việt Nam chủ trì thực hiện 6 nội dung giám sát (4 nội dung giám sát theo kế hoạch, 2 nội dung giám sát theo yêu cầu thực tế); các tổ chức chính trị - xã hội chủ trì thực hiện được 5 nội dung giám sát. Do dịch bệnh COVID -19 nên một số nội dung giám sát không thể triển khai giám sát trực tiếp hoặc thu hẹp phạm vi giám sát, nhiều nội dung phản biện không tổ chức được hội nghị, Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội linh hoạt chuyển sang hình thức nghiên cứu báo cáo, góp ý bằng văn bản.

MTTQ Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội đã chú trọng đến công tác tập huấn, hướng dẫn các địa phương đổi mới phương thức, hình thức giám sát và phản biện xã hội, đẩy mạnh giám sát thường xuyên; tích cực tham gia góp ý đối với nhiều dự thảo văn bản quy phạm pháp luật quan trọng, nhất là những dự thảo có liên quan đến tổ chức bộ máy nhà nước, đến quyền, nghĩa vụ cơ bản của công dân. Nhiều nội dung góp ý, phản biện, kiến nghị của MTTQ Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội đã được cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp thu, ngày càng khẳng định vị thế, vai trò của MTTQ Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong quá trình xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật.

II. KẾT QUẢ CÔNG TÁC GIÁM SÁT

1. Ban Thường trực Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam

1.1. Giám sát công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026

Theo quy định của Luật MTTQ Việt Nam năm 2015; Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 và các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn về bầu cử; Ban Thường trực Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam đã ban hành Kế hoạch số 256/KH-MTTW-BTT ngày 25/01/2021 về kiểm tra, giám sát công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 để triển khai các hoạt động giám sát. Đồng thời phối hợp với Hội đồng bầu cử Quốc gia giám sát công tác bầu cử.

Ở Trung ương, Ban Thường trực Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam thành lập 09 đoàn kiểm tra, giám sát; tổ chức thành 02 đợt, kiểm tra, giám sát tại 31 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương do các đồng chí Phó Chủ tịch Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam làm Trưởng đoàn; thành viên tham gia gồm: đại diện lãnh đạo, chuyên viên một số ban, đơn vị, Ủy viên Đoàn Chủ tịch hoặc thành viên Hội đồng tư vấn của Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam, đại diện các tổ chức chính trị - xã hội và một số cơ quan hữu quan liên quan cùng tham gia; bên cạnh đó Ban Thường trực Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam cử các đồng chí Phó Chủ tịch, lãnh đạo Ban Dân chủ - Pháp luật tham gia các Đoàn kiểm tra, giám sát công tác bầu cử do Ủy ban Thường vụ Quốc hội chủ trì.

Sau khi thực hiện công tác giám sát, Ban Thường trực Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam đã có báo cáo tổng hợp kết quả kiểm tra, giám sát công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026¹ và có một số kiến nghị, cụ thể gửi Ban Chỉ đạo công tác bầu cử, Ủy ban Thường vụ Quốc hội và các cơ quan liên quan để kịp thời ban hành những văn bản hướng dẫn các địa phương thực hiện nhiệm vụ công tác bầu cử đúng theo quy định pháp luật, phù hợp với tình hình của từng địa phương. Ngay tại thời điểm giám sát đã giúp các tổ chức phụ trách bầu cử khắc phục ngay những thiếu sót trong công tác chuẩn bị, bảo đảm tiêu chuẩn ứng cử, hiệp thương dân chủ, lập danh sách cử tri bảo đảm quyền bầu cử và tổ chức vận động tranh cử cho các ứng viên, tổ chức ngày bầu cử an toàn, theo đúng qui định của pháp luật.

Hoạt động giám sát của MTTQ Việt Nam các cấp đối với công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 đã được tiến hành nghiêm túc, tiết kiệm, hiệu quả, đúng nội dung, tiến độ và yêu cầu đề ra. Qua kiểm tra, giám sát đã phát hiện những khó khăn, vướng mắc trong thực hiện nhiệm vụ bầu cử của các tổ chức phụ trách bầu cử và MTTQ Việt Nam các cấp, hướng dẫn xử lý kịp thời các tình huống phát sinh trong quá trình thực hiện, nhất là đối với những địa phương ảnh hưởng bởi đại dịch COVID-19; chỉ đạo, triển khai công tác bầu cử đảm bảo đúng quy định pháp luật và tiến độ đề ra, góp phần quan trọng vào thành công của cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026.

1.2. Giám sát việc thực hiện các quy định của Đảng, pháp luật của nhà nước về công tác cán bộ, giám sát cán bộ, đảng viên và công tác cán bộ

Thực hiện các quy định về giám sát cán bộ, đảng viên và công tác cán bộ theo các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước, Đảng đoàn, Ban Thường trực Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam đã ban hành Kế hoạch số 246/KH-MTTW-BTT,

¹ Báo cáo số 361/BC-MTTW-BTT ngày 29/6/2021 của Ban Thường trực.

ngày 12/01/2021 về giám sát việc thực hiện các quy định của Đảng, pháp luật của nhà nước về công tác cán bộ, giám sát cán bộ, đảng viên và công tác cán bộ trong hệ thống Mặt trận các cấp.

Mục tiêu và nội dung hoạt động giám sát này nhằm đánh giá việc triển khai, tổ chức thực hiện các quy định của Đảng của cấp ủy các cấp về công tác cán bộ². Bên cạnh đó, Mặt trận thực hiện giám sát, đánh giá về kết quả việc tiếp nhận, xử lý, giải quyết các thông tin, phản ánh liên quan đến cán bộ, đảng viên và công tác cán bộ do MTTQ Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp chuyển đến của các cấp ủy, chính quyền, tổ chức cơ sở đảng, giám sát việc thực hiện các quy định về kê khai, công khai tài sản đối với cán bộ, công chức, viên chức của các cấp ủy, tổ chức cơ sở Đảng; giám sát đảng viên nơi cư trú.

Ban Thường trực Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam đã gửi văn bản và đề cương đề nghị các tỉnh, thành ủy trực thuộc Trung ương báo cáo và đã nhận được báo cáo của 63/63 tỉnh, thành ủy. Do tình hình diễn biến phức tạp của dịch bệnh COVID -19 nên không thực hiện hoạt động giám sát trực tiếp tại các địa phương, Ban Thường trực Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam tổ chức giám sát thông qua nghiên cứu, đánh giá báo cáo của các tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương về những nội dung liên quan đến công tác cán bộ như: Việc triển khai các quy định của Đảng về giám sát cán bộ, đảng viên và công tác cán bộ, quy trình tuyển dụng công chức, viên chức, tiêu chuẩn, hình thức tuyển dụng, quy trình bổ nhiệm cán bộ, công tác thực hiện kê khai tài sản của cán bộ, công chức. Ủy ban MTTQ Việt Nam cấp tỉnh, cấp huyện thực hiện giám sát cấp ủy trên nguyên tắc cấp tỉnh giám sát cấp huyện, cấp huyện giám sát cấp xã, cấp xã giám sát cán bộ, đảng viên nơi cư trú. Sau khi thực hiện giám sát, Mặt trận cấp tỉnh tổng hợp gửi báo cáo đề Trung ương tổng hợp xây dựng báo cáo chuyên đề giám sát.

Kết quả giám sát cho thấy, cấp ủy các cấp đã kịp thời ban hành các văn bản chỉ đạo về công tác cán bộ để lãnh đạo, quán triệt tổ chức thực hiện nghiêm túc tại địa phương, cơ sở. Trong năm 2020, cấp ủy các cấp đã ban hành 5.463 văn bản liên quan để chỉ đạo, phối hợp thực hiện các quy định liên quan đến công tác cán bộ, đảng viên. Cấp ủy đảng, chính quyền các cấp đã thường xuyên chú trọng công tác tiếp nhận, lắng nghe ý kiến phản ánh của MTTQ, các tổ chức chính trị - xã hội, cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên và nhân dân để kịp thời phát hiện, xem xét, xử lý các trường hợp cán bộ, đảng viên có dấu hiệu suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, vi phạm các chuẩn mực đạo đức trong thực thi công vụ và đạo đức nghề nghiệp. Việc xem xét, xử lý, giải quyết trên tinh thần xây dựng, bảo đảm dân chủ, công khai, khách quan, minh bạch. Qua tổng hợp nhận thấy các thông tin, phản ánh liên quan đến cán bộ, đảng viên do Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội chuyển đến đều được cấp

² Quyết định số 99-QĐ/TW, ngày 03/10/2017 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về ban hành "Hướng dẫn khung đề các cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc Trung ương tiếp tục phát huy vai trò của nhân dân trong đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái, "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ"; Quy định số 101 - QĐ/TW, ngày 07/6/2012 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo chủ chốt các cấp; Quy định số 124-QĐ/TW ngày 02/2/2018 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về "Giám sát của MTTQ Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân đối với việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống của người đứng đầu, cán bộ chủ chốt và cán bộ, đảng viên"; Quy định số 205-QĐ/TW, ngày 23/9/2019 của Bộ Chính trị "về việc kiểm soát quyền lực trong công tác cán bộ và chống chạy chức, chạy quyền"; Quy định số 213-QĐ/TW, ngày 02/01/2020 của Bộ Chính trị khóa XII "về trách nhiệm của đảng viên đang công tác thường xuyên giữ mối liên hệ với tổ chức đảng và Nhân dân nơi cư trú"

ủy các cấp xử lý kịp thời đồng thời có thông báo cho Mặt trận theo đúng quy định. Năm 2020, cấp ủy, tổ chức cơ sở đảng cấp huyện đã tiếp nhận 884 ý kiến phản ánh của MTTQ Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội và Nhân dân, qua xem xét, nghiên cứu cấp ủy, chính quyền các cấp đã có 834 văn bản thông báo kết quả cho MTTQ Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội (đạt tỷ lệ 94.3%).

Việc thông báo tuyển dụng công chức, viên chức được đăng tải rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng; Kế hoạch tuyển dụng được niêm yết công khai, thông tin tuyển dụng được công khai, minh bạch, việc thực hiện quá trình tuyển dụng thể hiện sự nghiêm túc, khách quan, đúng quy trình, quy định tại các văn bản hướng dẫn hiện hành. Theo báo cáo của các địa phương trong năm 2020: Công chức được tuyển dụng là 5.585 người trong đó các đơn vị cấp tỉnh tuyển dụng 3.559 người, thông qua thi tuyển là 2.450 người, thông qua xét tuyển là 641 người, hình thức khác là 468 người; thuộc các đơn vị cấp huyện tuyển dụng 2.026 người thông qua thi tuyển là 1.213 người, thông qua xét tuyển là 813 người. Tổng số công chức xã được tuyển dụng là 694 người, thông qua thi tuyển là 298 người, thông qua xét tuyển là 396 người. Viên chức được tuyển dụng là 56.425 trong đó các đơn vị cấp tỉnh tuyển 29.616 người, thông qua thi tuyển 8.001 người, thông qua xét tuyển 21.503 người, hình thức khác 112 người; thuộc các đơn vị cấp huyện tuyển 26.809 người, thông qua thi tuyển 8.903 người, thông qua xét tuyển 17.906 người. Tuyển dụng hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP là 4.623 người cấp tỉnh là 1.140 người, cấp huyện là 3.483 người³.

Quy trình bổ nhiệm cán bộ thực hiện áp dụng theo Quy định của Bộ Chính trị về phân cấp quản lý cán bộ và bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ, bảo đảm đúng tiêu chuẩn, điều kiện của cán bộ về tiêu chuẩn chức danh, tiêu chí đánh giá cán bộ, đội ngũ cán bộ được đề bạt, bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử cơ bản đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Theo báo cáo của các địa phương năm 2020, ở các cơ quan cấp tỉnh bổ nhiệm các chức danh quản lý 4.688 người trong đó bổ nhiệm là 3.186 người, bổ nhiệm lại là 1.502; Các cơ quan cấp huyện bổ nhiệm các chức danh quản lý là 13.678 người, trong đó bổ nhiệm 7.330 người, bổ nhiệm lại là 6.348 người; Các cơ quan cấp xã bổ nhiệm 6.797 người⁴. Tình trạng vi phạm về thời hạn ban hành quyết định bổ nhiệm lại còn xảy ra phổ biến ở cấp tỉnh của nhiều địa phương với tỷ lệ tương đối cao (437/1.502 trường hợp chiếm tỷ lệ 29,23%), trong đó có 21 tỉnh, thành tỷ lệ vi phạm này chiếm từ 50% trở lên⁵, trong đó có địa phương 100% các trường hợp bổ nhiệm lại đều ban hành quyết định quá thời hạn⁶; có nhiều trường hợp ban hành quyết định bổ nhiệm lại quá hạn nhiều tháng, thậm chí có một số trường hợp nhiều năm đã gây ra hệ quả pháp lý các văn bản hành chính, hành vi hành chính của người được bổ nhiệm lại trong thời gian từ khi hết hiệu lực quyết định bổ nhiệm đến khi ban hành quyết định bổ nhiệm lại sẽ không có giá trị pháp lý⁷.

Theo thống kê chưa đầy đủ của các địa phương năm 2020, ở cấp tỉnh số người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập lần đầu là 458.373 người, trong đó số người đã kê khai tài sản lần đầu là 458.038 người (đạt 99.9%). Cấp huyện số người có

³ Phụ lục số 1, số 2A, Số 3A

⁴ Phụ lục số 1, số 2B, 3B

⁵ Danh sách phụ lục số 4 kèm theo

⁶ Tỉnh Tây Ninh: 3/3 trường hợp; Vĩnh Long: 9/9 trường hợp;

⁷ Danh sách phụ lục số 5 kèm theo

nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập lần đầu là 182.795 người, số người đã kê khai tài sản lần đầu là 181.478 người (đạt 99,3%)⁸. Theo báo cáo cho thấy việc thực hiện công khai bản kê khai bằng hình thức niêm yết tại nơi làm việc của cơ quan, đơn vị, hồ sơ lưu trữ, danh sách người có nghĩa vụ phải kê khai tài sản thu nhập lần đầu, các bản kê khai tài sản, việc giao nhận bản kê khai được thực hiện được lập đầy đủ. Tuy nhiên việc kê khai như vậy đã trung thực hay chưa, chưa rõ xử lý việc kê khai không trung thực. Việc thực hiện chuyển đổi vị trí công tác, việc làm và kê khai, công khai tài sản theo quy định về phòng chống tham nhũng đã được triển khai nhưng chưa triệt để.

Công tác chuyển đổi vị trí việc làm được cấp ủy các cấp quan tâm, chỉ đạo kịp thời, thường xuyên, đảm bảo đúng theo quy trình, thủ tục, góp phần thực hiện tốt Luật Phòng, chống tham nhũng. Qua giám sát các địa phương báo cáo cấp tỉnh đã thực hiện chuyển đổi vị trí công tác đối với 4.942 trường hợp cán bộ, công chức, viên chức. Cấp huyện tổng số 3.362/3956 trường hợp trong diện chuyển đổi vị trí công tác (đạt 84,9%), còn 594 trường hợp chưa chuyển đổi (chiếm 15,1%)⁹.

Việc giám sát đối với cấp ủy, chính quyền các địa phương về thực hiện các quy định về giám sát cán bộ, đảng viên và công tác cán bộ theo các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước đã góp phần nâng cao nhận thức trong cấp ủy, chính quyền về vai trò, trách nhiệm của Mặt trận trong hoạt động giám sát, góp phần xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên, xây dựng tổ chức cơ sở đảng, xây dựng bộ máy chính quyền các cấp. Trong quá trình giám sát phát hiện trường hợp có dấu hiệu vi phạm về điều kiện, tiêu chuẩn, quy trình bổ nhiệm, Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam các cấp kịp thời ban hành công văn đề nghị cấp ủy địa phương rà soát để xử lý đúng quy định¹⁰. Bên cạnh đó, hoạt động giám sát đã giúp cho cấp ủy, chính quyền các cấp thực hiện rà soát công tác quy hoạch, tuyển dụng, bổ nhiệm cán bộ, thực hiện nghiêm túc hơn các quy định, quy trình về tuyển dụng, bổ nhiệm cán bộ và đề cao trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên các cấp.

1.3. Giám sát việc thực hiện pháp luật về tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo đối với Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp¹¹

Thực hiện giám sát việc tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân, Ban Thường trực Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam đã ban hành Kế hoạch số 247/KH-MTTW-BTT ngày 15/01/2021, tổ chức hội nghị tập huấn, triển khai trực tuyến cho Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam các cấp¹², ban hành văn bản

⁸ Phụ lục số 1, số 2B, 3 B

⁹ Phụ lục số 1, số 2B, 3 B

¹⁰ Ban Thường trực Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam ban hành văn bản số 3237/MTTW - BTT V/v đề nghị báo cáo về thực hiện quy trình bổ nhiệm cán bộ, đề nghị tỉnh ủy Lào Cai báo cáo cụ thể về thực hiện quy trình, điều kiện bổ nhiệm cán bộ đối với đồng chí Đàm Quang Vinh và kết quả kiểm tra, xác minh, xử lý thông tin Báo Lao động news. Ngày 07/12/2021, Ban Thường trực Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam nhận được báo cáo số 195 - BC/TU ngày 02/12/2021 của tỉnh ủy Lào Cai V/v thực hiện quy trình, điều kiện bổ nhiệm đồng chí Đàm Quang Vinh giữ chức vụ Chánh Thanh tra tỉnh Lào Cai và xác minh thông tin, đề nghị Ban Bí Thư Trung ương Đảng thi hành kỷ luật đối với đồng chí Đàm Quang Vinh, hiện nay Ủy ban Kiểm tra Trung ương đang thực hiện quy trình theo quy định; Ngày 25/11/2021 Ủy ban Nhân dân tỉnh Lào Cai đã ban hành Quyết định số 4135/QĐ - UBND kỷ luật công chức với hình thức buộc thôi việc đối với đồng chí Đàm Quang Vinh, Chánh Thanh tra tỉnh Lào Cai.

¹¹ Theo Chương trình phối hợp số 02/CTPH-MTTQ-TTCTP-BTP-HLG-LĐLS ngày 11/10/2018 giữa Ban Thường trực Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam, Thanh tra Chính phủ, Bộ Tư pháp, Hội Luật gia Việt Nam, Liên đoàn Luật sư Việt Nam về giám sát và nâng cao hiệu quả việc giải quyết khiếu nại, tố cáo ở địa phương, cơ sở.

¹² Hội nghị trực tuyến có 4300 người dự gồm Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam các cấp, cán bộ chuyên môn cơ quan, MTTQ VN cấp tỉnh.

và đề cương đề nghị UBND 63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương báo cáo kết quả việc thực hiện pháp luật về tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo của Chủ tịch UBND cấp tỉnh trong thời gian từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/6/2021.

Ban Thường trực Ủy ban TW MTTQ Việt Nam đã nhận được 62/63 báo cáo của UBND cấp tỉnh¹³ về thực hiện pháp luật về tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo của Chủ tịch UBND cấp tỉnh; báo cáo của Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam 61/63 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương về kết quả giám sát đối với chủ tịch UBND cấp huyện, cấp xã. Ban Thường trực Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam đã tổng hợp báo cáo giám sát¹⁴, trong đó có một số đánh giá, cụ thể:

Chủ tịch UBND cấp huyện và cấp tỉnh đã chấp hành những quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo và những văn bản hướng dẫn thi hành; đã kiện toàn Ban tiếp công dân, bố trí trụ sở tiếp dân theo quy định, có kế hoạch, lịch tiếp công dân, sau khi tiếp dân cơ bản đã ban hành văn bản chỉ đạo giải quyết theo quy định của Luật Tiếp Công dân. Các địa phương làm tốt công tác lãnh, chỉ đạo, tổ chức thực hiện và tập huấn, tuyên truyền các quy định của pháp luật về công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo. Việc tiếp nhận, phân loại đơn khiếu nại, tố cáo ở cấp tỉnh, cấp huyện cơ bản bảo đảm chính xác theo quy định; việc giải quyết các vụ việc khiếu nại, tố cáo theo thẩm quyền của Chủ tịch UBND các cấp cơ bản đã chấp hành theo quy trình, thủ tục theo quy định.

Về cơ bản Chủ tịch UBND các cấp đều xây dựng kế hoạch, lịch và đã tổ chức tiếp công dân định kỳ theo quy định, tuy nhiên hầu hết không bảo đảm số ngày tiếp công dân theo quy định của Luật Tiếp Công dân. Số ngày tiếp công dân của Chủ tịch UBND các cấp tỉnh trung bình trên địa bàn toàn quốc không đạt 50% theo quy định của Luật Tiếp công dân¹⁵; Nhiều địa phương Chủ tịch UBND các cấp ủy quyền cho Phó chủ tịch hoặc các đồng chí Chánh Thanh tra, Trưởng Ban Tiếp công dân... tiếp thay¹⁶. Một số địa phương đồng chí Chủ tịch UBND các cấp chủ động tổ chức tiếp dân đột xuất, đoàn đồng người để kịp thời giải quyết những vấn đề bức xúc, nổi cộm ở địa phương¹⁷; Sau các buổi tiếp dân định kỳ hàng tháng các đồng chí Chủ tịch UBND các cấp đều ban hành văn bản chỉ đạo giải quyết vụ việc theo nguyện vọng của người dân¹⁸.

Chủ tịch UBND các cấp đã tập trung giải quyết khiếu nại thuộc thẩm quyền, khiếu nại chủ yếu phát sinh và giải quyết khiếu nại lần đầu tại cấp huyện, khiếu nại lần hai chủ yếu ở cấp tỉnh, tình hình khiếu nại liên quan đến đất đai, thu hồi đất, bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư chiếm tỷ lệ tương đối cao¹⁹; Tuy nhiên tỷ

¹³ Chủ tịch UBND tỉnh Hải Dương giao cho Thanh tra tỉnh báo cáo.

¹⁴ Báo cáo số 404/MTTW-BTT ngày 18/10/2021 của Ban Thường trực Ủy ban TW MTTQ Việt Nam (kèm theo các Phụ lục 6,7,8)

¹⁵ Số ngày Chủ tịch UBND cấp tỉnh tiếp dân: 529 ngày, trung bình 8,5 ngày đạt 47%; cấp huyện là: 12518 ngày, đạt 49%;

¹⁶ Số ngày ủy quyền cho Phó chủ tịch tiếp dân: Cấp tỉnh: 285 ngày chiếm 24 %; cấp huyện: 3309 ngày chiếm 13%; Số ngày ủy quyền cho cơ quan chuyên môn tiếp dân: Cấp tỉnh: 206 ngày, chiếm 18%; cấp huyện: 1169 ngày, chiếm 5%.

¹⁷ Một số tỉnh làm tốt như: Ninh Thuận, Đồng Tháp, Sóc Trăng, Đắk Lắk, Bình Định, Quảng Ninh, Phú Thọ.

¹⁸ Tổng số văn bản ban hành sau tiếp dân: Cấp tỉnh: 3171 văn bản chỉ đạo giải quyết 6053 vụ việc; cấp huyện: 8080 văn bản chỉ đạo giải quyết 11076 vụ việc; Tổng số đoàn đồng người, phức tạp trong kỳ giám sát: Cấp tỉnh: 481 đoàn; cấp huyện: 258 đoàn.

¹⁹ Tổng số vụ khiếu nại thuộc thẩm quyền cấp tỉnh: 5499 vụ; Số vụ khiếu nại liên quan đến đất đai, thu hồi đất, bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư: 3839 vụ = 69 %; Số vụ khiếu nại lần 2 ở cấp tỉnh: 2288 vụ = 42 %; Tổng số vụ khiếu nại thuộc thẩm quyền cấp huyện: 10263 vụ, số vụ khiếu nại lần hai: 994 vụ = 10%.

lệ giải quyết chưa được như mong muốn²⁰, trong quá trình giải quyết khiếu nại nhiều vụ đã không ban hành thông báo thụ lý hoặc ban hành thông báo thụ lý chậm hơn 10 ngày theo quy định²¹; còn nhiều vụ giải quyết quá thời hạn quy định, thậm chí quá hạn trên 6 tháng đến trên 1 năm²². Cơ bản các vụ khiếu nại lần hai đã tổ chức đối thoại giữa người giải quyết khiếu nại với người khiếu nại trong quá trình giải quyết²³; Các vụ khiếu nại giải quyết đều được ban hành quyết định giải quyết hoặc thông báo đình chỉ giải quyết do người khiếu nại rút khiếu nại, tuy nhiên vẫn còn một số vụ phức tạp, kéo dài mặc dù đã được giải quyết²⁴.

Chủ tịch UBND các cấp đã tập trung chỉ đạo giải quyết tố cáo theo quy định²⁵; trong quá trình giải quyết có một số vụ phức tạp cho nên phải gia hạn giải quyết lần 1, lần 2 theo quy định, tuy nhiên vẫn còn nhiều vụ giải quyết quá thời hạn quy định²⁶; Cơ bản nội dung các vụ tố cáo đã được ban hành kết luận rõ ràng, một số kết luận đã được thực hiện theo quy định của pháp luật²⁷.

Bên cạnh đó, còn có một số địa phương cấp ủy, chính quyền chưa chỉ đạo sát sao, quyết liệt, thường xuyên công tác tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo. Một số Chủ tịch UBND các cấp còn để xảy ra một số thiếu sót trong thực hiện các quy định về tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo, cùng với tình hình dịch bệnh COVID-19 phức tạp, đa số Chủ tịch UBND các cấp chưa bảo đảm số ngày tiếp công dân định kỳ theo quy định của Luật Tiếp công dân²⁸; việc giải quyết khiếu nại, tố cáo của chủ tịch UBND nhiều địa phương chưa bảo đảm quy định pháp luật về quy trình, thời hạn giải quyết; tỷ lệ vụ việc giải quyết quá thời hạn còn nhiều²⁹; tỷ lệ khiếu nại, tố cáo đúng và đúng một phần nhất là ở cấp huyện tương đối cao³⁰. Chất lượng giải quyết của cơ sở, cấp huyện nhiều nơi còn hạn chế; một số cán bộ làm công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo ở cấp xã, cấp huyện còn thiếu kinh nghiệm, nghiệp vụ còn hạn chế, chưa đáp ứng tốt yêu cầu nhiệm vụ. Một số vụ việc các đơn vị cấp huyện chưa tập trung giải quyết dứt điểm, chưa xem xét

²⁰ Số vụ KN đã giải quyết: cấp tỉnh: 3550 vụ = 65%; Số vụ KN đang giải quyết: cấp tỉnh: 1025 vụ = 19%; Số vụ KN đã giải quyết cấp huyện: 7532 vụ = 73%; Số vụ KN đang giải quyết cấp huyện: 1148 vụ = 11%.

²¹ Số vụ KN không ban hành thông báo thụ lý: cấp tỉnh: 517 = 11%; Số vụ KN ban hành thông báo thụ lý chậm: cấp tỉnh: 392 = 9 %

²² Số vụ giải quyết khiếu nại quá thời hạn: cấp tỉnh: 813 vụ = 18 %; cấp huyện: 913 vụ = 11%; Số vụ giải quyết khiếu nại quá thời hạn từ 6 tháng trở lên: 44 vụ = 5,4%; cấp huyện: 94 vụ = 10,3%.

²³ Số vụ Tổ chức đối thoại: cấp tỉnh: 1925 = 42 %; cấp huyện: 482 = 6%.

²⁴ Cấp tỉnh: Số vụ khiếu nại đúng: 167 vụ = 5 %; Số vụ khiếu nại sai: 2636 vụ = 74 %; Số vụ khiếu nại đúng một phần: 193 vụ = 5 %; Số vụ khiếu nại phức tạp, kéo dài: 248 vụ = 7 %; Cấp huyện: Số vụ khiếu nại đúng: 1223 vụ = 16 %; Số vụ khiếu nại sai: 4715 vụ = 63 %; Số vụ khiếu nại đúng một phần: 914 vụ = 12 %; Số vụ khiếu nại phức tạp, kéo dài: 31 vụ = 7 %

²⁵ Cấp tỉnh: Tổng số vụ tố cáo thuộc thẩm quyền: 1282 vụ; Số vụ đã giải quyết: 801 vụ = 62 %; Số vụ đang giải quyết: 186 vụ = 15 %; Số vụ không giải quyết (không đủ điều kiện): 296 vụ = 23 %. Cấp huyện: Tổng số vụ tố cáo thuộc thẩm quyền: 2838 vụ; Số vụ đã giải quyết: 2118 vụ = 75 %; Số vụ đang giải quyết: 276 vụ = 10 %;

²⁶ Cấp tỉnh: Số vụ phức tạp, kéo dài: 53 vụ = 4%; Số vụ ra hạn giải quyết lần 1: 52 vụ = 5 %; Số vụ ra hạn giải quyết lần 2: 8 vụ = 1 %; Số vụ giải quyết tố cáo quá thời hạn: 218 = 22 %; Số vụ giải quyết tố cáo quá thời hạn từ 6 tháng đến 1 năm: 8 vụ = 4%; Số vụ giải quyết tố cáo quá thời hạn trên 1 năm: 7 vụ = 3 %. Cấp huyện: Số vụ phức tạp, kéo dài: 13 vụ = 0,46 %; Số vụ ra hạn giải quyết lần 1: 116 vụ = 5 %; Số vụ ra hạn giải quyết lần 2: 43 vụ = 2 %; Số vụ giải quyết tố cáo quá thời hạn: 199 = 8 %; Số vụ giải quyết tố cáo quá thời hạn từ 6 tháng trở lên: 11 vụ = 6%;

²⁷ Cấp tỉnh: Số vụ tố cáo đúng: 94 vụ = 11 %; Số vụ tố cáo sai: 530 vụ = 62 %; Số vụ tố cáo có đúng có sai: 151 vụ = 17 %; Kết quả thực hiện kết luận nội dung tố cáo: 336 vụ = 40%. Cấp huyện: Số vụ tố cáo đúng: 725 vụ = 35 %; Số vụ tố cáo sai: 780 vụ = 37 %; Số vụ tố cáo có đúng có sai: 538 = 25 %; Kết quả thực hiện kết luận nội dung tố cáo: 216 vụ = 10%.

²⁸ Bình quân số ngày Chủ tịch UBND các cấp tiếp dân theo quy định: Cấp tỉnh đạt 47%; cấp huyện: Tiếp dân đạt 49% theo quy định.

²⁹ Số vụ giải quyết quá hạn ở cấp tỉnh: Khiếu nại: 813 vụ = 18 %; tố cáo: 218 vụ = 22% vụ; Số vụ giải quyết quá hạn ở cấp huyện: Khiếu nại: 913 vụ = 11%; tố cáo: 199 vụ = 8%.

³⁰ Số vụ khiếu nại đúng: 1223 vụ = 16 %; Số vụ khiếu nại đúng một phần: 914 vụ = 12%; Số vụ tố cáo đúng: 725 vụ = 35%; Số vụ tố cáo có đúng có sai: 538 = 25%.

hết các căn cứ, đề nghị công dân nêu ra, thiếu sự phối hợp giữa các cơ quan có thẩm quyền trong giải quyết, dẫn đến công dân có đơn vượt cấp, kéo dài; công tác phối hợp giữa các cơ quan trong tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo có lúc, có nơi, có việc còn chưa thống nhất và kịp thời; công tác đối thoại của Chủ tịch UBND các cấp với người khiếu nại chưa thực sự hiệu quả. Một số nơi chưa coi trọng công tác dân vận chính quyền, chưa chủ động phối hợp với MTTQ Việt Nam, các đoàn thể, tổ chức luật gia, luật sư từ sớm, từ xa, khi phát sinh vụ việc phức tạp mới thông tin đến MTTQ Việt Nam. Một số vụ việc nhất là những vụ việc đông người, phức tạp kéo dài dù đã được Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo nhưng vẫn chưa được giải quyết dứt điểm có nguy cơ trở thành các điểm nóng về an ninh trật tự...

Qua giám sát Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đã đánh giá tổng thể về tình hình tiếp công dân, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo của Chủ tịch UBND cũng như chính quyền các cấp trong năm 2020 và nửa đầu năm 2021; qua đó đã chỉ ra những vấn đề thiếu sót, thậm chí vi phạm của Chủ tịch UBND các cấp trong thực hiện trách nhiệm về tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; bên cạnh đó cũng phát hiện những hạn chế, bất cập trong quy định của Luật Tiếp công dân, Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo. Từ đó Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đã ban hành văn bản kiến nghị những nội dung cụ thể về công tác chỉ đạo, phối hợp, tổ chức thực hiện và hoàn thiện chính sách pháp luật về tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo trong thời gian tới. Thực hiện kiến nghị của Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Chính phủ đã kịp thời có văn bản tiếp thu, chỉ đạo các địa phương thực hiện, Chủ tịch UBND các tỉnh, thành phố đã cầu thị tiếp thu và ban hành các văn bản chỉ đạo tăng cường công tác tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo trên địa bàn.

1.4. Giám sát Luật Đất đai năm 2013

Để thực hiện nghiên cứu, xem xét những bất cập, hạn chế và đề xuất các quy định sửa đổi, bổ sung của Luật Đất đai năm 2013 đáp ứng đòi hỏi thực tiễn đang đặt ra, Ban Thường trực đã ban hành Kế hoạch số 341/KH-MTTW-BTT. Ngày 19/7/2021, Ban Thường trực đã tổ chức hội nghị xin ý kiến các chuyên gia, nhà khoa học về những nội dung trọng tâm cần giám sát trong Luật Đất đai, mời các chuyên gia viết các chuyên đề chuyên sâu; đề nghị một số tổ chức thành viên, cơ quan tư pháp và Ủy ban nhân dân một số tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương báo cáo làm rõ hơn một số bất cập trong các quy định của Luật Đất đai năm 2013.

Bên cạnh việc nghiên cứu, xem xét các quy định của Luật Đất đai, Ban Thường trực cũng đã nghiên cứu các tài liệu liên quan như: Báo cáo về việc tổng kết Nghị quyết số 19-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về tiếp tục đổi mới chính sách, pháp luật về đất đai trong thời kỳ đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp hóa theo hướng hiện đại; Báo cáo của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc đánh giá 07 năm thi hành Luật Đất đai năm 2013 và định hướng sửa đổi Luật Đất đai, các báo cáo tổng kết thi hành Nghị quyết số 19-NQ/TW của MTTQ Việt Nam các tỉnh, thành phố; tổ chức hội nghị lấy ý kiến chuyên gia và đại diện các bộ, ngành liên quan.

Sau khi thực hiện giám sát, Ban Thường trực Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam có báo cáo giám sát³¹ và có một số đánh giá, kiến nghị cụ thể:

- Luật Đất đai năm 2013 đã thể chế hóa chủ trương, quan điểm của Đảng và các quy định Hiến pháp năm 2013 về đất đai, tạo hành lang pháp lý trong công tác tổ chức, quản lý, sử dụng đất đai. Công tác tổ chức, quản lý về đất đai những năm qua đã đem lại nhiều kết quả thiết thực, góp phần thực hiện dân chủ, quyền và lợi ích hợp pháp chính đáng của cá nhân, tổ chức được bảo đảm hơn; thị trường bất động sản, quyền sử dụng đất từng bước được hoàn thiện, quyền và nghĩa vụ của các tổ chức, hộ gia đình và cá nhân được giao quyền sử dụng đất được bảo đảm và phát huy, nguồn lực từ đất đai được khai thác và sử dụng hiệu quả hơn...

- Qua gần 10 năm thực hiện các quy định của Luật Đất đai đã bộc lộ nhiều hạn chế, bất cập như: một số quy định của Luật Đất đai năm 2013 chưa tương thích với Hiến pháp năm 2013 và các đạo luật có liên quan, những vướng mắc, bất cập trong quy định về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; vướng mắc, bất cập trong quy định về giao đất, cho thuê đất, quy định về tài chính với đất đai; chưa phân cấp xác định rõ trách nhiệm, kiểm soát quyền lực trong giao đất, cho thuê đất, xác định giá đất, để xảy ra tham nhũng, tiêu cực, khiếu kiện trong đất đai còn nhiều; vướng mắc, bất cập trong quy định về thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ tái định cư, giải quyết tranh chấp về đất đai; bất cập, vướng mắc của pháp luật đất đai hiện hành về cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; vướng mắc, bất cập trong quy định về quyền sử dụng đất đai của đồng bào dân tộc thiểu số; vướng mắc, bất cập về tham vấn người dân trong lĩnh vực đất đai...

Việc giám sát Luật đất đai đã phát huy được sự tham gia của đội ngũ chuyên gia, các thành viên Hội đồng tư vấn, người có kinh nghiệm thực tiễn chuyên sâu trong quá trình thực hiện đánh giá việc thực thi pháp luật về đất đai. Báo cáo giám sát Luật Đất đai và văn bản kiến nghị sau giám sát của Ban Thường trực Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam đã chỉ ra những bất cập, hạn chế trong quá trình thực hiện, những thiếu sót, nảy sinh tranh chấp về đất đai, đồng thời đề nghị các cơ quan có thẩm quyền chỉ đạo sửa đổi, ban hành chính sách phù hợp để đảm bảo tính khả thi, phù hợp hơn trong giai đoạn tới.

1.5. Giám sát việc thực hiện chính sách hỗ trợ theo Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01/7/2021 của Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19

Sau khi Nghị quyết số 68/NQ-CP (Nghị quyết số 68) ngày 01/7/2021 của Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19, Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam ban hành hướng dẫn số 70/HD-MTTW-BTT ngày 05/8/2021 hướng dẫn việc phối hợp giám sát thực hiện chính sách hỗ trợ người lao động (NLĐ) và người sử dụng lao động (NSDLĐ) gặp khó khăn do đại dịch Covid-19, thường xuyên theo dõi và cập nhật thông tin việc triển khai chính sách của các cơ quan được Chính phủ phân công.

Ủy ban MTTQ Việt Nam các cấp đã tập trung phối hợp và tiến hành các hoạt động kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết số 68 và Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ nhằm góp phần thúc

³¹ Báo cáo số 405/MTTW-BTT ngày 18/10/2021 của Ban Thường trực Ủy ban TW MTTQ Việt Nam.

đẩy và bảo đảm các chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn cho đại dịch Covid-19 được triển khai kịp thời, đúng đối tượng, công bằng, chính xác; kịp thời phát hiện những tồn tại, hạn chế và ngăn chặn các hành vi trục lợi, vi phạm trong thực hiện chính sách. Phối hợp với các cơ quan, ban, ngành trong việc triển khai, hướng dẫn thực hiện để các cấp, các ngành liên quan kịp thời ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn triển khai thực hiện; chủ động rà soát, hướng dẫn người lao động và người sử dụng lao động thực hiện nộp hồ sơ hỗ trợ theo quy định.

Các tổ chức chính trị - xã hội đã chủ động ban hành kế hoạch, hướng dẫn triển khai đến các cấp, hội viên, đoàn viên của tổ chức mình về triển khai giám sát việc thực hiện Nghị quyết số 68-NQ/CP, tập trung vào một số nội dung như: chính sách giảm mức đóng bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động tạm dừng đóng vào Quỹ hưu trí và tử tuất; chính sách hỗ trợ người sử dụng lao động đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động; chính sách hỗ trợ người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương; chính sách hỗ trợ đối với trẻ em và người đang điều trị Covid-19, cách ly y tế; chính sách hỗ trợ viên chức hoạt động nghệ thuật và người lao động là hướng dẫn viên du lịch; chính sách hỗ trợ hộ kinh doanh; chính sách hỗ trợ người sử dụng lao động vay vốn để trả lương ngừng việc, trả lương phục hồi sản xuất; hỗ trợ đối với lao động không có giao kết hợp đồng lao động (lao động tự do) và một số đối tượng đặc thù khác (nếu có)...

Công tác phối hợp giám sát thực hiện chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp và các tổ chức thành viên của Mặt trận đã tập trung tuyên truyền đưa chính sách của Nhà nước về hỗ trợ người lao động và sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19, góp phần giảm thiểu những tác động tiêu cực của đại dịch, đảm bảo đời sống người lao động, ổn định và phục hồi sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp, hộ sản xuất kinh doanh; bảo đảm các chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn cho đại dịch Covid-19 được triển khai kịp thời, đúng đối tượng, công bằng, chính xác; kịp thời phát hiện những tồn tại, hạn chế và ngăn chặn các hành vi trục lợi, vi phạm trong thực hiện chính sách; Mặt trận đã phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, ban, ngành trong việc triển khai, hướng dẫn thực hiện để các cấp, ngành liên quan kịp thời ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn triển khai thực hiện; chủ động rà soát, hướng dẫn người lao động và người sử dụng lao động thực hiện nộp hồ sơ và được hưởng hỗ trợ kịp thời, đúng quy định.

Theo báo cáo của Ngân hàng chính sách xã hội³²(NHCSXH), tính đến ngày 25/11/2021, 63/63 chi nhánh NHCSXH tỉnh, thành phố đã thực hiện phê duyệt cho vay 1.762 bộ hồ sơ đề nghị vay vốn với số tiền 975 tỷ đồng để trả lương cho 268.472 lượt người lao động. NHCSXH đã đề nghị Ngân hàng Nhà nước thực hiện tái cấp vốn và thông báo 19 đợt cho 63 chi nhánh NHCSXH các tỉnh, thành phố với tổng số tiền là 977.968 triệu đồng. Tỷ lệ giải ngân: Đến nay có 63 chi nhánh tỉnh, thành phố

³² Báo cáo số 10812/BC-NHCS ngày 25/11/2021 của Ngân hàng chính sách xã hội về kết quả thực hiện Nghị quyết số 68/NQ-CP của Chính phủ và Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

thực hiện giải ngân cho 1.611 lượt NSDLĐ với số tiền 850 tỷ đồng để trả lương cho 236.244 lượt NLĐ.

1.6. Giám sát việc thực thi pháp luật của các cơ quan Nhà nước, chính quyền các cấp thông qua theo dõi việc giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo, phản ánh của công dân

Năm 2021, trên cơ sở tiếp nhận, xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo, phản ánh của công dân, Ban Thường trực Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam đã nghiên cứu, ban hành văn bản kiến nghị đến cơ quan có thẩm quyền đề nghị xem xét, giải quyết theo quy định. Một số vụ việc, Ban Thường trực Ủy ban TW MTTQ Việt Nam đề nghị MTTQ Việt Nam các tỉnh, thành phố chủ động nắm bắt tình hình và phối hợp với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền ở địa phương thực hiện giám sát theo quy định, bảo vệ quyền, lợi ích chính đáng của công dân. Tính đến 15/12/2021, Ban Thường trực Ủy ban TW MTTQ Việt Nam đã tiếp nhận và xử lý 2.215 đơn khiếu nại, tố cáo, phản ánh, kiến nghị của công dân. Ủy ban Trung ương đã phân loại, xử lý và ban hành 33 văn bản hướng dẫn khiếu nại; 55 văn bản chuyển đơn tố cáo, kiến nghị, phản ánh, ban hành 03 văn bản đôn đốc giải quyết. Các văn bản hướng dẫn và chuyển đơn đều đúng quy định, thẩm quyền theo quy định. Qua nghiên cứu một số vụ việc, Ban Thường trực đã ban hành 06 văn bản kiến nghị cơ quan chức năng đề nghị giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân, đã nhận được 5/6 văn bản phúc đáp, trả lời của cơ quan có thẩm quyền. Những kiến nghị của Mặt trận đối với cơ quan có thẩm quyền đề nghị xem xét, giải quyết đã góp phần nâng cao hiệu quả giải quyết khiếu nại, tố cáo của cơ quan Nhà nước, bảo vệ quyền lợi chính đáng của Nhân dân.

1.7. Phối hợp thực hiện các hoạt động giám sát theo Chương trình, Quy chế phối hợp với các cơ quan hữu quan

Thực hiện Quy chế phối hợp công tác số 01/QC/MTTQ - VKSNDTC ngày 27/8/2014 giữa Ban Thường trực Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam và Viện kiểm sát nhân dân tối cao, cử cán bộ tham gia Đoàn trực tiếp kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong hoạt động thi hành án dân sự tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long; Hà Tĩnh. Sau giám sát, Đoàn kiểm tra, giám sát đã có kiến nghị đề nghị cơ quan có thẩm quyền có giải pháp tháo gỡ vướng mắc trong thi hành án hiện nay.

Ban Thường trực Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam đã phối hợp với Bộ Nội vụ triển khai các nhiệm vụ có liên quan, xây dựng báo cáo kết quả, tham gia Hội nghị công bố kết quả đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước năm 2020.

Ban Thường trực Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam đã phối hợp với Bộ Công an thực hiện công tác đặc xá. Đại diện Ban Thường trực Ủy ban TW MTTQ Việt Nam là thành viên của Hội đồng tư vấn đặc xá Trung ương cũng đã có ý kiến trực tiếp vào các hướng dẫn về tiêu chuẩn, quy trình xét đặc xá, bảo đảm khách quan, minh bạch và đúng quy định của pháp luật; đã cử cán bộ chuyên môn tham gia 05 đoàn liên ngành thực hiện kiểm tra, thẩm định trực tiếp tại các trại giam trên cả nước và kiểm tra, đoàn thẩm định hồ sơ đặc xá tại các trại giam, thẩm định 3.098 hồ sơ đề nghị đặc xá do Thường trực Hội đồng tư vấn đặc xá (C10 của Bộ Công an) chuyển đến, 44 hồ sơ phạm nhân đủ điều kiện đề nghị đặc xá năm 2021 là đối tượng trong các vụ án thuộc diện BCĐ Trung ương về phòng, chống tham nhũng theo dõi,

chỉ đạo hoặc các vụ án dư luận xã hội đặc biệt quan tâm và 14 hồ sơ bị án (04 hồ sơ tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù; 10 hồ sơ đề nghị đặc xá trong trường hợp đặc biệt cho người đang được hoãn chấp hành hình phạt tù).

Ban Thường trực tham gia Hội đồng tuyển chọn, giám sát thẩm phán quốc gia và tham gia Hội đồng tuyển chọn kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Hội đồng thi tuyển kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân, thực hiện cho ý kiến đối với danh sách đề nghị bổ nhiệm 04 Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tối cao của VKSNDTC, đề nghị bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm 670 Thẩm phán các ngạch của Hội đồng tuyển chọn, giám sát Thẩm phán quốc gia.

2. Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam

Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam đã tập trung chỉ đạo, nắm tình hình của địa phương, triển khai giám sát thường xuyên đối với việc thực hiện thỏa ước lao động tập thể, hợp đồng lao động, thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở, việc giải quyết chế độ chính sách đối với đoàn viên, người lao động, trong đó có việc giải quyết chế độ chính sách cho đoàn viên người lao động bị ảnh hưởng bởi đại dịch COVID-19. Đồng thời, chủ động triển khai các hoạt động giám sát có liên quan đến đoàn viên, người lao động, phối hợp những nội dung giám sát do Ban Thường trực Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam chủ trì thực hiện.

Thực hiện giám sát việc thực hiện Nghị quyết số 68/NQ-CP, Tổng liên đoàn Lao động Việt Nam đã ban hành Công văn số 2315/TLĐ ngày 14/7/2021 đề nghị Liên đoàn lao động tỉnh, thành phố, các công đoàn ngành Trung ương và tương đương, công đoàn Tổng công ty trực thuộc Tổng Liên đoàn thực hiện các nội dung như tuyên truyền phổ biến để người lao động hiểu rõ về các chính sách hỗ trợ người lao động và doanh nghiệp; các Cổng thông tin, báo chí của Ban Tuyên giáo Tổng Liên đoàn tích cực thực hiện và thông tin tình hình kết quả tại các địa phương, ngành kịp thời; ngoài việc thực hiện theo Nghị quyết số 68 và Quyết định số 23, Liên đoàn lao động yêu cầu thực hiện Hướng dẫn số 2242/BLĐTBXH-TLĐ-PTM ngày 14/7/2021 về việc tổ chức thực hiện vừa cách ly, vừa sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh không để lợi dụng chính sách gây thiệt hại cho Nhà nước, doanh nghiệp.

3. Trung ương Hội Nông dân Việt Nam

Trung ương Hội Nông dân Việt Nam đã tổ chức khảo sát, đánh giá việc triển khai thực hiện một số nội dung trọng tâm công tác Hội tình hình thực hiện Nghị quyết số 26/NQ-TW ngày 05/6/2008 của Ban Chấp hành Trung ương về nông nghiệp, nông dân, nông thôn, Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 31/10/2012 của Ban Chấp hành Trung ương về tiếp tục đổi mới chính sách, pháp luật về đất đai trong thời kỳ đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại tại các tỉnh Hà Tĩnh, Hà Giang, Tuyên Quang, Hải Phòng. Đồng thời, Trung ương Hội tăng cường giám sát việc thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước thông qua việc nghiên cứu các báo cáo và thu thập thông tin trên các phương tiện thông tin đại chúng. Ở địa phương, các tỉnh, thành Hội đã tổ chức nghiên cứu, xem xét các văn bản, báo cáo về thực trạng tình hình quản lý đất nông, lâm nghiệp của các cơ quan chức năng ở địa phương; tiếp thu phản ánh, kiến nghị của hội viên, nông dân.

Thực hiện giám sát việc thực hiện Nghị quyết số 68/NQ-CP, Trung ương Hội Nông dân Việt Nam đã chủ động triển khai thực hiện theo Hướng dẫn số 70/HD-MTTW-BTT ngày 05/8/2021 của Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam về việc phối hợp giám sát thực hiện chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19, ban hành Hướng dẫn số 361-HD/HNDTW ngày 31/8/2021 về phối hợp giám sát thực hiện chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 đã yêu cầu cấp Hội phối hợp tổ chức giám sát đẩy mạnh công tác phổ biến, tuyên truyền sâu rộng trong cán bộ, hội viên, nông dân về chính sách hỗ trợ người lao động, động viên, khuyến khích sự giám sát trực tiếp của cán bộ, hội viên, nông dân trong việc thực hiện chính sách hỗ trợ với nội dung giám sát là “Giám sát việc triển khai chính sách hỗ trợ người sử dụng lao động vay vốn để trả lương ngừng việc, trả lương phục hồi sản xuất”; xây dựng kế hoạch giám sát tại tỉnh Đồng Tháp và Vĩnh Long.

4. Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh

Trung ương Đoàn ban hành kế hoạch giám sát việc thực hiện Nghị quyết số 25-NQ/TW ngày 25/7/2008 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X. Ban hành Kế hoạch về tổ chức giám sát về "Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thanh niên thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa" của Ban Thường vụ các tỉnh, thành ủy Hà Nội, Bắc Kạn, Quảng Ninh, Quảng Ngãi, Lâm Đồng, Bình Thuận, An Giang. Tuy nhiên, do tình hình dịch bệnh COVID-19 phức tạp nên Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh không triển khai đoàn giám sát trực tiếp tại các địa phương theo kế hoạch và chuyển hình thức giám sát bằng hình thức nghiên cứu văn bản, báo cáo. Sau khi nghiên cứu các báo cáo của các địa phương, Trung ương Đoàn đã có đánh giá, nhận xét về việc triển khai Nghị quyết số 25-NQ/TW và ban hành các văn bản kiến nghị cụ thể gửi đến các cấp ủy, chính quyền địa phương đề nghị: quan tâm đến bồi dưỡng và phát triển toàn diện thanh niên Thủ đô; thực hiện rà soát, chỉ đạo nghiên cứu, ban hành theo thẩm quyền các chính sách, pháp luật về thanh niên; tạo điều kiện thuận lợi để tổ chức Đoàn TNCS Hồ Chí Minh các địa phương huy động, tổ chức cho thanh niên tham gia thực hiện các nhiệm vụ, chương trình phát triển kinh tế - xã hội...

Thực hiện giám sát việc thực hiện Nghị quyết số 68/NQ-CP, Trung ương Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh Việt Nam đã chủ động triển khai thực hiện theo Hướng dẫn số 70/HD-MTTW-BTT ngày 05/8/2021 của Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam về việc phối hợp giám sát thực hiện chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19, ban hành Công văn số 7767-CV/TWĐTN-BKT ngày 20/8/2021 về việc triển khai công tác giám sát thực hiện chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 gửi Ban Thường vụ các tỉnh, thành đoàn để giám sát cơ quan có thẩm quyền trong việc thực hiện chính sách hỗ trợ người sử dụng lao động đào tạo, bồi dưỡng nâng cao kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động; Tổ chức đoàn kiểm tra công tác giám sát tại tỉnh Hải Dương.

5. Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam

Đầu năm 2021, Trung ương Hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam tập trung giám sát việc thực hiện quy định về bảo đảm tỷ lệ phụ nữ ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân trong cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu HĐND

các cấp nhiệm kỳ 2021-2026. Đoàn Chủ tịch Trung ương Hội đã xây dựng kế hoạch giám sát, giám sát tập trung vào các nội dung liên quan đến đảm bảo tỉ lệ người ứng cử là phụ nữ. Sau giám sát, Hội đã có ý kiến với cấp ủy và các cơ quan có thẩm quyền về việc bảo đảm có ít nhất 35% tổng số người trong danh sách chính thức những người ứng cử theo quy định của Luật bầu cử; phân đầu tỷ lệ phụ nữ trúng cử khoảng 30% tổng số đại biểu HĐND và các nội dung khác có liên quan.

Theo sự Kế hoạch của Ủy ban MTTQ Việt Nam về triển khai giám sát việc thực hiện các chính sách hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch COVID-19, Trung ương Hội Liên hiệp phụ nữ (LHPN) Việt Nam đã ban hành Hướng dẫn số 57/HD-ĐCT ngày 12/8/2021 hướng dẫn Hội LHPN các cấp giám sát, trong đó tập trung giám sát việc thực hiện 02 chính sách: Giám sát việc triển khai chính sách hỗ trợ đối với trẻ em và người đang điều trị COVID-19, cách ly y tế; Giám sát việc triển khai chính sách hỗ trợ hộ kinh doanh bị ảnh hưởng do đại dịch COVID 19. Trung ương Hội đã tổ chức hội nghị trực tuyến đề cụ thể hóa hướng dẫn 57/HD-ĐCT cho gần 200 đại biểu là lãnh đạo các ban, đơn vị Trung ương Hội, các tỉnh, thành Hội. Bên cạnh đó Hội LHPN Việt Nam cũng đã phối hợp với MTTQ Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội tham gia giám sát nội dung các chính sách hỗ trợ khác theo quy định bằng các hình thức linh hoạt phù hợp với diễn biến tình hình của đại dịch COVID-19. Tổ chức đoàn kiểm tra công tác giám sát tại Thành phố Đà Nẵng và tỉnh Thừa Thiên Huế.

6. Trung ương Hội Cựu Chiến binh Việt Nam

Theo Kế hoạch, Trung ương Hội Cựu chiến binh Việt Nam đã chủ trì tổ chức giám sát việc thực hiện Nghị định số 150/2006/NĐ-CP ngày 12/12/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Pháp lệnh Cựu chiến binh; Nghị định số 157/2016/NĐ-CP ngày 24/11/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 150/2006/NĐ-CP ngày 12/12/2006 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Pháp lệnh Cựu chiến binh đối với Ủy ban nhân dân 02 tỉnh: Thái Bình và Nam Định.

Các địa phương đã quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện Nghị định 150/2006/NĐ-CP và Nghị định số 157/2016/NĐ-CP của Chính phủ; các sở, ban, ngành tích cực phối hợp nghiên cứu, tham mưu với cấp ủy, chính quyền cùng cấp tạo mọi điều kiện cho các hoạt động của Hội Cựu chiến binh; thực hiện tốt các chế độ, chính sách đối với cựu chiến binh như: Chế độ bảo hiểm y tế, đổi mã quyền lợi bảo hiểm y tế, chế độ mai táng phí khi từ trần; ưu tiên học nghề, tạo việc làm, giao đất, giao rừng, giao mặt nước... để sản xuất, tham gia các dự án phát triển kinh tế của địa phương; khuyến khích thành lập hợp tác xã, tổ hợp tác; xuất khẩu lao động... Tuy nhiên, công tác quán triệt, bồi dưỡng nâng cao trình độ nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ chuyên trách để thực hiện các nội dung của 2 Nghị định có lúc chưa đầy đủ; một số tổ chức cơ sở Hội chưa chủ động tham mưu với cấp ủy Đảng, phối hợp với chính quyền, MTTQ Việt Nam và các ban, ngành, đoàn thể trong việc triển khai thực hiện Nghị định số 150/2006/NĐ-CP và Nghị định số 157/2016/NĐ-CP của Chính phủ; việc theo dõi, quản lý về chế độ chính sách cho đối tượng cựu chiến binh được hưởng các chế độ chính sách khác nhau ở các cấp đôi khi chưa tốt, nên việc đề nghị cấp thẻ Bảo hiểm y tế và mai táng phí dễ bị trùng lặp...

III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN PHẢN BIỆN XÃ HỘI

1. Ban Thường trực Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam

- Từ đầu năm 2021 đến nay, tình hình dịch bệnh Covid - 19 diễn biến hết sức phức tạp đã tác động rất lớn tới mọi mặt đời sống kinh tế - xã hội trong đó có hoạt động giám sát và phản biện xã hội của Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam. Nội dung phản biện một số dự án theo Kế hoạch không thực hiện được do không tổ chức được hội nghị phản biện, dự án Luật Thanh tra (sửa đổi) phía cơ quan chủ trì trình Dự án Luật (Thanh tra Chính phủ) xin lùi thời hạn sang năm 2022 nên Ban Thường trực không tổ chức phản biện đối với dự án này. Ban Thường trực Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam đã tổ chức hội nghị phản biện xã hội Dự thảo Bộ tiêu chí Quốc gia và Quy trình xét công nhận Nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 và có văn bản phản biện gửi Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn để hoàn thiện.

- Công tác tập huấn, tổ chức hội nghị về giám sát và phản biện xã hội (theo hình thức trực tuyến) đã được triển khai và thực hiện thường xuyên, tạo điều kiện cho MTTQ Việt Nam các cấp. Ban Thường trực Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam thường xuyên cử cán bộ tuyên truyền, tập huấn về công tác phản biện xã hội đến các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

Năm 2021, Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam đã quan tâm đẩy mạnh công tác góp ý các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật. Năm 2021, Ban Thường trực đã góp ý 80 văn bản quy phạm pháp luật, đề án, dự án, chương trình theo đề nghị của các cơ quan có thẩm quyền. Các văn bản góp ý của Ban Thường trực chủ yếu liên quan mật thiết đến quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân; đến dân chủ, đồng thuận xã hội³³. Nhiều nội dung góp ý của MTTQ Việt Nam đã được cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp thu, theo đó, ngày càng khẳng định vị thế, vai trò của MTTQ Việt Nam trong quá trình góp ý và xây dựng văn bản quy phạm pháp luật.

Trong năm, Ban Thường trực đã thường xuyên cử đại diện cơ quan tham gia trực tiếp các hoạt động nghiên cứu, xây dựng các dự án luật, pháp lệnh, nghị định với tư cách là thành viên các ban soạn thảo, tổ biên tập và thành viên hội đồng thẩm định thuộc Bộ Tư pháp, có nhiều ý kiến phản biện trực tiếp đối với nhiều dự án luật, văn bản dưới luật để đóng góp ý kiến trong quá trình xây dựng dự thảo chính sách của cơ quan có thẩm quyền, nhất là những nội dung liên quan đến MTTQ Việt Nam và các tổ chức thành viên, liên quan đến tổ chức bộ máy nhà nước, quyền, nghĩa vụ cơ bản của công dân.

2. Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam

Trong năm qua, Tổng Liên đoàn lao động tổ chức góp ý kiến đối với dự thảo Luật Thi đua khen thưởng (sửa đổi). Tổng Liên đoàn đã tích cực, nghiên cứu, tham

³³ Như: Dự án Luật dân chủ ở cơ sở; Dự thảo Luật Thi đua, khen thưởng (sửa đổi); dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định về xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật của Bộ Tư pháp; dự thảo Chương trình hành động của Chính phủ về công tác người Việt Nam ở nước ngoài giai đoạn 2021-2026; dự thảo Văn kiện Chương trình hợp tác giữa Việt Nam và UNDP giai đoạn 2022-2026; Dự thảo Đề án Cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập; Dự thảo Thông tư quy định về quản lý và sử dụng kinh phí NSNN bảo đảm cho công tác điều ước quốc tế và công tác thỏa thuận quốc tế...

gia góp ý phản biện chính thức, gửi cơ quan chủ trì soạn thảo. Đã có 9 văn bản góp ý, phản biện chính thức gửi cơ quan chủ trì soạn thảo trong đó có 02 văn bản của Tổng Liên đoàn; 03 văn bản góp ý của cá nhân đồng chí Chủ tịch Tổng Liên đoàn đồng thời là Phó Chủ tịch Hội đồng Thi đua khen thưởng Trung ương, 03 văn bản góp ý phản biện của đồng chí Phó Chủ tịch Tổng liên đoàn với tư cách là thành viên Ban Soạn thảo và 01 bản góp ý của chuyên gia Ban soạn thảo. Các nội dung góp ý phản biện về cơ bản đã được cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp thu, bổ sung và giải trình.

Ngoài ra, Tổng Liên đoàn đã tích cực, nghiên cứu, tổ chức các hội nghị, xây dựng văn bản góp ý, phản biện gửi cơ quan chủ trì soạn thảo đối với các dự thảo như: Dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về Quỹ hỗ trợ việc làm ngoài nước; Dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; Dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Kết luận số 92-KL/TW ngày 05/11/2020 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 khóa XI một số vấn đề về chính sách xã hội giai đoạn 2021-2020; Dự thảo Nghị định quy định về tổ chức đại diện người lao động tại doanh nghiệp và thương lượng tập thể; Dự thảo Chiến lược phát triển thanh niên giai đoạn 2021-2030... Các nội dung góp ý, phản biện chủ yếu về xem xét sự phù hợp của các dự thảo với chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; tính đúng đắn, khoa học, khả thi trong thực tiễn, đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của người lao động...

3. Trung ương Hội Nông dân Việt Nam

Các ban, đơn vị thuộc Trung ương Hội đã chủ động tham mưu góp ý 87 dự thảo văn bản của Đảng, Chính phủ và các bộ, ngành. Nhiều ý kiến phản biện được các ngành ghi nhận như: Góp ý dự thảo Chương trình phối hợp *"Tuyên truyền, vận động sản xuất, kinh doanh nông sản thực phẩm chất lượng, an toàn vì phát triển bền vững giai đoạn 2021 - 2025"* của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; dự thảo Chiến lược phát triển Ngân hàng Chính sách xã hội giai đoạn 2021-2030; dự thảo báo cáo đánh giá tình hình thực hiện Nghị định 78/2002/NĐ-CP của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác; Đề xuất bổ sung nội dung cần quy định trong dự thảo Thông tư quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế- xã hội, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025 của Bộ Tài chính; dự thảo của Ban chỉ đạo Trung ương Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 về các tờ trình, Nghị quyết trình Chính phủ, Quốc hội của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Dự thảo Nghị định của Chính phủ về Quỹ hỗ trợ nông dân của Bộ Tài Chính...

Hội Nông dân các tỉnh, thành phố đã tham gia góp ý vào nhiều nội dung liên quan trực tiếp đến quyền và lợi ích của nông dân nêu trong các dự thảo văn bản nghị quyết, quyết định, chương trình, dự án về phát triển nông nghiệp, nông thôn, xây dựng nông thôn mới của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp ở địa phương gửi đến các cấp Hội Nông dân.

4. Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh

Căn cứ kế hoạch số 240/KH/MTTW-UB, ngày 31/12/2020 của Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam về giám sát và phản biện xã hội năm 2021, Ban Bí thư Trung ương Đoàn đã ban hành Kế hoạch số 355- KH/TWĐTN - BKT ngày 09/02/2021 về việc giám sát và phản biện xã hội năm 2021, theo đó, ngày 18/3/2021, Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Ủy ban Quốc gia về Thanh niên Việt Nam tổ chức Hội nghị phản biện xã hội đối với dự thảo Chiến lược phát triển thanh niên Việt Nam giai đoạn 2021-2030. Tham dự Hội nghị có đại diện các bộ, ngành Trung ương; các chuyên gia, các nhà khoa học, các nhà quản lý, cán bộ Đoàn các thời kỳ.

Ngày 13/4/2021, Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Ủy ban Quốc gia về thanh niên Việt Nam tiếp tục tổ chức Hội nghị phản biện xã hội đối với dự thảo Quyết định về việc kiện toàn, sửa đổi, bổ sung chức năng, nhiệm vụ Ủy ban Quốc gia về thanh niên Việt Nam.

5. Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam

Trung ương Hội LHPN Việt Nam đã tập trung vào phản biện xã hội đối với dự thảo Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025, chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo thông qua việc gửi các văn bản góp ý, làm việc trực tiếp với cơ quan chủ trì soạn thảo, cơ quan có thẩm tra, xây dựng tài liệu vận động chính sách gửi các đại biểu Quốc hội tại kỳ họp thứ nhất - Quốc hội khóa XV, kết quả là các vấn đề bình đẳng giới đã được ghi nhận trong Nghị quyết của Quốc hội³⁴. Nhằm có thêm căn cứ khoa học để xác định nội dung đề xuất và thực hiện phản biện xã hội trong thời gian tới, TW Hội đã tổ chức Hội thảo 03 tham vấn chuyên gia, 01 Hội thảo khoa học quốc gia về những nội dung liên quan đến chính sách đảm bảo an sinh xã hội cho phụ nữ, gia đình. TW Hội góp ý đối với một số dự thảo hồ sơ Luật, Nghị định, Thông tư, Quyết định; chiến lược... Lãnh đạo Hội tham gia các Ban soạn thảo, Tổ biên tập và tham gia hội đồng thẩm định hồ sơ xây dựng dự án Luật phòng, chống bạo lực gia đình (sửa đổi), dự án Luật Bảo hiểm xã hội (sửa đổi). Bên cạnh đó, TW Hội tích cực tham gia các hội nghị, hội thảo liên quan đến lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong dự thảo văn bản quy phạm pháp luật cũng như trong quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật,

³⁴ Mục tiêu "thúc đẩy bình đẳng giới" vào mục tiêu tổng quát của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới; Hội thảo khoa học quốc gia "Đưa Nghị quyết Đại hội XIII vào cuộc sống - Vun đắp giá trị gia đình Việt Nam: Nhận diện và giải pháp"; Dự thảo hồ sơ Luật Kinh doanh bảo hiểm (sửa đổi); Hồ sơ Luật Cảnh sát cơ động; Dự thảo hồ sơ Luật Kinh doanh bảo hiểm (sửa đổi); Hồ sơ Luật Cảnh sát cơ động; dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung thông tư số 71/2018/TT-BTC; dự thảo Thông tư quy định chi tiết việc thu, nộp, quản lý và sử dụng chi phí đăng ký, đăng tải thông tin, lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, Báo đấu thầu; dự thảo "Thông tư về Bộ chỉ tiêu thống kê tình hình trẻ em và xâm hại trẻ em"; Thông tư hướng dẫn xây dựng dự toán NSNN năm 2022, kế hoạch TC-NSNN 3 năm 2022-2024; Thông tư 92/2017/TT-BTC về lập dự toán, phân bổ và quyết toán kinh phí để thực hiện sửa chữa, bảo trì, cải tạo, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất; Dự thảo Quyết định thay thế Quyết định số 27/2013/QĐ-TTg ngày 19/5/2013 và Quyết định số 42/2017/QĐ-TTg ngày 20/9/2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định về thành phần và quyền hạn, nhiệm vụ của Hội đồng phối hợp phổ biến giáo dục pháp luật; Quyết định số 260 - QĐ/TW ngày 02/10/2009 của Bộ Chính trị về việc thôi giữ chức vụ, miễn nhiệm, từ chức của cán bộ và dự thảo Quy định về công tác Quy hoạch cán bộ; Nghị định hướng dẫn một số điều Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; xây dựng dự án Luật thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn; Nghị định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bình đẳng giới; Hội nghị tham vấn ý kiến về lồng ghép giới trong dự thảo Luật Khám, chữa bệnh (sửa đổi) do Bộ Y tế tổ chức; "Góp ý một số nội dung sửa đổi, bổ sung Luật phòng, chống mua bán người"; dự thảo Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 của Chính phủ...

nhận diện các vấn đề tác động đến các yếu tố giới và đề xuất, kiến nghị các chính sách, quy định pháp luật để đảm bảo quyền lợi của hội viên, phụ nữ...

6. Trung ương Hội Cựu chiến binh Việt Nam

Theo chức năng nhiệm vụ được giao, Hội CCB Việt Nam đã tổ chức tốt việc tham gia đóng góp các văn bản quy phạm pháp luật do các cơ quan có thẩm quyền yêu cầu theo chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật năm 2021 của Quốc hội, Chính phủ, các cơ quan Trung ương và các địa phương.

Do điều kiện dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp, cùng với các địa phương Hội CCB Việt Nam phải thực hiện giãn cách, nên chủ yếu là thực hiện góp ý vào các văn bản quy phạm pháp luật, chưa có điều kiện thực hiện tổ chức Hội nghị phản biện hoặc làm việc với cơ quan soạn thảo... Kết quả, từ đầu năm đến nay Trung ương Hội CCB Việt Nam đã tổ chức tham gia góp ý vào 64 văn bản quy phạm pháp luật đảm bảo thời gian, đạt chất lượng hiệu quả thiết thực.

IV. HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT VÀ PHẢN BIỆN XÃ HỘI CỦA MTTQ VIỆT NAM CÁC ĐỊA PHƯƠNG

1. Kết quả hoạt động giám sát

Những tháng đầu năm 2021, Ban Thường trực MTTQ Việt Nam các cấp tập trung giám sát công tác bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND các cấp, chủ động ban hành kế hoạch, quyết định kiểm tra, giám sát công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026. Ủy ban MTTQ Việt Nam 63 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Ủy ban MTTQ Việt Nam cấp tỉnh đã chủ trì tổ chức 480 đoàn kiểm tra, giám sát về công tác bầu cử, phối hợp, tham gia thực hiện kiểm tra, giám sát 845 đoàn; Ủy ban MTTQ Việt Nam cấp huyện đã chủ trì tổ chức 2.764 đoàn kiểm tra, giám sát về công tác bầu cử, phối hợp, tham gia thực hiện kiểm tra, giám sát 4.269 đoàn; Ủy ban MTTQ Việt Nam cấp xã đã chủ trì tổ chức 18.490 đoàn kiểm tra, giám sát về công tác bầu cử, phối hợp, tham gia thực hiện kiểm tra, giám sát 23.696 đoàn công tác bầu cử. Hoạt động giám sát của MTTQ Việt Nam các cấp đối với công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 đã được tiến hành nghiêm túc, tiết kiệm, hiệu quả, đúng nội dung, tiến độ và yêu cầu đề ra. Việc giám sát của MTTQ VN đã giúp các tổ chức phụ trách bầu cử kịp thời khắc phục hạn chế, điều chỉnh những thiếu sót, bảo đảm các điều kiện ở các điểm bầu cử, cử đại diện chứng kiến, giám sát việc bỏ phiếu, kiểm phiếu theo quy định...

Theo Kế hoạch của Trung ương, Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam cấp tỉnh đã chủ động ban hành kế hoạch giám sát chuyên đề đối với 02 nội dung: (1) Giám sát việc thực hiện các quy định của Đảng, pháp luật của nhà nước về công tác cán bộ, giám sát cán bộ, đảng viên và công tác cán bộ; (2) Giám sát việc thực hiện pháp luật về tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo đối với Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp. Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam cấp tỉnh, cấp huyện đã xây dựng kế hoạch tổ chức và triển khai giám sát theo thẩm quyền. Việc giám sát theo nội dung 02 chuyên đề được triển khai đồng bộ trong toàn hệ thống Mặt trận các cấp, bước đầu có những kết quả đáng ghi nhận, góp phần nâng cao nhận thức của cấp ủy, chính quyền địa phương đối với vai trò giám sát của Mặt trận.

MTTQ Việt Nam các cấp đã triển khai một số nội dung giám sát theo yêu cầu thực tế của địa phương như: thực hiện chính sách hỗ trợ theo Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01/7/2021 của Chính phủ; giám sát công tác giảm nghèo bền vững, xây dựng nông thôn mới; thực hiện chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi; việc thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; về hỗ trợ kinh phí cho hộ nghèo, hộ cận nghèo di dời chuồng trại gia súc ra khỏi gầm sàn nhà ở tại các huyện, thành phố; việc thực hiện chính sách đối với các đối tượng cai nghiện ma túy tại các cơ sở tập trung...

Các địa phương đã chú trọng đẩy mạnh hoạt động giám sát của Ban Thanh tra Nhân dân và Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng. Hoạt động của Ban TTND và Ban GSĐTCCD ở một số địa phương, cơ sở đã thật sự phát huy được hiệu quả, nâng cao vai trò của Mặt trận Tổ quốc ở cơ sở trong việc phát huy quyền làm chủ của nhân dân, nhất là việc giám sát các công trình, dự án có sự tham gia đóng góp trực tiếp của người dân, góp phần đem lại lợi ích thiết thực cho cộng đồng ở những nơi được thụ hưởng dự án; kịp thời phát hiện và kiến nghị chủ đầu tư, đơn vị thi công khắc phục những sai sót, tránh lãng phí.

Theo báo cáo của 63/63 Ủy ban MTTQ Việt Nam các cấp ở địa phương, trong năm 2021 đã tổ chức **22.559** cuộc giám sát, trong đó Ủy ban MTTQ Việt Nam cấp tỉnh chủ trì giám sát **475** cuộc, cấp huyện giám sát **3.500** cuộc, cấp xã giám sát **18.584** cuộc; tổng số hoạt động giám sát do Ủy ban MTTQ Việt Nam các cấp tham gia phối hợp với các cơ quan hữu quan là **29.526** cuộc.

Hoạt động giám sát của MTTQ Việt Nam các cấp đã nhận được sự quan tâm chỉ đạo của cấp ủy, sự phối hợp của các cơ quan, tổ chức, chính quyền các cấp, đã huy động được nguồn lực của địa phương, có sự phối hợp với các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức thành viên và Nhân dân trong quá trình triển khai thực hiện. Sau giám sát, Mặt trận các cấp đã kịp thời kiến nghị đến các cơ quan có thẩm quyền đề nghị khắc phục những hạn chế, bất cập, rà soát chính sách, pháp luật phù hợp, đáp ứng với tình hình, góp phần giữ ổn định và phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương, cơ sở.

2. Kết quả hoạt động phản biện xã hội

Căn cứ hướng dẫn hằng năm của Ban Thường trực Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam, căn cứ Kế hoạch xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật, chương trình, đề án, tình hình thực tế của từng địa phương, Ủy ban MTTQ Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội đã lựa chọn nội dung, vấn đề phản biện xã hội, góp ý xây dựng Đảng, xây dựng Nhà nước phù hợp, đúng, trúng những vấn đề mà Nhân dân đang quan tâm để tiến hành góp ý kiến và phản biện xã hội. Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam cấp tỉnh tập trung phản biện dự thảo các chính sách, pháp luật; Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam cấp huyện, cấp xã tập trung phản biện xã hội các dự thảo chương trình, đề án có liên quan trực tiếp đến nhân dân ở địa phương mình.

Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam các tỉnh, thành phố đã tích cực thực hiện công tác phản biện xã hội, tham gia góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền, góp ý vào các dự thảo chủ trương, chính sách, kế hoạch, đề án, dự án và các

văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ban hành; các dự thảo, báo cáo đánh giá tình hình kinh tế - xã hội và phương hướng nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương tại các kỳ họp Hội đồng nhân dân.

Các hội nghị phản biện xã hội do MTTQ các địa phương thực hiện thường tập trung vào các nhiệm vụ chính trị, các chỉ tiêu kinh tế-xã hội, an ninh, quốc phòng ở địa phương, như Dự thảo Nghị quyết về phát triển kinh tế-xã hội, các chuyên đề liên quan đến quyền và lợi ích của Nhân dân ở địa phương. Thực tế đã khẳng định hoạt động phản biện xã hội đã nhận được sự tham gia nhiệt tình, tâm huyết của các nhà khoa học, các nhà quản lý, các chuyên gia... đóng góp những ý kiến, kiến nghị đã được các cơ quan có thẩm quyền tiếp thu và điều chỉnh phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội cũng như nguyện vọng của nhân dân.

Qua hội nghị phản biện xã hội, nhiều ý kiến, kiến nghị của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, của các tổ chức chính trị - xã hội các cấp đã được các cơ quan tiếp thu, là kênh thông tin quan trọng, cần thiết giúp cấp ủy, chính quyền khi xem xét, quyết định các vấn đề trong công tác lãnh đạo, quản lý, góp phần phát huy quyền làm chủ của Nhân dân trong việc tham gia xây dựng Đảng trong sạch vững mạnh, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân.

Điển hình như Ủy ban MTTQ thành phố Hà Nội đã tổ chức hội nghị phản biện xã hội vào dự thảo Đề án: *"Xây dựng, cải tạo lại chung cư cũ trên địa bàn thành phố Hà Nội"*; Ủy ban MTTQ Việt Nam cấp quận, huyện, thị xã tổ chức 22 hội nghị phản biện xã hội và góp ý vào 18 văn bản... Các hội nghị phản biện xã hội ở các cấp ngày càng được nâng cao về chất lượng, các ý kiến tham gia phản biện được chính quyền các cấp nghiên cứu, tiếp thu, chỉnh sửa để các chủ trương, chính sách được thực hiện khả thi...

Theo báo cáo của 63/63 Ủy ban MTTQ Việt Nam các cấp ở địa phương, trong năm 2021 đã tổ chức 4.819 cuộc phản biện xã hội, trong đó: Ủy ban MTTQ Việt Nam cấp tỉnh, chủ trì phản biện xã hội được 162 cuộc; Ủy ban MTTQ Việt Nam cấp huyện, chủ trì phản biện xã hội được 696 cuộc; Ủy ban MTTQ Việt Nam cấp xã, chủ trì phản biện xã hội được 3.961 cuộc.

V. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Về ưu điểm

- Mặc dù đại dịch COVID -19 diễn biến phức tạp, ảnh hưởng đến việc triển khai thực hiện Kế hoạch giám sát và phản biện xã hội năm 2021, nhưng Mặt trận và các tổ chức chính trị xã hội các cấp đã chủ động, sáng tạo, khắc phục khó khăn thực hiện cơ bản các nội dung theo nhiệm vụ được phân công và những nhiệm vụ phát sinh. Hoạt động giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận đã nhận được sự quan tâm chỉ đạo của cấp ủy, sự phối hợp của các cơ quan, tổ chức, chính quyền các cấp. Trong năm 2021, căn cứ thực tiễn diễn biến dịch bệnh COVID-19, Mặt trận tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội đã chủ động điều chỉnh hình thức, phương thức, thời gian thực hiện các nội dung giám sát, phản biện xã hội phù hợp với tình hình, bảo đảm chất lượng, mục đích, yêu cầu đặt ra.

- MTTQ Việt Nam đã chủ động phối hợp với các tổ chức chính trị - xã hội triển khai có hiệu quả công tác giám sát bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026. Qua kiểm tra, giám sát, đã phát hiện những khó khăn, vướng mắc trong thực hiện nhiệm vụ bầu cử của một số địa phương, có ý kiến đề nghị chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương triển khai công tác bầu cử đảm bảo công tác bầu cử được thực hiện nghiêm túc, tiết kiệm, hiệu quả, đúng quy định pháp luật và tiến độ đề ra.

- Việc triển khai giám sát một số chuyên đề được tập huấn (trực tuyến), hướng dẫn triển khai thống nhất trong toàn hệ thống Mặt trận từ Trung ương đến cơ sở, mang lại những kết quả đáng ghi nhận như giám sát việc thực hiện công tác tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp đã chỉ ra thiếu sót của một số lãnh đạo địa phương trong thực hiện quy định về tiếp công dân định kỳ; giám sát cán bộ và công tác cán bộ đã có kiến nghị về tiêu chuẩn bổ nhiệm cán bộ của địa phương; Giám sát Luật đất đai đã chỉ ra những bất cập và kiến nghị cơ quan chức năng rà soát, sửa đổi những quy định có liên quan trực tiếp đến quyền lợi của Nhân dân.

- MTTQ Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp đã phát huy được lợi thế trong việc tập hợp sức mạnh của nhiều tổ chức, đoàn viên, hội viên, cá nhân và nhân dân, đã huy động được đông đảo lực lượng đội ngũ chuyên gia, nhà khoa học, người có kinh nghiệm thực tiễn trong quá trình tổ chức giám sát và phản biện xã hội, góp phần nâng cao hiệu quả, chất lượng giám sát, phản biện.

- Sau giám sát, MTTQ Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội đã kịp thời có báo cáo, kiến nghị cụ thể, xác đáng gửi các cơ quan có thẩm quyền để chỉ đạo khắc phục những hạn chế, bất cập, đồng thời rà soát hoàn thiện hệ thống pháp luật. Các nội dung kiến nghị sau giám sát, phản biện xã hội được Chính phủ kịp thời có văn bản phúc đáp và chỉ đạo các bộ, ngành có liên quan thực hiện.

- Hoạt động giám sát, phản biện xã hội của Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam tiếp tục nhận được sự quan tâm của các cơ quan hữu quan, nhiều ý kiến, kiến nghị sau giám sát đều được chính quyền và các ngành chức năng chỉ đạo xem xét, giải quyết, góp phần tạo được sự chuyển biến tích cực trong nhận thức của các cấp ủy, chính quyền và Nhân dân.

2. Một số hạn chế

- Đầu năm 2021, toàn bộ hệ thống MTTQ Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội tập trung cho công tác bầu cử, thời gian dành cho công tác giám sát và phản biện xã hội chủ yếu triển khai vào 6 tháng cuối năm. Bên cạnh đó, do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19 nên việc thành lập đoàn giám sát tại các địa phương, cơ sở không thực hiện được, các hoạt động giám sát chủ yếu thực hiện qua nghiên cứu, xem xét văn bản, báo cáo, ảnh hưởng nhiều đến kết quả giám sát. Một số dung giám sát của Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội không thực hiện được do ảnh hưởng của đại dịch³⁵, một số nội dung không triển khai giám sát được đầy đủ theo kế hoạch mà chỉ thực hiện giám sát được ở một số địa phương.

³⁵ Giám sát việc chấp hành pháp luật về bảo đảm an toàn thực phẩm; Giám sát việc thực hiện chính sách giảm nghèo, hỗ trợ người dân ổn định đời sống và sản xuất sau thiên tai (MTTQ Việt Nam chủ trì); Giám sát việc thực hiện pháp luật về BHXH của các doanh nghiệp; thực hiện chính sách, pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động và bảo vệ môi

- Một số nội dung phản biện của Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội theo kế hoạch năm 2021 không triển khai thực hiện được, phần lớn do không thể tổ chức được hội nghị phản biện, có nội dung phản biện xã hội chưa thực hiện được do yếu tố khách quan (cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản xin lùi thời gian trình dự án Luật sang năm 2022)³⁶. Bên cạnh đó, công tác phản biện xã hội nhiều nơi còn khó khăn, lúng túng trong việc lựa chọn nội dung và cách thức tổ chức thực hiện; năng lực phản biện xã hội của cán bộ Mặt trận, các đoàn thể, nhất là ở cơ sở còn hạn chế... Việc thông báo những nội dung yêu cầu MTTQ Việt Nam phản biện cho năm tiếp theo chưa được các cơ quan có liên quan thực hiện kịp thời dẫn đến chất lượng phản biện xã hội chưa cao.

- Hiệu quả, chất lượng công tác giám sát, phản biện xã hội tuy có nâng lên nhưng chưa đáp ứng được đòi hỏi thực tiễn đang đặt ra. Việc tổ chức hoạt động giám sát, phản biện xã hội còn chưa đều giữa các tổ chức thành viên và giữa các cấp, công tác giám sát và phản biện xã hội chưa thực sự được quan tâm, sâu sát và chỉ đạo thực hiện quyết liệt của người đứng đầu một số tổ chức nên hiệu quả, chất lượng chưa cao. Mặc dù nhiều kiến nghị sau phản biện xã hội của MTTQ Việt Nam đã được cấp có thẩm quyền trao đổi, tiếp thu, phản hồi, tuy nhiên vẫn còn một số nội dung chưa kịp thời và thỏa đáng, nhiều nội dung phản hồi chỉ là thông báo, ghi nhận hoặc nghiên cứu xem xét.

- Cán bộ Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội tham mưu cho hoạt động giám sát và phản biện xã hội còn ít, một số cán bộ ở địa phương, cơ sở kiêm nhiệm, cùng một lúc phải triển khai nhiều nhiệm vụ, năng lực trình độ chưa đồng đều, trong khi việc tham mưu triển khai thực hiện giám sát và phản biện đòi hỏi có trình độ, kỹ năng, kinh nghiệm. Vì vậy, tiến độ triển khai một số hoạt động giám sát và phản biện chưa kịp thời, chất lượng còn hạn chế. Bên cạnh đó, kinh phí cho hoạt động giám sát và phản biện còn một số khó khăn ở nhiều địa phương, phần nào cũng ảnh hưởng đến việc triển khai các hoạt động giám sát và phản biện xã hội.

VI. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ GIÁM SÁT, PHẢN BIỆN XÃ HỘI NĂM 2022

1. Phương hướng, nhiệm vụ

- Công tác giám sát, phản biện xã hội cần bám sát nội dung tại Chương trình 3, Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam lần thứ IX, nhiệm kỳ 2019-2024, kế thừa có chọn lọc chương trình giám sát của giai đoạn trước đến nay vẫn phát huy tác dụng, hình thức, cách làm phù hợp với giai đoạn mới. Triển khai Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII và Chương trình hành động của Đảng đoàn MTTQ Việt Nam về thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng.

- Đổi mới phương pháp, cách làm giám sát và phản biện xã hội, có sự tham gia ngày càng rộng rãi của các tổ chức thành viên của MTTQ và Nhân dân, tạo cơ chế để huy động sự tham gia của thành viên các Hội đồng tư vấn, các chuyên gia, nhà

trường, quản lý, xử lý chất thải công nghiệp trong doanh nghiệp (Tổng liên đoàn lao động Việt Nam chủ trì); Giám sát việc thực hiện một số chính sách về quản lý đất nông nghiệp theo Luật Đất đai năm 2013 (Hội Nông dân Việt Nam chủ trì).

³⁶ Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ; Dự thảo Luật Thanh tra; Dự án hoạt động của tổ chức phi chính phủ nước ngoài tại Việt Nam và hoạt động chứng nhận lãnh sự, hợp pháp hóa lãnh sự (MTTQ Việt Nam chủ trì); Dự thảo Nghị định quy định về cấp nước sinh hoạt nông thôn (Hội Nông dân chủ trì); Dự thảo Luật Phòng, chống bạo lực gia đình (sửa đổi) (Do Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam chủ trì).

khoa học, người có kinh nghiệm thực tiễn, xác định đây là giải pháp quan trọng để nâng cao chất lượng công tác giám sát và phản biện xã hội, đảm bảo kiến nghị giám sát, phản biện có tính hiệu quả, thiết thực.

- Công tác giám sát và phản biện xã hội cần có sự đổi mới theo hướng chủ động, thực chất, hình thức phù hợp, đáp ứng tình hình thực tế. Đẩy mạnh công tác nắm bắt, tập hợp đầy đủ ý kiến, kiến nghị của cử tri và Nhân dân để lựa chọn nội dung giám sát, thực hiện giám sát từ sớm, từ xa, giám sát đột xuất những vấn đề nổi cộm, gây bức xúc trong Nhân dân.

- Việc tổ chức thực hiện giám sát và phản biện xã hội phải bảo đảm đúng quy trình, thống nhất trong hệ thống Mặt trận các cấp. Kiến nghị sau giám sát, phản biện phải rõ ràng, cụ thể, có tính thuyết phục cao; bảo đảm cơ sở lý luận và thực tiễn, khách quan, công khai, hiệu quả thiết thực và mang tính xây dựng, phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

2. Về nội dung giám sát năm 2022

- Lựa chọn thực hiện một số nội dung giám sát phù hợp với vai trò, trách nhiệm của MTTQ Việt Nam, có trọng tâm, trọng điểm, gắn với thực tiễn đặt ra, liên quan trực tiếp đến đời sống Nhân dân. Năm 2022 MTTQ Việt Nam tập trung giám sát một số nội dung như: Giám sát việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức của người đứng đầu, cán bộ chủ chốt, cán bộ đảng viên; Giám sát việc thực hiện chính sách hỗ trợ người lao động và sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19; Giám sát việc giải quyết một số vụ việc khiếu nại, tố cáo phức tạp, kéo dài; Giám sát việc thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; Giám sát việc thực hiện công tác thu hồi tài sản bị thất thoát, chiếm đoạt trong các vụ án hình sự về tham nhũng, kinh tế (Theo Chỉ thị số 04 - CT/TW, ngày 02/6/2021 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thu hồi tài sản bị thất thoát, chiếm đoạt trong các vụ án hình sự về tham nhũng, kinh tế)...

- Các tổ chức chính trị - xã hội tập trung giám sát một số nội dung liên quan đến tổ chức như: Giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật và quản lý nhà nước về bảo hiểm xã hội, về an toàn, vệ sinh lao động, về quản lý, xử lý chất thải công nghiệp và việc thực hiện Quy chế dân chủ nơi làm việc trong doanh nghiệp; giám sát việc quản lý sử dụng đất trồng lúa, chính sách tích tụ, tập trung đất đai cho sản xuất nông nghiệp; Giám sát việc thực hiện Nghị quyết 25-NQ/TW ngày 25/7/2008 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về "Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thanh niên thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa"; giám sát việc thực hiện các quy định của Luật hỗ trợ Doanh nghiệp nhỏ và vừa về hỗ trợ đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa do phụ nữ làm chủ; Giám sát việc thực hiện Nghị định số 150/NĐ-CP ngày 12/12/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Pháp lệnh Cựu chiến binh..

Trường hợp cần thiết, Ban Thường trực Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam, Trung ương các tổ chức chính trị - xã hội có thể bổ sung mới nội dung thực hiện giám sát khi phát sinh vụ việc, vấn đề nổi cộm, được dư luận quan tâm, liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân, đoàn viên, hội viên theo quy định của Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các văn bản có liên quan...

3. Về nội dung phản biện xã hội năm 2022

- Rà soát những nội dung, lĩnh vực mà cử tri, Nhân dân quan tâm, tập trung phản biện xã hội đối với các nội dung có liên quan, ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống của Nhân dân; góp phần xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền Xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân. Năm 2022, MTTQ Việt Nam tập trung vào một số dự thảo văn bản pháp luật như: Dự án Luật Đất đai (sửa đổi); Dự án Luật Thanh tra (sửa đổi); Dự án Luật thực hiện dân chủ ở cơ sở...

- Các tổ chức chính trị - xã hội tập trung phản biện những Dự thảo liên quan đến tổ chức mình như: Dự thảo Luật Bảo hiểm xã hội (sửa đổi); Dự thảo Luật Hợp tác xã (sửa đổi); Dự thảo Luật Phòng, chống bạo lực gia đình (sửa đổi); Dự thảo Luật Công nghiệp Quốc phòng; Dự thảo Luật Bảo hiểm xã hội (sửa đổi) ...

Trường hợp cần thiết, từ nhu cầu thực tiễn và yêu cầu của các cơ quan soạn thảo, Ban Thường trực Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam, Trung ương các tổ chức chính trị - xã hội có thể tiến hành phản biện xã hội đối với các dự thảo văn bản, chương trình, dự án khác liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân, đoàn viên, hội viên theo quy định của Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các văn bản có liên quan...

4. Đối với MTTQ Việt Nam các địa phương

- Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam các cấp chủ trì phối hợp, hiệp thương với các tổ chức chính trị - xã hội cùng cấp thống nhất nội dung, xây dựng ban hành kế hoạch giám sát, phản biện xã hội năm 2022, trong đó xác định rõ nội dung Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam chủ trì, nội dung các tổ chức chính trị - xã hội chủ trì, các nội dung tham gia phối hợp, đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ trong quá trình triển khai thực hiện.

- Quan tâm lựa chọn các hình thức giám sát, phản biện xã hội phù hợp với yêu cầu, tình hình thực tế của địa phương. Sau giám sát, phản biện xã hội, Ủy ban MTTQ Việt Nam các cấp cần có báo cáo và kịp thời có văn bản kiến nghị gửi cơ quan tổ chức, cá nhân có thẩm quyền, đồng thời thực hiện theo dõi, đôn đốc chặt chẽ việc tiếp thu, trả lời, quá trình giải quyết của các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền.

- Chú trọng đẩy mạnh hoạt động giám sát thông qua hoạt động của Ban thanh tra Nhân dân và Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng, phát huy vai trò của Nhân dân trong tham gia hoạt động giám sát và phản biện của MTTQ Việt Nam ở cơ sở.

- Tăng cường công tác phối hợp giám sát và phản biện xã hội giữa MTTQ Việt Nam với các tổ chức thành viên. Chú trọng công tác phối hợp giám sát với HĐND các cấp nhằm tạo ra cơ chế đồng bộ giữa giám sát của cơ quan quyền lực Nhà nước với giám sát xã hội.

5. Đối với các tổ chức chính trị - xã hội

- Trung ương các tổ chức chính trị - xã hội căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của mình lựa chọn, đề xuất và triển khai những nội dung giám sát và phản biện phù hợp, đảm bảo việc giám sát có chất lượng, hiệu quả, bảo vệ quyền lợi chính đáng của đoàn viên, hội viên thuộc tổ chức mình. Đặc biệt cần quan tâm tăng cường công tác phối hợp với MTTQ Việt Nam và các tổ chức khác trong quá trình thực hiện các nội dung giám sát, phản biện có liên quan.

- Xây dựng kế hoạch để thực hiện các nội dung giám sát và phản biện xã hội năm 2022. Định kỳ xây dựng các báo cáo kết quả, đánh giá về giám sát, phản biện xã hội và có kiến nghị cụ thể gửi về Ban Thường trực Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam để tổng hợp chung.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện công tác giám sát và phản biện xã hội năm 2021, phương hướng, nhiệm vụ công tác giám sát và phản biện xã hội năm 2022 của Ủy ban MTTQ Việt Nam./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng (b/c);
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Chính phủ;
- Ban Dân vận Trung ương, Ban Nội chính Trung ương;
- Các Văn phòng: Trung ương Đảng, Chủ tịch nước, Quốc hội, Chính phủ;
- Chủ tịch Đỗ Văn Chiến (b/c);
- Ban Thường trực UBTWMTTQ Việt Nam;
- Các vị Ủy viên Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam;
- TW các tổ chức thành viên của MTTQ Việt Nam;
- Tỉnh ủy, Ủy ban MTTQVN các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Các ban, đơn vị cơ quan MTTW;
- Lưu VT, Ban DCPL.



PHỤ LỤC SỐ 1

TỔNG HỢP SỐ LIỆU GIÁM SÁT CÔNG TÁC CÁN BỘ THẨM QUYỀN CẤP TỈNH VÀ CÁC SỞ NGÀNH

(Kèm theo Báo cáo số: 446/BC-MTTW-BTT ngày 31/12/2021 của Ban Thường trực Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam)

STT	Tỉnh, Thành phố	VĂN BẢN CHỈ ĐẠO	TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC					TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC				TUYỂN DỤNG HDLD			BỘ NHIỆM					CHUYỂN ĐỔI VỊ TRÍ CÔNG TÁC		KÊ KHAI TÀI SẢN		
			Số lượng	Hình thức xét tuyển	Hình thức thi tuyển	Hình thức khác	Sai vị trí	Số lượng	Hình thức xét tuyển	Hình thức thi tuyển	Hình thức khác	Số lượng	Có HDLD	Không có HDLD	Số lượng	Bộ nhiệm lần đầu	Bộ nhiệm lại	QB bổ nhiệm lại quá thời hạn	Tỉ lệ ra QB quá thời hạn bổ nhiệm lại	Số lượng	Thời hạn	Số lượng phải kê khai	Đã kê khai	Tỉ lệ đã kê khai
1	An Giang	6	0					691	691					0	113	71	42	10	24%	8		7594	7561	99,6%
2	Bà Rịa Vũng Tàu	3	67		67			0						0	27	13	14	10	71%			0	0	0,0%
3	Bắc Cạn	12	2			2		0				0		0	56	40	16	4	25%	1		5375	5373	100,0%
4	Bắc Giang	14	0					1587	1587			1	1	0	436	254	182	40	22%	208		8448	8445	100,0%
5	Bạc Liêu	35	46	46				740	740					0	223	141	82	44	54%	7		4156	4155	100,0%
6	Bắc Ninh	7	18		18			1	1			1	1	0	24	12	12	7	58%			8192	8192	100,0%
7	Bến Tre	44	0					174	174			63	63	0	133	85	48	26	54%	31		8494	8494	100,0%
8	Bình Định	5	91		91			5		5		0		0	34	22	12		0%	13		14377	14349	99,8%
9	Bình Dương	4										8	8	0	102	71	31	2	6%	21		5167	5167	100,0%
10	Bình Phước	16	26			26		0				0		0	41	29	12		0%	61		10484	10463	99,8%
11	Bình Thuận	17	88		88			145	145					0	31	19	12	8	67%	281		6464	6459	99,9%
12	Cà Mau	5	21			21		36	36			20	20	0	37	25	12	2	17%	154		5273	5273	100,0%
13	Cần Thơ	10	63		63			0						0	38	29	9		0%	238		5999	5999	100,0%
14	Cao Bằng	5	84		84			193	193					0	33	28	5		0%	140		6510	6510	100,0%
15	Đà Nẵng	6	112	104		8		1444	648	734	62	44	44	0	55	46	9	2	22%	44		5811	5804	99,9%
16	Đắk Lắk	7	0					0				0		0	67	46	21		0%	3		13498	13404	99,3%

17	Đắk Nông	11	0					734	99	635		39	39	0	17	11	6	5	83%			4954	4935	99.6%
18	Điện Biên	10	98		98			236	236			8	8	0	239	156	83	40	48%	53		0	0	0.0%
19	Đồng Nai	10	0					12	12			25	25	0	44	28	16	5	31%	21		1079	1079	100.0%
20	Đồng Tháp	16	9	1		8		189	189			105	105	0	13	8	5	1	20%	54		2008	2007	100.0%
21	Gia Lai	15	138		138			0				11	11	0	244	110	134	70	52%			7858	7857	100.0%
22	Hà Giang	9	0					14	14			3	3	0	129	69	60	17	28%	189		9463	9463	100.0%
23	Hà Nam	4	49		49			130	130					0	48	16	32		0%			4681	4680	100.0%
24	Hà Nội	5												0	47	24	23		0%			0	0	0.0%
25	Hà Tĩnh	17	9	9			0	25	25		0	4	4	0	29	21	8	6	75%	182		7882	7882	100.0%
26	Hải Dương	5	0											0	79	66	13		0%	182		8173	8147	99.7%
27	Hải Phòng	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	107	100	7		0%	0	0	10463	10459	99.96%
28	Hậu Giang	15	0					0				0		0	32	16	16	1	6%			0	0	0.0%
29	Hồ Chí Minh	13	0					0				0		0	128	115	13	8	62%	906		33516	33514	100.0%
30	Hoà Bình	5	21		21			38		38		0		0	69	54	15	8	53%	123		5951	5944	99.9%
31	Hung Yên	9	105		94	11		208	208			1	1	0	134	39	95		0%	10		8057	8057	100.0%
32	Khánh Hoà	14	146		146	0		32	32					0	61	42	19		0%	0		181	181	100.0%
33	Kiên Giang	7	45			45		47			47	0		0	28	20	8		0%	0	0	5108	5106	100.0%
34	Kon Tum	5	35		35									0	23	11	12		0%			5447	5441	99.9%
35	Lai Châu	12	44		44			128	128			35	35	0	38	25	13	8	62%	198		5998	5991	99.9%
36	Lâm Đồng	2	0					5		5	0			0	28	19	9	4	44%	0		16717	16717	100.0%
37	Lạng Sơn	18	72	2	70			455	33	422				0	34	27	7		0%	1		10219	10219	100.0%
38	Lào Cai	22	22	22				296	26	270				0	83	72	11		0%	147		10865	10865	100.0%
39	Long An	3	42		42			398	281	117		0		0	26	23	3	1	33%			7899	7899	100.0%
40	Nam Định	19	112	14	98	0	0	2		2		0		0	49	36	13	3	23%	42		8239	8239	100.0%
41	Ngệ An	37	141	141				1207	1207			196	196	0	72	61	11	8	73%			19743	19731	99.9%
42	Ninh Bình	8	34		17	17		246	114	132				0	81	65	16	4	25%	112		11040	11037	100.0%
43	Ninh Thuận	8	63		63			424	424			50	50	0	146	106	40	25	63%	19		4597	4597	100.0%
44	Phú Thọ	8	96		96		0	427	423	4				0	20	11	9	5	56%	65		9840	9840	100.0%
45	Phú Yên	5	57		57			247	247			13	13	0	69	44	25	16	64%	35		5851	5849	100.0%
46	Quảng Bình	19	72	4	68	0	0	0						0	90	73	17	0	0%	4		408	408	100.0%

PHỤ LỤC SỐ: 2A

TỔNG HỢP SỐ LIỆU CHUNG CÔNG TÁC GIÁM SÁT CÁN BỘ, ĐẢNG VIÊN CẤP HUYỆN VỀ TUYỂN DỤNG

(Kèm theo Báo cáo số:446/BC-MTTW-BTT ngày 31/12/2021 của Ban Thường trực Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam)

STT	Tỉnh, Thành phố	Tổng số văn bản chỉ đạo liên quan đến CTCB	Ý kiến phản ánh của MTTQ và các TTCTXH gửi cấp ủy, chính quyền			TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC				TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC			HỢP ĐỒNG			
			Số lượng ý kiến phản ánh	Số lượng thông báo kết quả giải quyết ý kiến phản ánh	Tỉ lệ	Tổng số công chức được tuyển dụng	Hình thức Xét tuyển	Hình thi tuyển	Trường hợp vi phạm tuyển dụng	Tổng số viên chức được tuyển dụng	Hình thức xét tuyển	Hình thức thi tuyển	Tổng số Hợp đồng lao động	Có hợp đồng	Không có HĐ	HDLĐ không đúng vị trí
1	An Giang	Không giám sát			0%											
2	Bà Rịa Vũng Tàu	158	0	0	0%	35	11	24	0	429	429	0	34	29	5	0
3	Bắc Cạn	350	12	12	100%	33	10	23		31	30	1	1	1	0	
4	Bắc Giang	94	6	6	100%											
5	Bạc Liêu	196	7	7	100%	3	3			280	228	52	105	105	0	
6	Bắc Ninh	Không phụ lục			0%											
7	Bến Tre	25	8	8	100%	16	5	11	0	43	43	0	1	1	0	0
8	Bình Định	Chỉ giám sát tại 2 huyện			0%											
9	Bình Dương				0%											
10	Bình Phước	44	0	0	0%	31	1	30	0	214	98	116	233	177	56	11
11	Bình Thuận	56	42	42	100%	8	3	5	0	49	49	0	159	159	0	0
12	Cà Mau	141			0%	9	9			219	150	69	42	42	0	
13	Cần Thơ				0%	34	34			108	108		10	10	0	
14	Cao Bằng	28	159	145	91%	66	66			14	14		23	23	0	

STT	Tỉnh, Thành phố	Tổng số văn bản chỉ đạo liên quan đến CTCB	Ý kiến phản ánh của MTTQ và các TTCTXH gửi cấp ủy, chính quyền			TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC				TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC			HỢP ĐỒNG			
			Số lượng ý kiến phản ánh	Số lượng thông báo kết quả giải quyết ý kiến phản ánh	Tỉ lệ	Tổng số công chức được tuyển dụng	Hình thức Xét tuyển	Hình thi tuyển	Trường hợp vi phạm tuyển dụng	Tổng số viên chức được tuyển dụng	Hình thức xét tuyển	Hình thức thi tuyển	Tổng số Hợp đồng lao động	Có hợp đồng	Không có HĐ	HDLĐ không đúng vị trí
15	Đà Nẵng	Chỉ GS tại 3 quận		k có PL	0%											
16	Đắk Lắk	390	96	89	93%	319	0	319	0	2265	0	2265	300	0	300	0
17	Đắk Nông	56	14	14	100%	36		36	0	327	327	0	19	19	0	0
18	Điện Biên	56	0	0	0%	21	18	3	0	237	237	0	14	14	0	0
19	Đồng Nai	Không làm phụ lục		k có PL	0%											
20	Đồng Tháp	45			0%	2	2	0		324	324	0	83	83	0	
21	Gia Lai	165	3	3	100%	82	19	63	0	628	394	234	1	1	0	0
22	Hà Giang	Không làm phụ lục		k có PL	0%											
23	Hà Nam	25	72	72	100%	15	1	14	0	1574	1574	0	0	0	0	0
24	Hà Nội	30	61	61	100%	22	22	0	0	2524	1571	953	94	94	0	0
25	Hà Tĩnh	Chưa có phụ lục			0%											
26	Hải Dương	T12 mới gửi dc			0%											
27	Hải Phòng	89			0%	22	7	15		245		245	60	60	0	
28	Hậu Giang	91			0%	2	2			262	262					
29	Hồ Chí Minh	không gs cán bộ			0%											
30	Hoà Bình	8			0%											
31	Hưng Yên	9			0%	266	105	161		1637	540	1097	1	1	0	
32	Khánh Hoà	Hết T12			0%											

STT	Tỉnh, Thành phố	Tổng số văn bản chỉ đạo liên quan đến CTCB	Ý kiến phản ánh của MTTQ và các TTCTXH gửi cấp ủy, chính quyền			TUYÊN DỤNG CÔNG CHỨC				TUYÊN DỤNG VIÊN CHỨC			HỢP ĐỒNG			
			Số lượng ý kiến phản ánh	Số lượng thông báo kết quả giải quyết ý kiến phản ánh	Tỉ lệ	Tổng số công chức được tuyển dụng	Hình thức Xét tuyển	Hình thi tuyển	Trường hợp vi phạm tuyển dụng	Tổng số viên chức được tuyển dụng	Hình thức xét tuyển	Hình thức thi tuyển	Tổng số Hợp đồng lao động	Có hợp đồng	Không có HĐ	HDLĐ không đúng vị trí
33	Kiên Giang	Chưa có phụ lục			0%											
34	Kon Tum	Không có số liệu			0%											
35	Lai Châu	86	5	5	100%	6	3	3	0				199	199	0	0
36	Lâm Đồng	94	0	0	0%	35	32	3	0	1584	1584	0	1	1	0	0
37	Lạng Sơn	187	0	0	0%	44	20	24	0	258	22	236	180	180	0	0
38	Lào Cai	677	29	28	97%	21	8	13	0	29	11	18	185	149	36	0
39	Long An	Ko tổ chức GS			0%											
40	Nam Định	34	0	0	0%	56	0	56	0	1276	0	1276	7	7		0
41	Nghệ An	55	116	109	94%	43	39	4	0	889	889	0	226	226		0
42	Ninh Bình	73			0%	17	6	11		232		232	50	50		
43	Ninh Thuận	46	10	10	100%	84	17	67		147	147					
44	Phú Thọ	131	45	45	100%	17	5	12	0	249	233	16	25	25		0
45	Phú Yên	67	0	0	0%	25	0	25	0	225	181	144	10	5	5	0
46	Quảng Bình	15	32	30	94%	22	6	16	0	744	744	0	138	138		0
47	Quảng Nam	171	118	108	92%	266	161	105	0	1637	540	1097	827	561	266	0
48	Quảng Ngãi	98	6	1	17%	31	25	6	0	160	23	137	12	12		0
49	Quảng Ninh				0%											
50	Quảng Trị	76	6	6	100%	22	12	10	0	301	264	37	7	7		0
51	Sóc Trăng	13			0%	41		41		241		241	244	244		

STT	Tỉnh, Thành phố	Tổng số văn bản chỉ đạo liên quan đến CTCB	Ý kiến phản ánh của MTTQ và các TTCTXH gửi cấp ủy, chính quyền			TUYÊN DỤNG CÔNG CHỨC				TUYÊN DỤNG VIÊN CHỨC			HỢP ĐỒNG			
			Số lượng ý kiến phản ánh	Số lượng thông báo kết quả giải quyết ý kiến phản ánh	Tỉ lệ	Tổng số công chức được tuyển dụng	Hình thức Xét tuyển	Hình thi tuyển	Trường hợp vi phạm tuyển dụng	Tổng số viên chức được tuyển dụng	Hình thức xét tuyển	Hình thức thi tuyển	Tổng số Hợp đồng lao động	Có hợp đồng	Không có HĐ	HDLĐ không đúng vị trí
52	Sơn La	132	0	0	0%	53	0	53	0	478	477	1	13	13	0	0
53	Tây Ninh	52	3	3	100%	36	17	19		263	211	52	94	94		
54	Thái Bình				0%											
55	Thái Nguyên	76	0	0	0%	56	46	10	0	428	46	362	1	1	0	0
56	Thanh Hoá	567	3	3	100%	85	85	0	0	5612	5612	0	55	55		
57	Thừa Thiên Huế	18	1	1	100%	27	0	27	0	392	392	0	23	23		0
58	Tiền Giang				0%											
59	Trà Vinh	37	24	21	88%	16	2	14	0	108	86	22	6	6		0
60	Tuyên Quang				0%											
61	Vĩnh Long	75	6	5	83%	56	56	0	-	61.00	61.00	0	0	0		0
62	Vĩnh Phúc				0%											
63	Yên Bái	24	0	0	0%	1	1	0	19	5	5	0	1	1		0
Tổng số		4750	884	834	94%	2026	813	1213	19	26809	17906	8903	3483	2815	668	11

PHỤ LỤC SỐ: 2B
TỔNG HỢP SỐ LIỆU CHUNG CÔNG TÁC GIÁM SÁT CÁN BỘ, ĐẢNG VIÊN CẤP HUYỆN
VỀ CÔNG TÁC BỔ NHIỆM, CHUYỂN ĐỔI VỊ TRÍ CÔNG TÁC VÀ KÊ KHAI TÀI SẢN
(Kèm theo Báo cáo số: 446/BC-MTTW-BTT ngày 31/12/2021 của Ban Thường trực Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam)

STT	Tỉnh, Thành phố	BỔ NHIỆM					CHUYỂN ĐỔI VỊ TRÍ CÔNG TÁC				KÊ KHAI TÀI SẢN		
		Tổng số người được bổ nhiệm	Số người bổ nhiệm lần đầu	Số người bổ nhiệm lại	Số người có QĐBN quá thời hạn	Tỉ lệ	Tổng số người trong diện phải chuyển đổi công tác	Số người đã chuyển đổi vị trí công tác	Số người chưa chuyển đổi vị trí công tác	Tỉ lệ	Tổng số người phải kê khai	Số người đã kê khai	Tỉ lệ
1	An Giang					0%				0%			0%
2	Bà Rịa Vũng Tàu	217	51	166	6	4%	147	84	63	43%	3728	3728	100%
3	Bắc Cạn	111	66	45		0%	60	43	17	28%	2653	2646	100%
4	Bắc Giang	81	5	76	5	7%	110	80	30	27%	3801	3801	100%
5	Bạc Liêu	128	83	45	2	4%	85	62	23	27%	1823	1823	100%
6	Bắc Ninh					0%				0%			0%
7	Bến Tre	39	28	11	0	0%	35	26	9	26%	2642	2642	100%
8	Bình Định					0%				0%			0%
9	Bình Dương					0%				0%			0%
10	Bình Phước	220	108	112	4	4%	41	23	18	44%	2568	2568	100%
11	Bình Thuận	64	30	34	0	0%	48	19	29	60%	1440	1440	100%
12	Cà Mau	241	116	125	5	4%	104	60	44	42%	1007	1007	100%
13	Cần Thơ	167	85	82	8	10%	64	34	30	47%			0%
14	Cao Bằng	190	95	95		0%	22	22		0%	4728	4720	100%

STT	Tỉnh, Thành phố	BỘ NHIỆM					CHUYỂN ĐỔI VỊ TRÍ CÔNG TÁC				KÊ KHAI TÀI SẢN		
		Tổng số người được bổ nhiệm	Số người bổ nhiệm lần đầu	Số người bổ nhiệm lại	Số người có QĐBN quá thời hạn	Tỉ lệ	Tổng số người trong diện phải chuyển đổi công tác	Số người đã chuyển đổi vị trí công tác	Số người chưa chuyển đổi vị trí công tác	Tỉ lệ	Tổng số người phải kê khai	Số người đã kê khai	Tỉ lệ
15	Đà Nẵng					0%				0%			0%
16	Đắk Lắk	100	45	55	0	0%	81	81	0	0%	15045	15045	100%
17	Đắk Nông	216	119	97	0	0%	104	96	8	8%	3211	3169	99%
18	Điện Biên	330	220	110	0	0%	50	50		0%			0%
19	Đồng Nai					0%				0%			0%
20	Đồng Tháp	328	196	132		0%	54	54		0%	6877	6873	100%
21	Gia Lai	591	266	325	0	0%	48	39	9	19%	2662	2662	100%
22	Hà Giang					0%				0%			0%
23	Hà Nam	109	55	54	0	0%	53	53	0	0%	2903	2903	100%
24	Hà Nội	1682	776	906	0	0%	171	171	0	0%	18470	18466	100%
25	Hà Tĩnh					0%				0%			0%
26	Hải Dương					0%				0%			0%
27	Hải Phòng	512	225	287		0%	127	112	15	12%			0%
28	Hậu Giang	177	55	122		0%	12	12	0	0%	2178	2178	100%
29	Hồ Chí Minh					0%				0%			0%
30	Hoà Bình	215	114	101		0%	84	84		0%	4647	4645	100%
31	Hưng Yên	100	5	95		0%	10	10		0%			0%
32	Khánh Hoà					0%				0%			0%
33	Kiên Giang					0%				0%			0%

STT	Tỉnh, Thành phố	BỘ NHIỆM					CHUYỂN ĐỔI VỊ TRÍ CÔNG TÁC				KÊ KHAI TÀI SẢN		
		Tổng số người được bổ nhiệm	Số người bổ nhiệm lần đầu	Số người bổ nhiệm lại	Số người có QĐBN quá thời hạn	Tỉ lệ	Tổng số người trong diện phải chuyển đổi công tác	Số người đã chuyển đổi vị trí công tác	Số người chưa chuyển đổi vị trí công tác	Tỉ lệ	Tổng số người phải kê khai	Số người đã kê khai	Tỉ lệ
34	Kon Tum					0%				0%			0%
35	Lai Châu	339	177	162	0	0%	136	136		0%	3322	3322	100%
36	Lâm Đồng	526	204	322	0	0%	92	92	0	0%	6288	6288	100%
37	Lạng Sơn	205	151	54	0	0%	116	82	34	29%	5108	5107	100%
38	Lào Cai	174	96	78	0	0%	90	24	66	73%	2007	845	42%
39	Long An					0%				0%			0%
40	Nam Định	229	111	118	0	0%	32	32		0%	6251	6251	100%
41	Nghệ An	879	481	398	56	14%	426	426	0	0%	12021	12015	100%
42	Ninh Bình	469	213	256	1	0%	87	87		0%			0%
43	Ninh Thuận	240	202	38		0%	59	51	8	14%	2315	2315	100%
44	Phú Thọ	356	156	200	0	0%	166	166	0	0%	3466	3466	100%
45	Phú Yên	140	94	46	0	0%	30	30	0	0%	3804	3804	100%
46	Quảng Bình	389	210	179	0	0%	41	41	0	0%	5150	5105	99%
47	Quảng Nam	711	532	179	31	17%	160	159	1	1%	5891	5857	99%
48	Quảng Ngãi	245	189	56	0	0%	41	3	38	93%	3009	3009	100%
49	Quảng Ninh					0%				0%			0%
50	Quảng Trị	189	95	94	2	2%	136	94	42	31%	3736	3734	100%
51	Sóc Trăng	205	109	96	7	7%	162	76	86	53%	624	624	100%
52	Sơn La	372	294	78	0	0%	137	137	0	0%			0%

STT	Tỉnh, Thành phố	BỘ NHIỆM					CHUYỂN ĐỔI VỊ TRÍ CÔNG TÁC				KÊ KHAI TÀI SẢN		
		Tổng số người được bổ nhiệm	Số người bổ nhiệm lần đầu	Số người bổ nhiệm lại	Số người có QĐBN quá thời hạn	Tỉ lệ	Tổng số người trong diện phải chuyển đổi công tác	Số người đã chuyển đổi vị trí công tác	Số người chưa chuyển đổi vị trí công tác	Tỉ lệ	Tổng số người phải kê khai	Số người đã kê khai	Tỉ lệ
53	Tây Ninh	245	133	112		0%	72	72		0%	4827	4827	100%
54	Thái Bình					0%				0%			0%
55	Thái Nguyên	297	181	116	0	0%	123	122	1	1%	5937	5937	100%
56	Thanh Hoá	768	475	293	52	18%	52	52	0	0%	5077	5077	100%
57	Thừa Thiên Huế	174	100	74	3	4%	75	67	8	11%	5104	5104	100%
58	Tiền Giang					0%				0%			0%
59	Trà Vinh	367	196	171	0	0%	117	102	15	13%	4391	4391	100%
60	Tuyên Quang					0%				0%			0%
61	Vĩnh Long	198	128	70	3	4%	73	73	0	0%	12748	12748	100%
62	Vĩnh Phúc					0%				0%			0%
63	Yên Bái	143	60	83	0	0%	23	23	0	0%	1336	1336	100%
	Tổng số	13678	7330	6348	185	3%	3956	3362	594.00	15%	182795	181478	99.3%

PHỤ LỤC SỐ: 3A

TỔNG HỢP SỐ LIỆU CHUNG CÔNG TÁC GIÁM SÁT CÁN BỘ, ĐẢNG VIÊN 2 CẤP VỀ TUYỂN DỤNG

(Kèm theo Báo cáo số: 446/BC-MTTW-BTT ngày 31/12/2021 của Ban Thường trực Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam)

STT	Tỉnh, Thành phố	Tổng số văn bản chỉ đạo liên quan đến CTCB	Ý kiến phản ánh của MTTQ và các TTCTXH gửi cấp ủy, chính quyền			TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC				TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC				TUYỂN DỤNG HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG			
			Số lượng ý kiến phản ánh	Số lượng thông báo kết quả giải quyết ý kiến phản ánh	Tỷ lệ %	Tổng số công chức được tuyển dụng	Hình thức Xét tuyển	Hình thức tuyển	Hình thức khác	tổng số viên chức được tuyển dụng	Hình thức xét tuyển	Hình thức thi tuyển	Hình thức khác	Tổng số Hợp đồng lao động	Có hợp đồng	Không có HĐLĐ	HĐLĐ không đúng vị trí
1	Cấp tỉnh	713				3559	641	2450	468	29616	21503	8001	112	1140	1140	0	
2	Cấp huyện	4750	884	834	94%	2026	813	1213		26809	17906	8903		3483	2815	668	11
Tổng số		5463	884	834	94,3	5585	1454	3663	468	56425	39409	16904	112	4623	3955	668	11

PHỤ LỤC SỐ: 3B
TỔNG HỢP SỐ LIỆU CHUNG CÔNG TÁC GIÁM SÁT CÁN BỘ, ĐẢNG VIÊN 2 CẤP
VỀ CÔNG TÁC BỎ NHIỆM, CHUYỂN ĐỔI VỊ TRÍ CÔNG TÁC VÀ KÊ KHAI TÀI SẢN
(Kèm theo Báo cáo số: 446/BC-MTTW-BTT ngày 31/12/2021 của Ban Thường trực Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam)

STT	Tỉnh, Thành phố	BỎ NHIỆM					CHUYỂN ĐỔI VỊ TRÍ CÔNG TÁC				KÊ KHAI TÀI SẢN		
		Tổng số người được bỏ nhiệm	Số người bỏ nhiệm lần đầu	Số người bỏ nhiệm lại	Số người có QĐBN quá thời hạn	Tỷ lệ %	Tổng số người trong diện phải chuyển đổi công tác	Số người đã chuyển đổi vị trí công tác	Số người chưa chuyển đổi vị trí công tác	Tỷ lệ %	Tổng số người phải kê khai	Số người đã kê khai	Tỷ lệ %
1	Cấp tỉnh	4688	3186	1502	437	29.23%	4942	4942	0	0	458373	458038	99.9%
2	Cấp huyện	13678	7330	6348	185	3%	3956	3362	594.00	15%	182795	181478	99.3%
Tổng số		18366	10516	7850	622	8%	8898	3362	594	38%	641168	639516	99.7%

PHỤ LỤC SỐ 4
DANH SÁCH CÁC ĐỊA PHƯƠNG CÓ TỈ LỆ BỎ NHIỆM LẠI
QUÁ THỜI HẠN QUY ĐỊNH TỪ 50% TRỞ LÊN
(Kèm theo Báo cáo số: 446/BC-MTTW-BTT ngày 31/12/2021 của Ban Thường trực Ủy ban
Trung ương MTTQ Việt Nam)

STT	Tỉnh, Thành phố	Bỏ nhiệm lại	QĐ bỏ nhiệm lại quá thời hạn	Tỉ lệ ra QĐ quá thời hạn quy định bỏ nhiệm lại
1	Quảng Ninh	18	9	50%
2	Gia Lai	134	70	52%
3	Hoà Bình	15	8	53%
4	Bạc Liêu	82	44	54%
5	Bến Tre	48	26	54%
6	Phú Thọ	9	5	56%
7	Tuyên Quang	14	8	57%
8	Bắc Ninh	12	7	58%
9	Thái Bình	5	3	60%
10	Hồ Chí Minh	13	8	62%
11	Lai Châu	13	8	62%
12	Ninh Thuận	40	25	63%
13	Phú Yên	25	16	64%
14	Bình Thuận	12	8	67%
15	Vĩnh Phúc	3	2	67%
16	Bà Rịa Vũng Tàu	14	10	71%
17	Nghệ An	11	8	73%
18	Hà Tĩnh	8	6	75%
19	Đắk Nông	6	5	83%
20	Tây Ninh	3	3	100%
21	Vĩnh Long	9	9	100%

PHỤ LỤC SỐ 5

DANH SÁCH CÁC TRƯỜNG HỢP VI PHẠM QUY TRÌNH BỎ NHIỆM LẠI
(Ban hành quyết định bổ nhiệm lại quá thời hạn từ 02 tháng trở lên)

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Quyết định bổ nhiệm	Chức danh bổ nhiệm	Quyết định bổ nhiệm lại	Bổ nhiệm lại quá thời hạn
1.	Phan Thanh Tân	10/6/1965	Số 4297 – QĐNS/TU, ngày 21/01/2015	Phó Chánh Văn phòng Thành ủy, TP. Hồ Chí Minh	Số 07 – QĐNS/TU, ngày 14/11/2020	09 tháng, 24 ngày
2.	Nguyễn Kỳ Phùng	04/04/1966	Số 248 – QĐNS/TU, ngày 26/08/2014	Phó Giám đốc Sở Khoa học và CN TP. Hồ Chí Minh	Số 168 – QĐNS/TU, ngày 09/09/2020	01 năm, 13 ngày
3.	Trần Ngọc Sơn	07/7/1966	Số 24/QĐ- UBND, ngày 29/01/2015	Phó Giám đốc Sở LĐ - TBXH TP. Hồ Chí Minh	Số 57/QĐ- UBND, ngày 27/4/2020	02 tháng, 28 ngày
4.	Nguyễn Tư Tường Minh	25/10/1987	Số 3099 – QĐNS/TU, ngày 25/8/2014	PGĐ – TBT Nhà xuất bản Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh	Số 3380 – QĐNS/TU, ngày 17/7/2020	10 tháng, 22 ngày
5.	Hà Minh Thu	17/5/1976	Số 564/QĐ – SYT, ngày 18/5/2011	Trưởng phòng, Sở Y tế tỉnh Bắc Giang	Số 2083/QĐ – SYT, ngày 30/12/2019	03 năm, 07 tháng, 12 ngày
6.	Hoàng Thị Thanh Minh	15/5/1967	Số 14/QĐ – CCDS, ngày 25/2/2009	Phó Trưởng phòng, Sở Y tế T Bắc Giang	Số 65/QĐ – CCDS, ngày 25/2/2020	06 năm, 8 tháng, 04 ngày
7.	Trịnh Thị Thanh	28/01/1978	Số 1789/QĐ – SYT, ngày 17/12/2009	Phó Trưởng phòng, Sở Y tế T Bắc Giang	Số 63/QĐ – CCDS, ngày 31/12/2019	05 năm, 14 ngày
8.	Nguyễn Quốc Vỹ	01/5/1964	Số 203/QĐ – BVSNN, ngày 26/8/2010	Trưởng khoa Phẫu thuật, GMHS, BV Sản Nhi tỉnh Bắc Giang	Số 1164/QĐ – BVSNN, ngày 28/8/2020	05 năm, 02 ngày

9.	Ngô Thanh Thủy	20/10/1973	Số 193/QĐ – BVSN, ngày 26/8/2010	Trưởng khoa Dược, Bệnh viện Sản Nhi Bắc Giang	Số 1164/QĐ – BVSN, ngày 28/8/2020	05 năm, 02 ngày
10.	Lê Quốc Vụ Khanh	09/25/1971	Số 1161/QĐ – SGĐĐT, ngày 02/10/2013	Phó Hiệu trưởng Trường THPN Nguyễn Trung Trực, Sở GD, Khoa học và CN tỉnh Bạc Liêu	Số 1078/QĐ – SGDKHCN, ngày 11/5/2020	01 năm, 09 tháng, 09 ngày
11.	Nguyễn Hoàng Diệu	25/12/1979	Số 212/QĐ – SGĐĐT, ngày 31/3/2014	Phó Hiệu trưởng Trường THPT Tân Phong, Sở GD, Khoa học và CN tỉnh Bạc Liêu	Số 2115/QĐ – SGDKHCN, ngày 04/11/2020	01 năm, 07 tháng, 04 ngày
12.	Nguyễn Văn Phúc	18/11/1963	Số 03/QĐ – SNN, ngày 08/01/2015	Chi cục Trưởng Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bạc Liêu	Số 35/QĐ – SNN, ngày 27/7/2020	06 tháng 19 ngày
13.	Dương Văn Khải	10/4/1964	Số 120/QĐ – SNV, ngày 22/12/2009	Phó Trưởng Phòng Nội vụ huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu	Số 310/QĐ – UBND ngày 08/6/2020	05 năm, 05 tháng, 16 ngày
14.	Hà Việt Sĩ	30/5/1974	Số 4541/QĐ – UBND ngày 15/12/2012	Phó Giám đốc Trung tâm Văn hóa – Thể thao huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu	Số 1020/QĐ – UBND Ngày 06/05/2020	02 năm, 04 tháng, 21 ngày
15.	Nguyễn Văn Đăng	1968	Số 6669/QĐ – UBND ngày 02/12/2012	Giám đốc Thư viện huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu	Số 1019/QĐ- UBND ngày 06/5/2020	02 năm, 05 tháng, 04 ngày
16.	Dương Quốc Hiệp	1971	Số 5519/QĐ- UBND ngày 06,12/2013	Phó Trưởng Phòng LĐTB và XH huyện, tỉnh Bạc Liêu	Số 2614/QĐ- UBND ngày 29/6/2020	01 năm, 06 tháng, 23 ngày
17.	Trần Quốc An	02/12/1969	Số 1645/QĐ- UBND, ngày 21/11/2013	Phó Giám đốc Trung tâm DV Đô thị huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu	Số 3925/QĐ- UBND ngày 28/7/2020	01 năm 08 tháng, 07 ngày
18.	Tô Thu An	19/4/1980	Số 2691/QĐ- UBND, ngày 01/9/2011	Phó Giám đốc Thư viện huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu	Số 3924/QĐ- UBND ngày 28/7/2020	03 năm, 10 tháng, 27 ngày
19.	Phạm Thị Thu Huyền	10/4/1973	Số 03/QĐ- ĐĐ, ngày 25/4/2007 của Đảng Đoàn Hội LHPN tỉnh Phú Yên	Trưởng Ban Tuyên giáo Hội LHPN tỉnh Phú Yên	Số 318 – QĐ/BTV, ngày 31/01/2020 của BTV Hội LHPN tỉnh Phú Yên	07 năm, 08 tháng, 06 ngày

20.	Phạm Thị Yên	10/4/1973	Số 72/QĐ- ĐĐ, ngày 08/7/2008 của Đảng Đoàn Hội LHPN tỉnh Phú Yên	Phó Chánh Văn phòng Hội LHPN tỉnh Phú Yên	Số 317- QĐ/BTV, ngày 31/01/2020 của BTV Hội LHPN tỉnh Phú Yên	06 năm, 06 tháng, 23 ngày
21.	Trịnh Thị Tuyết Trinh	15/8/1975	Số 105/QĐ- LĐLĐ, ngày 06/9/2010	Phó Trưởng Ban Tài Chính, Liên đoàn Lao động tỉnh Phú Yên	Số 113/QĐ- LĐLĐ, ngày 20/8/2020	04 năm, 11 tháng, 14 ngày
22.	Nguyễn Đình Trung	15/10/1968	Số 1270/QĐ- SNV, ngày 20/6/2012	Trưởng phòng XDCQ và CTTN Sở Nội vụ tỉnh Phú Yên	Số 299/QĐ- SNV, ngày 18/02/2020	07 năm, 07 tháng, 28 ngày
23.	Nguyễn Thanh Tuấn	04/09/1966	Số 68/QĐ- UBND, ngày 09/01/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên	Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thái Nguyên	Số 2998/QĐ- UBND ngày 28/9/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên	02 năm, 08 tháng, 19 ngày
24.	Trương Hữu Chiến	22/6/1972	Số 2090/QĐ- UBND, ngày 30/9/2014	Phó Giám đốc Sở Thông tin và truyền thông tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	Số 08/QĐ- UBND, ngày 06/01/2020	03 tháng, 06 ngày
25.	Nguyễn Văn Ba	02/4/1970	Số 1992/QĐ- UBND, ngày 17/8/2010	Phó Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	Số 2704/QĐ- UBND ngày 08/9/2020	05 năm 21 ngày
26.	Trương Văn Nam	11/01/1978	Số 1185- QĐ/TU, ngày 30/10/2009	Phó Tổng Biên tập Báo Quảng Nam	Số 1608- QĐ/TU, ngày 27/02/2020	05 năm, 03 tháng, 27 ngày
27.	Thái Việt Tường	20,6,1964	Số 1343- QĐ/TU, ngày 02/6/2010	Hiệu trưởng Trường Chính trị tỉnh Quảng Nam	Số 1732- QĐ/TU, ngày 08/6/2020	05 năm, 06 ngày
28.	Bùi Thị Hồng Tân	22/6/1968	Số 296/QĐ- STC, ngày 10/12/2014	Phó Trưởng Phòng quản lý giá và công sản, Sở Tài chính tỉnh Gia Lai	Số 36/QĐ- STC, ngày 07/4/2020	03 tháng, 27 ngày
29.	Nguyễn Trọng Tiến	20/10/1977	Số 276/QĐ- STC, ngày 02/12/2014	Phó Trưởng Phòng Tài chính đầu tư, Sở Tài chính tỉnh Gia Lai	Số 34/QĐ- STC, ngày 07/4/2020	04 tháng, 05 ngày
30.	Vũ Thị Thanh Bình	23/06/1976	Số 45/QĐ- SKHĐT, ngày 18/3/2015	Phó Trưởng Phòng Khoa giáo - Văn xã, Sở Kế hoạch - ĐT tỉnh Gia Lai	Số 176/QĐ- SKHĐT, ngày 28/10/2020	07 tháng, 10 ngày

31.	Nguyễn Thanh Giang	30/3/1963	Số 274/QĐ- SNN, ngày 15/4/2015	Phó Chi cục Trưởng Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản, Sở Nông nghiệp PTNT tỉnh Gia Lai	Số 570/QĐ- SNNPTNT, ngày 08/9/2020	04 tháng, 23 ngày
32.	Lê Ngọc Hữu	25/9/1970	Số 60/QĐ- SGTVT, ngày 25/4/2014	Phó Trưởng Phòng Quản lý Phương tiện và Người lái Sở GTVT tỉnh Gia Lai	Số 106/QĐ- SGTVT, ngày 21/02/2020	09 tháng, 26 ngày
33.	Trần Đình Sơn	24/9/1971	Số 217/QĐ- SGTVT, ngày 16/7/2014	Chánh Văn phòng Sở GTVT tỉnh Gia Lai	Số 680/QĐ- SGTVT, ngày 03/9/2020	01 năm, 01 tháng, 17 ngày
34.	Tăng Xuân Kiên	10/8/1965	Số 218/QĐ- SGTVT, ngày 16/7/2014	Trưởng Phòng Quản lý Phương tiện và Người lái Sở GTVT tỉnh Gia Lai	Số 678/QĐ- SGTVT, ngày 03/9/2020	01 năm, 01 tháng, 17 ngày
35.	Phan Văn Minh	05/8/1965	Số 27/QĐ- SVHTTDL, ngày 06/02/2015	Phó Chánh Văn phòng Sở VHTTDL tỉnh Gia Lai	Số 121/QĐ- SVHTTDL, ngày 15/6/2020	04 tháng, 09 ngày
36.	Lê Thị Thương	05/10/1973	Số 37/QĐ- SGĐĐT, ngày 20/9/2009	Phó Trưởng Phòng Giáo dục Tiểu học, Sở GDĐT tỉnh Gia Lai	Số 09/QĐ- SGĐĐT, ngày 27/02/2020	05 năm, 05 tháng, 07 ngày
37.	Rmah Kmlă	29/9/1974	Số 51/QĐ- SGĐĐT, ngày 17/12/2014	Phó Hiệu Trưởng Trường Dân tộc Nội trú T Gia Lai	Số 24/QĐ- SGĐĐT, ngày 06/5/2020	04 tháng, 19 ngày
38.	Xà Dương Thắng	05/05/1966	Số 560/QĐ- UBND, ngày 13/3/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Thuận	Giám đốc Sở Xây dựng tỉnh Bình Thuận	Số 2670/QĐ- UBND, ngày 30/10/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Thuận	07 tháng, 17 ngày
39.	Phan Thanh Đoài	01/4/1966	Số 5815- QĐ/TU, ngày 28/11/2014 của Ban TV tỉnh ủy tỉnh Nghệ An	Phó Trưởng Ban Dân vận tỉnh ủy Nghệ An	Số 3667- QĐ/TU, ngày 22/5/2020 của Ban TV tỉnh ủy tỉnh Nghệ An	05 tháng, 24 ngày
40.	Trần Quốc Khánh	01/9/1971	Số 5555- QĐ/TU, ngày 17/9/2014 của Ban TV tỉnh ủy tỉnh Nghệ An	Phó Trưởng Ban Thường trực, Ban Tuyên giáo tỉnh ủy Nghệ An	Số 3700- QĐ/TU, ngày 01/7/2020 của Ban TV tỉnh ủy tỉnh Nghệ An	09 tháng, 14 ngày

41.	Hồ Thị Châu Loan UBND	10/12/1976	Số 2668/QĐ- UBND, ngày 26/6/2015 của UBND tỉnh Nghệ An	Phó Giám đốc Sở LĐTBXH tỉnh Nghệ An	Số 3636/QĐ- UBND, ngày 16/10/2020 của UBND tỉnh Nghệ An	03 tháng, 20 ngày
42.	Đoàn Văn Chi	30/5/1965	Số 181/QĐ- UBND, ngày 06/8/2015, của UBND tỉnh Điện Biên	Phó Giám đốc Sở VHTT và Du lịch tỉnh Điện Biên	Số 519/QĐ- UBND, ngày 05/11/2020, của UBND tỉnh Điện Biên	02 tháng, 29 ngày
43.	Nguyễn Hữu Thọ	07/9/1966	Số 2391- QĐ/TU, ngày 07/8/2015 của Ban Thường vụ tỉnh ủy tỉnh Bến Tre	Phó Trưởng Ban Tuyên giáo tỉnh ủy tỉnh Bến tre	Số 25- QĐ/TU, ngày 06/11/2020 của Ban Thường vụ tỉnh ủy tỉnh Bến Tre	02 tháng, 29 ngày
44.	Trần Thống Nhất	03/11/1985	Số 5874/QĐ- UBND, ngày 01/02/2015 của Chủ tịch UBND huyện Giồng Trôm,	Phó Trưởng Phòng Nội vụ huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre	Số 4517/QĐ- UBND, ngày 30/11/2020 của Chủ tịch UBND huyện Giồng Trôm,	08 tháng, 29 ngày
45.	Lê Toàn Thắng	26/12/1975	Số 2139/QĐ- UBND, ngày 04/6/2014 của UBND tỉnh Hà Tĩnh	Phó Chánh Thanh tra tỉnh Hà Tĩnh	Số 1986/QĐ- UBND, ngày 29/6/2020 của UBND tỉnh Hà Tĩnh	01 năm, 29 ngày
46.	Nguyễn Văn Liêm	06/8/1967	Số 575/QĐ- UBND, ngày 17/3/2010 của Chủ tịch UBND tỉnh Vĩnh Long	Phó Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Vĩnh Long	Số 1354/QĐ- UBND, ngày 04/6/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Vĩnh Long	05 năm, 02 tháng, 17 ngày
47.	Tân A Xoang	23/9/1969	Số 575/QĐ- UBND, ngày 17/3/2010 của Chủ tịch UBND huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu	Trưởng Phòng LĐTB và XH huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu	Số 1716/QĐ- UBND, ngày 13/11/2020 của Chủ tịch UBND huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu	04 năm, 11 tháng, 14 ngày
48.	Lộ Anh Tuấn	10/02/1982	Số 606/QĐ- UBND, ngày 15/4/2015 của UBND huyện Ninh Phước, T Ninh Thuận	Phó Trưởng Phòng Nội vụ huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận	Số 606/QĐ- UBND, ngày 15/4/2015 của UBND huyện Ninh Phước, Ninh Thuận	04 tháng, 25 ngày
49.	Nguyễn Văn Cường	03/3/1966	Số 21/QĐ- UBND, ngày 08/10/2009 của Chủ tịch UBND huyện Thuận Nam tỉnh Ninh Thuận	Phó Chánh Thanh tra huyện Thuận Nam tỉnh Ninh Thuận	Số 644/QĐ- UBND, ngày 08/7/2020 của Chủ tịch UBND huyện Thuận Nam tỉnh Ninh Thuận	05 năm, 08 tháng

50.	Đặng Thủy Doan	28/9/1970	Số 2016/QĐ- UBND, ngày 09/9/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ninh	Phó Giám đốc Sở Ngoại vụ tỉnh Quảng Ninh	Số 336/QĐ- UBND, ngày 31/01/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ninh	04 tháng, 22 ngày
51.	Vũ Thị Kim Chi	06/01/1978	Số 1988/QĐ- UBND, ngày 09/9/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ninh	Phó Trưởng Ban Xúc tiến và Hỗ trợ đầu tư tỉnh Quảng Ninh	Số 679/QĐ- UBND, ngày 28/02/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ninh	05 tháng, 19 ngày
52.	Trương Mạnh Hùng	23/5/1974	Số 618/QĐ- UBND, ngày 31/3/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ninh	Phó Trưởng Ban Xúc tiến và Hỗ trợ đầu tư tỉnh Quảng Ninh	Số 678/QĐ- UBND, ngày 28/02/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ninh	10 tháng, 28 ngày
53.	Trần Tiến Hưng	29/9/1970	Số 3032/QĐ- UBND, ngày 12/7/2013 của Chủ tịch UBND thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh	Phó Chánh Thanh tra thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh	Số 2683/QĐ- UBND, ngày 17/4/2020 của Chủ tịch UBND thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh	01 năm, 09 tháng, 05 ngày
54.	Lương Quốc Thái	01/7/1973	Số 955/QĐ- UBND, ngày 04/8/2014 của Chủ tịch UBND huyện Hải Hà, tỉnh Quảng Ninh	Phó Trưởng Phòng Tài Nguyên – Môi trường , kiêm Giám đốc Văn phòng Đăng ký nhà đất huyện Hải Hà, tỉnh Quảng Ninh	Số 155/QĐ- UBND, ngày 21/01/2021 của Chủ tịch UBND huyện Hải Hà, tỉnh Quảng Ninh	01 năm, 05 tháng, 17 ngày

PHỤ LỤC SỐ 6

ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC TIẾP CÔNG DÂN CỦA CHỦ TỊCH UBND CÁC CẤP (từ 01/01/2020 đến 30/6/2021)

(kèm theo Báo cáo số 446/BC-MTTW-BTT ngày 31/10/2021 của Ban Thường trực Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam về Kết quả giám sát việc thực hiện pháp luật về tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp năm 2021)

STT	CẤP HÀNH CHÍNH	Số lượng văn bản của chỉ đạo	Số buổi Chủ tịch UBND tiếp:	tỉ lệ	Số buổi ủy quyền cho Phó CT	tỉ lệ	Số buổi ủy quyền khác	tỉ lệ	Tổng số vụ việc	Số đoàn đông người, phức tạp (trong tổng số vụ việc)	Số văn bản sau tiếp dân
1	CẤP TỈNH	904	529	47%	285	24%	206	18%	6053	481	3171
2	CẤP HUYỆN	705	12518	49%	3309	13%	1169	5%	11076	258	8080

PHỤ LỤC SỐ 7
TỔNG HỢP GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI CỦA CHỦ TỊCH UBND CÁC CẤP (từ 01/01/2020 đến 30/6/2021)

Bảng 01: Tổng số vụ khiếu nại

STT	CẤP HÀNH CHÍNH	Tổng số vụ	Khiếu nại lần 2		Vụ việc kéo dài, phức tạp		Đã giải quyết		Đang giải quyết	
			Số vụ việc	Tỉ lệ	Số vụ việc	Tỉ lệ	Số vụ, việc	Tỉ lệ	Số vụ, việc	Tỉ lệ
1	CẤP TỈNH	5499	2288	42%	248	5%	3550	65%	1025	19%
2	CẤP HUYỆN	10263	994	10%	31	0,3%	7532	73%	1148	11%

Bảng 02: Tổng số vụ khiếu nại đã và đang giải quyết

STT	CẤP HÀNH CHÍNH	Tổng số vụ	Số vụ tổ chức đối thoại	Tỉ lệ	Số vụ quá thời hạn giải quyết			
					Tổng số	Tỉ lệ	Số vụ quá hạn từ 6 tháng trở lên	Tỉ lệ
1	CẤP TỈNH	4575	1925	42%	813	18%	44	5,4%
2	CẤP HUYỆN	8680	482	6%	913	11%	94	10,3%

Bảng 03: Tổng số vụ khiếu nại đã giải quyết

STT	CẤP HÀNH CHÍNH	Tổng số vụ	Khiếu nại đúng		Khiếu nại sai		Khiếu nại đúng một phần	
			Số vụ	Tỉ lệ	Số vụ	Tỉ lệ	Số vụ	Tỉ lệ
1	CẤP TỈNH	3550	167	5%	2636	74%	193	5%
2	CẤP HUYỆN	7532	1223	16%	4715	63%	914	12%

PHỤ LỤC SỐ 8

TỔNG HỢP GIẢI QUYẾT TỔ CÁO CỦA CHỦ TỊCH UBND CÁC CẤP (từ 01/01/2020 đến 30/6/2021)

(kèm theo Báo cáo số 404/BC-MTTW-BTT ngày 18/10/2021 của Ban Thường trực Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam về Kết quả giám sát việc thực hiện pháp luật về tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp năm 2021)

Bảng 01: Tổng số vụ tố cáo

STT	CẤP HÀNH CHÍNH	Tổng số	Số vụ việc kéo dài, phức tạp		Số vụ đã giải		Số vụ đang giải quyết	
			Số vụ	Tỉ lệ	Số vụ	Tỉ lệ	Số vụ	Tỉ lệ
1	CẤP TỈNH	1282	53	4%	801	62%	186	15%
2	CẤP HUYỆN	2838	13	0.46%	2118	75%	276	10%

Bảng 02: Tổng số vụ tố cáo đã và đang giải quyết

STT	CẤP HÀNH CHÍNH	Tổng số	Số vụ ban hành quyết định giải quyết chậm		Số vụ gia hạn giải quyết lần 1		Số vụ gia hạn giải quyết lần 2		Số vụ quá thời hạn giải quyết			
			Số vụ	Tỉ lệ	Số vụ	Tỉ lệ	Số vụ	Tỉ lệ	Tổng số	Tỉ lệ	Quá hạn từ 6 tháng trở lên	Tỉ lệ
1	CẤP TỈNH	987	43	4%	52	5%	8	1%	218	22%	15	7%
2	CẤP HUYỆN	2394	6	0%	116	5%	43	2%	199	8%	11	6%

Bảng 03: Tổng số vụ tố cáo đã giải quyết

STT	CẤP HÀNH CHÍNH	Tổng số	Số vụ tố cáo đúng		Số vụ tố cáo sai		Số vụ tố cáo có đúng có sai		Số vụ việc thực hiện sau kết luận NDTC	
			Số vụ	Tỉ lệ	Số vụ	Tỉ lệ	Số vụ	Tỉ lệ	Số vụ	Tỉ lệ
1	CẤP TỈNH	837	94	11%	530	63%	151	18%	336	40%
2	CẤP HUYỆN	2118	725	34%	780	37%	538	25%	216	10%